

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



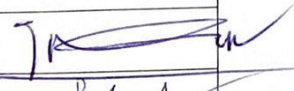
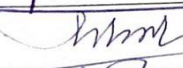
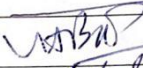
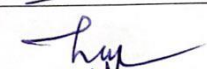
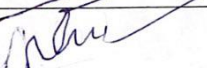
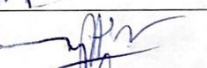
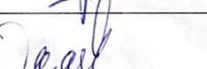
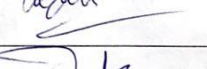
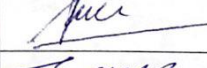
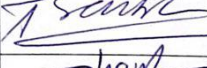
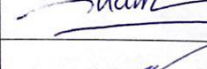
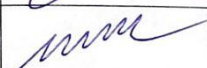
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2019-2023)**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 85 /QĐ-TDTTHCM ngày 18/ 5 /20223
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Võ Quốc Thắng	Bí thư Đảng ủy Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thanh Bình	Phó Bí thư Đảng ủy Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch thường trực	
3	Vũ Việt Bảo	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch	
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
5	Ngô Xuân Tăng	Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Thư ký	
6	Hồ Hải	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên	
7	Nguyễn Bảo Ninh	Trưởng Phòng công tác HSSV	Ủy viên	
8	Nguyễn Công Quân	Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Ủy viên	
9	Lê Thị Mỹ Hạnh	Phó Viện trưởng phụ trách Viện NCKH&CNTT	Ủy viên	
10	Nguyễn Đăng Chiêu	Giao quản lý, điều hành Khoa Y sinh học Thể dục Thể thao	Ủy viên	
11	Lý Vinh Trường	Trưởng Khoa Huấn luyện Thể thao	Ủy viên	
12	Chu Thị Bích Vân	Phó Trưởng khoa Quản lý Thể dục Thể thao	Ủy viên	
13	Tạ Hoàng Thiện	Trưởng Khoa Giáo dục thể chất	Ủy viên	
14	Lỗ Thị Thảo	Kế toán trưởng	Ủy viên	
15	Ngô Hồng Việt	Giảng viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên	
16	Lê Việt Anh	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên	
17	Nguyễn Thị Ánh Viên	Sinh viên Khóa 42, Khoa Huấn luyện Thể thao	Ủy viên	

Tổng cộng 17 người./

MỤC LỤC

Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1
1. Khái quát về Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh	1
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển.....	1
1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường.....	2
1.3. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường	14
1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh	6
.....	6
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường.....	6
2.1. Các quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường	6
2.2. Những thách thức chính của Trường và kế hoạch khắc phục	7
2.3. Những điểm mạnh, cơ hội và cách mà Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	10
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	10
Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	10
Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.....	11
Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.....	12
Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	13
Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	14
Tiêu chuẩn 2: Quản trị.....	16

Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị.....	16
Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.....	18
Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên ...	18
Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.	19
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý.....	22
Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	22
Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	23
Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.	24
Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý.	25
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	27
Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	27
Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.....	28
Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.....	29
Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	30
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng...	44
Tiêu chí 5.1: Hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	44

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện	45
Tiêu chí 5.3: Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD được rà soát thường xuyên	46
Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	47
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực	38
Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	38
Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.....	39
Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của viên chức, người lao động.	40
Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	40
Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	41
Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.	43
Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	43
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	46
Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	46
Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị và công cụ để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	47

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự Phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành. 49

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. 50

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành. 51

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại 55

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục 55

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, qui trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện 55

Tiêu chí 8.3: Các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. 57

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục. 57

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong 59

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 59

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 60

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện. 61

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai. 62

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục. 63

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BDCL của cơ sở giáo dục.....	64
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	66
Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	66
Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	67
Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	68
Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.....	68
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	81
Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập	81
Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.....	83
Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.....	85
Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	86
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng.....	78
Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	78
Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.....	79

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	80
Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.....	81
Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	81
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	95
Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục	95
Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo	96
Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.....	96
Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.....	97
Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.....	97
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	88
Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	88
Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	89
Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.....	90
Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	91
Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.....	92
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	94

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.....	94
Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	95
Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.	95
Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	97
Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	98
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	100
Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.	100
Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.....	101
Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.	102
Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.	103
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	105
Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.....	105
Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	106
Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.....	107
Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	108
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	111

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.	111
Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.....	113
Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	114
Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu khoa học được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	115
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	128
Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	117
Tiêu chí 19.2 Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai	129
Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện	129
Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.....	130
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.....	121
Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.....	121
Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.....	122
Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.	123
Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu	124
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	127
Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn sứ mạng của cơ sở giáo dục	127
Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.	128

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	128
Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.....	130
Tiêu chuẩn 22 Kết quả đào tạo	143
TC 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/ học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến..	143
Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	144
Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	145
Tiêu chí: 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	146
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	139
Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	139
Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	140
Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	146
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng.....	148
Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	148
Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	150
Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	151
Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	153
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường.....	155

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 155

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. 157

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC
THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH161**

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT NGUYÊN
1.	BCH	Ban chấp hành
2.	BGH	Ban Giám hiệu
3.	BCN	Ban chủ nhiệm
4.	CB	Cán bộ
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	GV	Giảng viên
7.	CBGV	Cán bộ giảng viên
8.	CBVC	Cán bộ viên chức
9.	NLĐ	Người lao động
10.	CĐR	Chuẩn đầu ra
11.	CLGD	Chất lượng giáo dục
12.	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
13.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14.	KTĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
15.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
16.	TDTT TP.HCM	Thẻ dực Thẻ thao Thành Phố Hồ Chí Minh
17.	GDTC	Giáo dục thể chất
18.	HLTT	Huấn luyện thể thao
19.	QLTT	Quản lý thể thao
20.	YS	Y sinh
21.	KTCB	Kiến thức cơ bản
22.	KT&KNCSN	Kiến thức kỹ năng cơ sở ngành
23.	CTĐT	Chương trình đào tạo
24.	CSGD	Cơ sở giáo dục
25.	CSVC	Cơ sở vật chất
26.	HCTH	Hành chính tổng hợp
27.	ĐTQLKHHTQT	Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
28.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
29.	CVHT	Cổ vấn học tập
30.	ĐGN	Đánh giá ngoài

31.	TĐG	Tự đánh giá
32.	ĐT	Đào tạo
33.	HTQT	Hợp tác quốc tế
34.	TN	Tầm nhìn
35.	SM	Sứ mạng
36.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
37.	GTCL	Giá trị cốt lõi
38.	MTCL	Mục tiêu chất lượng
39.	KHCN	Khoa học công nghệ
40.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
41.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
42.	ThS	Thạc sĩ
43.	TS	Tiến sĩ
44.	SV	Sinh viên
45.	HV	Học viên
46.	NH	Người học
47.	VHTTDL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
48.	VC	Viên chức
49.	CLB	Câu lạc bộ
50.	PPGD	Phương pháp giáo dục
51.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
52.	TTTT	Trung tâm thông tin
53.	CTDH	Chương trình dạy học
54.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
55.	CVHT	Cổ vấn học tập
56.	NTD	Nhà tuyển dụng

DANH MỤC CÁC BẢNG

BẢNG	NỘI DUNG	TRANG
Bảng 1	Mức đánh giá tiêu chuẩn 1	16
Bảng 2	Mức đánh giá tiêu chuẩn 2	22
Bảng 3	Mức đánh giá tiêu chuẩn 3	27
Bảng 4	Mức đánh giá tiêu chuẩn 4	32
Bảng 5	Mức đánh giá tiêu chuẩn 5	38
Bảng 6	Mức đánh giá tiêu chuẩn 6	45
Bảng 7	Mức đánh giá tiêu chuẩn 7	54
Bảng 8	Mức đánh giá tiêu chuẩn 8	59
Bảng 9	Mức đánh giá tiêu chuẩn 9	66
Bảng 10	Mức đánh giá tiêu chuẩn 10	70
Bảng 11	Mức đánh giá tiêu chuẩn 11	78
Bảng 12	Mức đánh giá tiêu chuẩn 12	83
Bảng 13	Mức đánh giá tiêu chuẩn 13	88
Bảng 14	Mức đánh giá tiêu chuẩn 14	94
Bảng 15	Mức đánh giá tiêu chuẩn 15	100
Bảng 16	Mức đánh giá tiêu chuẩn 16	105
Bảng 17	Mức đánh giá tiêu chuẩn 17	111
Bảng 18	Mức đánh giá tiêu chuẩn 18	117
Bảng 19	Mức đánh giá tiêu chuẩn 19	121
Bảng 20	Mức đánh giá tiêu chuẩn 20	126
Bảng 21	Mức đánh giá tiêu chuẩn 21	132
Bảng 22	Mức đánh giá tiêu chuẩn 22	139
Bảng 23	Mức đánh giá tiêu chuẩn 23	148
Bảng 24	Mức đánh giá tiêu chuẩn 24	155

Bảng 25	Mức đánh giá tiêu chuẩn 25	160
Bảng 26	Tổng hợp kết quả tự đánh giá trường đại học thể dục thể thao thành phố hồ chí minh	161

DANH MỤC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ	NỘI DUNG	TRANG
Sơ đồ 1.4	Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh	6

Phần I. HỒ SƠ VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Khái quát về Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thể dục, thể thao trình độ đại học, sau đại học và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Trường Đại học TDTT II tiền thân là Trường Cán bộ TDTT Miền Nam được thành lập ngày 28/1/1976, sau đó đổi tên thành Trường Trung học TDTT TW2.

Đến năm 1985 chính thức thành lập thành Trường Đại học TDTT II tại thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 234/HĐBT, ngày 18 tháng 09 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Năm 1992 Bộ VH-TT-DL quyết định thành lập Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia II đặt tại Trường Đại học TDTT II có nhiệm vụ tổ chức đào tạo, tập huấn cho các đội tuyển thể thao quốc gia làm nhiệm vụ quốc tế.

Về qui mô, năng lực, Trường Đại học TDTT II tọa lạc trên diện tích 12 hecta, có vị trí rất thuận lợi, nằm trong khu qui hoạch chung của Làng Đại học Thủ Đức, cạnh các trường đại học khác và khu công nghệ cao của thành phố. Hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế và tầm cỡ khu vực như đường chạy phủ nhựa tổng hợp, sân tập, phòng tập, bể bơi, trường bắn, khu giảng đường, thư viện điện tử, phòng nghe nhìn, phòng Lab, ký túc xá hoàn chỉnh khép kín đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập và rèn luyện của học viên, sinh viên.

Việc gắn mô hình Trường – Trung tâm đã tạo sự gắn kết chặt chẽ, chứng tỏ ưu việt của việc kết nối giữa quá trình đào tạo và nghiên cứu của Trường Đại học chuyển giao và ứng dụng, hỗ trợ công tác huấn luyện cho các đội tuyển thể thao quốc gia của Trung tâm.

Năm 1991, nhà trường được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học bậc thạc sĩ chuyên ngành thể thao với chỉ tiêu được tăng lên hàng năm.

Ngày 11/07/2008 Trường Đại học Thể dục Thể thao 2 chính thức đổi tên thành Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh.

Năm 2013, nhà trường được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học bậc tiến sĩ chuyên ngành thể thao với chỉ tiêu được tăng lên hàng năm.

Qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học TDTT TP.HCM đã đào tạo được trên 20.000 cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên TDTT trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Sinh viên của Trường được trang bị toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực công tác, nhiều cựu học sinh, sinh viên của Trường đã trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, giáo viên, huấn luyện viên giỏi, được các cơ sở sử dụng nhân lực đánh giá cao. Trường còn đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, xây cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, tạo vị thế là trung tâm đào tạo, khoa học và công nghệ TDTT của khu vực miền tây, miền nam, miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với một số trường của các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Mỹ, Nga, Cu Ba... về đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong lĩnh vực TDTT.

Về cơ sở vật chất, có diện tích 12 ha, Khu phố 6, Phường Linh Trung Thành phố Thủ Đức, Thành phố TP.HCM đã được đầu tư trang thiết bị, dụng cụ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc tương đối hiện đại, đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo trên 4000 sinh viên.

1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Tầm nhìn:

- Đến năm 2025, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao chất lượng cao, sinh viên có kiến thức hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng thị trường lao động và nhu cầu xã hội.

- Đến năm 2030, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành trung tâm khoa học ứng dụng về thể thao thành tích cao và thể thao vì sức khỏe cộng đồng, liên kết chặt chẽ các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, địa phương, các

liên đoàn thể thao và các bệnh viện có khoa y học TDDT. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học của nhà trường là các chuyên gia uy tín trong nước và khu vực.

Sứ mạng:

- Trường Đại học Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh thiết lập chính sách và vận hành đảm bảo chất lượng theo mô hình AUN-QA và toàn trường hướng tới văn hóa chất lượng.

- Đào tạo đa ngành từ bậc đại học đến tiến sĩ với các chương trình đào tạo hiện đại được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

- Phát triển khoa học, công nghệ hội nhập quốc tế; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng về thể thao thành tích cao, thể thao vì sức khỏe và giải trí của cộng đồng, thiết lập mạng lưới khoa học công nghệ TDDT khu vực phía nam và toàn quốc.

Giá trị cốt lõi: "Đoàn kết - Chất lượng - Khát vọng - Phát triển".

Giá trị văn hóa: "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

Triết lý giáo dục: "Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững".

1.3. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

1.3.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên

Về tổ chức bộ máy và nhân sự, hiện nay Trường Đại học TDDT TP.HCM có 4 phòng chức năng, 6 khoa và 6 tổ chức trực thuộc; Trường có 186 cán bộ, Công chức, viên chức, trong đó có 143 cán bộ giảng dạy cơ hữu, 1 Giáo sư, 11 PGS, 12 giảng viên cao cấp, 32 giảng viên có trình độ Tiến sĩ, 89 giảng viên có trình độ thạc sĩ, đội ngũ giảng viên của Trường có cơ cấu hợp lý, trẻ hóa, đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm, được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn giảng viên đại học, trong đó có nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong các lĩnh vực giảng dạy, biên soạn giáo trình, tài liệu, NCKH, quản lý TDDT, huấn luyện thể thao, tổ chức sự kiện thể thao, trọng tài thể thao ...

Hiện nay, quy mô đào tạo của Trường 1000 đến 4000 sinh viên. Trường tổ chức đào tạo bậc đại học cho 04 ngành gồm: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao và Quản lý TDDT, Y sinh học thể dục thể thao; đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục học về thể dục thể thao. Sinh viên ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao của Trường được lựa chọn học 15 chuyên ngành: Điền kinh, Thể dục, Bơi lội, Bóng đá, Cầu

lông, Bóng rổ, Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng ném, Cờ vua, Võ, Vật – Judo, Bắn súng, Quần vợt, Múa - Khiêu vũ. Hình thức đào tạo của Trường phong phú, phù hợp với nhu cầu của người học. Trường thường xuyên thực hiện việc đổi mới công tác quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Năm 2010 Trường đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong giáo dục theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Viện tiêu chuẩn Anh giám sát và cấp chứng nhận.

1.3.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, xây cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, tạo vị thế là trung tâm đào tạo, khoa học và công nghệ TĐTT của khu vực miền tây, miền nam, miền Trung, Tây nguyên và cả nước. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường, giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức nhiều hội nghị khoa học quốc tế thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến tham gia.

1.3.3. Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Tại đây nhiều tập đoàn, doanh nghiệp, hiệp hội, liên đoàn, các cơ sở giáo dục, các Sở, Trung tâm thể dục thể thao trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về thể dục thể thao đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển thể dục thể thao tại các địa phương.

Hàng năm Nhà trường tổ chức cho tổ chức Đoàn Thanh niên cử sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu. Bên cạnh

đó, Nhà trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động như xây nhà tình thương, hỗ trợ chăm sóc người già neo đơn, những hoàn cảnh khó khăn,...

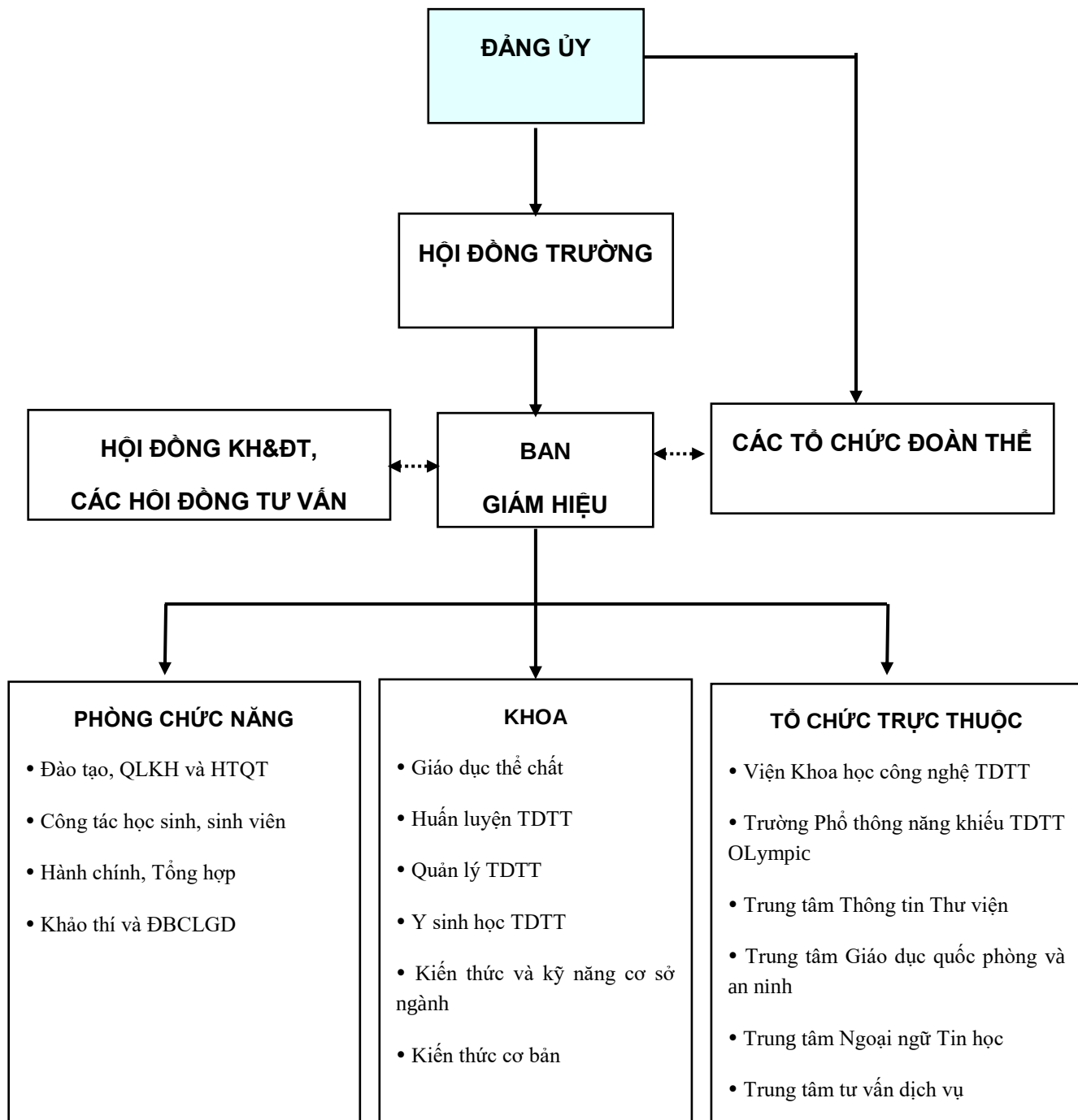
1.3.4. Hoạt động quan hệ hợp tác

Trường Đại học Thể dục Thể thao TP. HCM luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các doanh nghiệp. Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với một số trường của các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Mỹ, Nga, Cu Ba... về đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong lĩnh vực TDTT.

1.3.5. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển

Với những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực TDTT, Trường Đại học TDTT TP.HCM đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1995, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2006, Huân chương Độc lập hạng Ba 2011 và nhiều hình thức khen thưởng cao quý khác. Đảng bộ nhà trường được Thành ủy TP.HCM tặng Cờ thi đua về thành tích 5 năm liền (2010 - 2017) đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu xuất sắc. Công đoàn trường 9 năm liên tục (2010-2018) đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh tiêu biểu xuất sắc được tặng Cờ thi đua các cấp và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường liên tục là lá cờ đầu trong phong trào đoàn, được tặng Cờ thi đua của Thành Đoàn TP.HCM và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Trường còn có nhiều tập thể và cá nhân được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba và Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh



2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường

2.1. Các quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường

Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Nghị định 234/HĐBT, ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Ngày 11/07/2008 chính thức đổi tên thành Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh. Đại học TDTT TP.HCM là cơ sở công lập, đào tạo

nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực miền tây, miền nam, miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học TDTT TP.HCM luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của các cơ quan, tổ chức của cả nước.

Nhà trường luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD), nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác ĐBCLGD và hướng đến kiểm định chất lượng (KĐCL) trường đại học và KĐCL chương trình đào tạo để tìm ra những tồn tại, hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch điều chỉnh, cải tiến ngày càng hoàn thiện hơn.

Trước xu thế phát triển của giáo dục đại học thế giới nói chung Việt Nam nói riêng, đòi hỏi việc hòa nhập và công nhận lẫn nhau trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, Nhà trường luôn nhận thức được tính cấp thiết và tầm quan trọng của công tác ĐBCLGD và tự đánh giá KĐCL giáo dục.

2.2. Những thách thức chính của Trường và kế hoạch khắc phục

Trước sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, thế giới và Việt Nam đang bước vào thời kỳ “cách mạng công nghệ 4.0” đã và đang mang đến cho các trường đại học nói chung, Đại học TDTT TP.HCM nói riêng một số thách thức. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xác định 04 nguy cơ thách thức chính và có kế hoạch, giải pháp khắc phục những thách thức này.

Thứ nhất, sự cạnh tranh giữa các trường đại học trong và ngoài nước. Trước tình hình rất nhiều trường đại học trong nước không đủ chỉ tiêu tuyển sinh, trong khi các trường đại học nước ngoài không ngừng mời gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các thí sinh du học; Nhà trường luôn đặt mục tiêu chất lượng đào tạo lên hàng đầu và xác định chỉ có nâng cao chất lượng giáo dục mới tồn tại và cạnh tranh lành mạnh với các trường đại học trong và ngoài nước.

Thứ hai, việc đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Thực tế tiếp nhận sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường, nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng phải tốn kém thời gian đào tạo lại cho sinh viên. Do đó, Nhà trường xác định mục tiêu đào tạo của Trường theo định hướng ứng dụng. Theo đó, tất cả các học phần cơ sở và chuyên sâu của các chương trình đào tạo đều có nội dung thực hành, thí nghiệm. Sinh viên ra trường phải đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định.

Thứ ba, vấn đề giải quyết việc làm cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường. Để giải quyết việc làm cho sinh viên, Nhà trường luôn quan tâm duy trì và phát triển các mối quan hệ với doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tốt nghiệp cũng như tạo sự gắn kết giữa sinh viên và doanh nghiệp, giúp các sinh viên có thể quay trở lại doanh nghiệp làm việc sau khi tốt nghiệp. Trong các buổi tọa đàm định kỳ hằng năm giữa

Ban giám hiệu, lãnh đạo các khoa phòng và sinh viên, Nhà trường đặc biệt quan tâm những đề xuất, góp ý của sinh viên về vấn đề việc làm và cam kết giải quyết tìm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp của Trường.

Thứ tư, vấn đề NCKH và chuyển giao công nghệ. Trong những năm qua, chi phí dành cho NCKH chưa thật sự đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường. Nhà trường luôn khuyến khích các giảng viên nghiên cứu, đăng ký đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là các đề tài triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho các địa phương, đề xuất giải pháp hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp nhằm kích thích khả năng NCKH và chuyển giao công nghệ của lực lượng cán bộ khoa học của Nhà trường.

2.3. Những điểm mạnh, cơ hội và cách mà Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

2.3.1. Điểm mạnh của Trường

Đại học TDTT TP.HCM tọa lạc tại thành phố Hồ Chí Minh, là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của khu vực miền nam, thuận tiện cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD của Trường.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường tọa lạc tại Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Là một Trường Đại học đào tạo chuyên ngành về TDTT lớn nhất cả nước nên có hệ thống sân bãi, nhà tập luyện, dụng cụ tập luyện, thi đấu lớn, đầy đủ và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Về đội ngũ CB, GV, NV: Nhà trường có đội ngũ CB, GV, NV có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn CB, GV, NV. Đặc biệt, Nhà trường có đội ngũ GV trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo từ nhà trường và các trường danh tiếng nước ngoài, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp đào tạo và phát triển Trường.

Nhà trường luôn mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước với các doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, các trường đại học, cựu sinh viên, tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực.

2.3.2. Cơ hội của Trường

Xuất phát từ nhu cầu nguồn lực TDTT chất lượng cao phục vụ cho phát triển TDTT, kinh tế - xã hội thành Khu vực phía nam nói riêng, cả nước nói chung là cơ hội thuận lợi để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Xu thế hội nhập thế giới đã thúc đẩy mạnh mẽ việc trao đổi, hợp tác và huy động nguồn lực cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Nhà nước ngày càng quan tâm, chú trọng và có nhiều chính sách cho nền giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

2.3.3. Cách nắm bắt, tận dụng những điểm mạnh và cơ hội

Về đội ngũ giảng viên: Nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng giảng viên, có năng lực chuyên môn đảm bảo chuẩn nhà giáo theo quy định, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo.

Về cơ sở vật chất: Nhà trường tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại để Đại học TDTT TP.HCM trở thành trường trọng điểm cung cấp nguồn nhân lực TDTT, kinh tế - xã hội thành Khu vực phía nam và cả nước.

Về đào tạo: Nhà trường coi trọng và tăng cường đổi mới đào tạo theo hướng phát huy năng lực của người học. Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội và xu thế hiện đại hóa của giáo dục đại học; ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy và học. Duy trì thường xuyên công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Nhà trường tăng cường tạo điều kiện, cơ chế và chính sách cho cán bộ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động sáng tạo kỹ thuật. Chủ động hội nhập, tận dụng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế để triển khai các dự án, các nội dung ghi nhớ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học đã được ký kết.

Về tổ chức, quản lý: Nhà trường tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng lề lối, phương pháp làm việc của các đơn vị trực thuộc Trường theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Thường xuyên xem xét, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng bên trong nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Phụ lục 1)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1: *Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.*

Mô tả: Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh (ĐH TDTT TPHCM) được thành lập theo Nghị định số 234/HĐBT, ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) [H1.01.01.01]. Ngày 15 tháng 5 năm 2008 lần đầu công tầm nhìn, sứ mạng, Nhà Trường công bố tầm nhìn (TN) đến 2020 là: “Phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo TDTT đa cấp, tiên tiến, hội nhập toàn cầu về giáo dục – đào tạo. Phấn đấu trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao uy tín trong khu vực và thế giới” [H1.01.01.02]. Ngày 15 tháng 5 năm 2008, Nhà Trường công bố sứ mạng (SM) đến 2015 là: “Hướng mọi hoạt động của Trường vào yêu cầu của người học và xã hội. Tạo dựng môi Trường văn hóa chất lượng trong dạy – học hiện đại, người học có cơ hội tự học suốt đời. Triệt để áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong đào tạo. Gia tăng tính cạnh tranh đảm bảo sự phát triển bền vững của Trường” [H1.01.01.02]. Ngày 15 tháng 5 năm 2008, Nhà Trường công bố chính sách chất lượng (CSCL) đến 2010 là: “Thiết lập hệ thống quản lý giáo dục mở, công khai, minh bạch hướng hoàn toàn vào yêu cầu của người học và của xã hội. Cải tiến liên tục chương trình và phương pháp dạy-học tất cả các cấp đào tạo của Trường. Tiếp cận các dịch vụ giáo dục khu vực và thế giới, đào tạo theo tín chỉ, tạo môi Trường chủ động học tập đối với người học. Áp dụng đầy đủ công nghệ thông tin vào dạy-học, quản lý Nhà Trường. Phát huy mọi tiềm năng và cống hiến của tất cả các cá nhân, thiết lập kỷ cương, xây dựng tinh thần cộng đồng tập thể đáp ứng ngày càng cao yêu cầu Thể dục-Thể thao của Việt Nam và Thế giới” [H1.01.01.02].

Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà Trường đã rà soát, cập nhật, bổ sung TN, SM trong đề án phát triển Trường ĐH TDTT TPHCM giai đoạn 2014 đến 2020 và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt tại quyết định số 65/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2014 [H1.01.01.03]. Đến Năm 2021, thông qua việc khảo sát các bên liên quan [H1.01.01.04]. SM, TN, giá trị cốt lõi (GTCL) và MTCL của Trường được rà soát, cập nhật và bổ sung trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà Trường và ban hành: Sứ mạng là: “Trường Đại học Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh thiết lập chính sách và vận hành đảm bảo chất lượng theo mô hình AUN-QA và toàn trường hướng tới văn hóa chất lượng; Đào tạo đa ngành từ bậc đại học đến tiến sĩ với các chương trình đào tạo hiện đại được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, đáp ứng nhu cầu các bên liên quan; Phát triển khoa học, công nghệ hội nhập quốc tế; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng về thể thao thành tích cao, thể thao vì sức khỏe và giải trí của cộng đồng, thiết lập mạng lưới khoa học công nghệ TDTT khu vực phía nam và toàn quốc”. Tầm nhìn là: “Đến năm 2025, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao chất lượng cao, sinh viên có kiến thức hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng thị trường lao động và

nhu cầu xã hội; Đến năm 2030, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ trở thành trung tâm khoa học ứng dụng về thể thao thành tích cao và thể thao vì sức khỏe cộng đồng, liên kết chặt chẽ các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, địa phương, các liên đoàn thể thao và các bệnh viện có khoa y học TDTT. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học của nhà trường là các chuyên gia uy tín trong nước và khu vực”. GTCL là: “Đoàn kết - Chất lượng - Khát vọng - Phát triển” [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

Trong quá trình xây dựng TN, SM, GTCL, TLGD, Ban rà soát GTCL, TN, SM, TLGD luôn quan tâm đến các nội dung chiến lược phát triển giáo dục, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và của cả nước thông qua các văn bản của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, của Ủy ban nhân dân TPHCM như: Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.09]; Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020” [H1.01.01.10]; Ngoài ra, GTCL, TN, SM, TLGD của Trường được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực của Trường cũng như định hướng phát triển của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học TDTT TPHCM nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường ĐH TDTT TPHCM nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.01.11].

Trong Nghị quyết hàng năm, hàng quý, hàng tháng của BCH Đảng bộ Nhà trường luôn có nội dung yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động theo GTCL, TN, SM, TLGD đã xác định [H1.01.01.11]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc luôn có các hoạt động triển khai theo GTCL, TN, SM, TLGD đã xác định [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị xây dựng nội dung kế hoạch và triển khai kế hoạch theo GTCL, TN, SM, TLGD đã xác định [H1.01.01.14].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong quá trình hình thành, phát triển và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, Đảng ủy, BGH Nhà Trường xác định GTCL, TN, SM, TLGD là cơ sở định hướng cho các hoạt động của Trường. Năm 2019, Nhà Trường ban hành Quyết định số 141/QĐ-TDTTHCM, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh, bổ sung TN, SM, GTCL của Trường, trong đó GTCL của Trường được xác định là: “Kỷ cương - Chuẩn hóa - Đoàn kết - Phát triển” [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Đến năm 2021, Nhà Trường triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung ban hành Quyết định về việc công bố GTCL, TN, SM, TLGD của Trường Đại học TDTT TPHCM, trong đó giá trị cốt lõi của Trường được xác định là: “Đoàn kết - Khát vọng - Chất lượng - Phát triển” [H1.01.01.07], [H1.01.01.08].

Giá trị cốt lõi của Nhà Trường được xác định dựa trên các giá trị truyền thống của Trường, đó là “Đoàn kết - Khát vọng - Chất lượng - Phát triển” [H1.01.01.08]. Hơn 45 năm hình thành và phát triển, Nhà Trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị do Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và nhận được các hình thức khen thưởng của các cấp [H1.01.02.01], TCL của Nhà Trường đồng thời được xác định phù hợp với TN, SM của Trường và được phổ biến, quán triệt trong đội ngũ VC, NLĐ, SV, HV, NH nhằm hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược đã xác định [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

Ban rà soát GTCL, TN, SM, TLGD gửi dự thảo GTCL, TN, SM, TLGD đến các đơn vị để lấy ý kiến của VC, NLĐ và lãnh đạo các đơn vị hợp để tiếp thu ý kiến góp ý của VC, NLĐ, SV, HV, NH gửi bảng tổng hợp ý kiến VC, NLĐ, SV, HV, NH của đơn vị về Phòng Hành chính tổng hợp (HCTH) [H1.01.01.07]. Trong quá trình thảo luận và thông qua GTCL, TN, SM, TLGD của Trường, Ban rà soát GTCL, TN, SM, TLGD luôn chú trọng đến việc tiếp thu ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.04]. Để phát huy GTCL, trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà Trường luôn có nội dung chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, phổ biến, quán triệt cho toàn thể VC, NLĐ, SV, HV, NH về GTCL của Trường [H1.01.02.03]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà Trường luôn quán triệt, giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị triển khai tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể VC, NLĐ, SV, HV, NH chú trọng giữ gìn và phát huy GTCL của Trường [H1.01.01.14]. Hàng năm, trong kế hoạch năm học của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường luôn có các hoạt động cụ thể để triển khai các GTCL của Trường [H1.01.01.12]. Đối với viên chức (VC), người lao động (NLĐ) Công đoàn Trường phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn, ngày truyền thống nhà giáo, hội diễn văn nghệ quần chúng, thi nấu ăn, thi hát karaoke, giao lưu văn nghệ, thể thao..., đồng thời thành lập nhiều câu lạc bộ như: CLB võ thuật, CLB Bi sắt; CLB Bóng gỗ; CLB Tennis; CLB Cầu lông; CLB Bóng đá;... và thông qua đó góp phần phát huy GTCL của Nhà Trường [H1.01.02.04]. Đối với SV, Đoàn Thanh niên, Hội SV Trường tổ chức các hoạt động phong trào và được đoàn viên, SV tích cực tham gia như: Hội thi Sinh viên thanh lịch, Hội thi tiếng hát sinh viên, Thanh niên tình nguyện mùa hè xanh..., đồng thời thành lập nhiều câu lạc bộ như: CLB tiếng Anh, CLB võ thuật, CLB Bi sắt; CLB Bóng gỗ; CLB Tennis; CLB Cầu lông; CLB Bóng đá;... nhằm tạo cho SV luôn năng động, sáng tạo trong học tập, phát huy GTCL của Trường [H1.01.02.05]. Ngoài ra Nhà Trường đăng tải GTCL trên website của Trường, Sổ tay SV,... [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Mô tả: Sau khi nhà Trường đã có văn bản tuyên bố chính thức GTCL, TN, SM, TLGD thì các tổ chức trong Trường đã thực hiện phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.08]. Trong các Nghị quyết của

Đảng ủy Nhà Trường luôn chú trọng chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác truyền thông, phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD của Trường đến các bên liên quan [H1.01.01.11]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà Trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc luôn có các nội dung truyền thông, phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD của Trường đến các bên liên quan [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, hằng năm, các đơn vị trực thuộc Trường và các tổ chức đoàn thể có các kế hoạch tổ chức các hoạt động cụ thể để truyền thông, phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD của Trường đến các bên liên quan như: Trung tâm Thông tin, Thư viện chủ trì và phối hợp với các đơn vị để viết bài giới thiệu Trường, biên tập các video giới thiệu Trường, biên tập trong Sổ tay GV [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

Ban Giám hiệu Nhà Trường luôn chú trọng đến công tác truyền thông, phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD thông qua các bài phát biểu khai mạc tại các hoạt động, sự kiện lớn hằng năm của Nhà Trường như: Lễ khai giảng năm học mới, Lễ chào đón tân SV, Lễ tốt nghiệp, trao bằng, sự kiện kỷ niệm ngày thể thao Việt Nam 27/3 hằng năm, kỷ niệm ngày 20 tháng 11, ... [H1.01.03.01]. Công đoàn Nhà Trường phổ biến TN, SM, GTCL, TLGD đến VC, NLĐ thông qua các hoạt động như ngày truyền thống nhà giáo, hội diễn văn nghệ quần chúng, thi nấu ăn, thi hát karaoke, giao lưu văn nghệ, thể thao..., đồng thời thành lập nhiều câu lạc bộ như: CLB võ thuật, CLB Bi sắt; CLB Bóng gỗ; CLB Tennis; CLB Cầu lông; CLB Bóng đá [H1.01.02.04], [H1.01.03.02]. Đoàn Thanh niên, Hội SV Nhà Trường phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD thông qua các hoạt động như: Ngày hội sinh viên, Chiến dịch sinh viên tình nguyện, Hội thi tiếng hát sinh viên,... [H1.01.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà Trường triển khai Kế hoạch tổ chức truyền thông, phổ biến về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường thông qua các cuộc họp như: Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm; sinh hoạt sinh viên đầu khóa; sinh hoạt lớp hàng tháng của cố vấn học tập (CVHT) với lớp; Sổ tay SV; đăng tải nội dung trên pano, ... [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.02.07], [H1.01.03.05]. Các hoạt động truyền thông, phổ biến GTCL, TN, SM, TLGD góp phần thiết thực để các bên liên quan hiểu rõ về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường. [H1.01.01.04], [H1.01.01.06], [H1.01.01.05], [H1.01.01.04], [H1.01.01.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan trong việc thực hiện GTCL, TN, SM, TLGD, năm 2021, Nhà Trường thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng ban, Phó hiệu trưởng là Phó Trưởng ban, Trưởng Phòng HCTH là ủy viên thường trực, các thành viên là Chủ tịch Hội đồng Trường, Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế (ĐTQLKHHTQT), Trưởng Phòng KTĐBCLGD, Phó Trưởng Phòng HCTH [H1.01.01.06]. Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên để triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.05].

Căn cứ quy định về việc khảo sát các bên liên quan, năm 2021, Phòng KTĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trình Hiệu trưởng ký ban hành và triển khai thực hiện [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có nội dung khảo sát về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.04.03]. Phòng HCTH là đơn vị lấy kiến toàn thể VC, NLĐ; Các khoa chuyên môn lấy ý kiến của SV; Phòng ĐTQLKHHTQT lấy ý kiến của HV, Phòng CTHSSV lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài Trường (doanh nghiệp, nhà tuyển dụng) về GTCL, TN, SM, TLGD [H1.01.04.02]. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan về GTCL, TN, SM, TLGD được Phòng HCTH, gửi đến Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường nhằm đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan [H1.01.01.04].

Năm 2021, Phòng HCTH thực hiện báo cáo rà soát về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường, trong đó có đề cập đến ý kiến của các bên liên quan về GTCL, TN, SM, TLGD [H1.01.01.04]. Báo cáo rà soát về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường được gửi đến Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD để sử dụng trong quá trình điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.04], [H1.01.01.07]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp của Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD luôn xem xét, tham khảo ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Ngoài ra, trong các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Trường có đề cập đến việc rà soát về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường cho phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.11].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

BGH Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD đồng thời là đơn vị theo dõi, giám sát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Ban Công tác phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên thực hiện, trong đó Phòng HCTH là đơn vị thường trực và theo dõi, giám sát, triển khai cải tiến chất lượng việc xây dựng, rà soát, phát triển GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.05].

Trong kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan của Nhà Trường từ năm 2019 có khảo sát về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.04.02]. Phòng HCTH là đơn vị lấy ý kiến toàn thể VC, NLĐ; các khoa chuyên môn lấy ý kiến của SV; Phòng ĐTQLKHHTQT; Phòng CTHSSV lấy ý kiến các bên liên quan bên ngoài Trường (cựu SV, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng) về GTCL, TN, SM, TLGD [H1.01.04.02], [H1.01.01.04]. Các ý kiến góp ý của các bên liên quan về GTCL, TN, SM, TLGD được Phòng HCTH gửi đến Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD tham

khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.07]. GTCL, TN, SM, TLGD của Nhà Trường được rà soát vào năm 2021 và ban hành văn bản chính thức về GTCL, TN, SM, TLGD sau khi được rà soát, điều chỉnh vào năm 2021 nhằm phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.08].

Trước khi ban hành GTCL, TN, SM, TLGD năm 2021, Nhà Trường tiến hành rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD dựa trên sự phân công nhiệm vụ của Phòng HCTH thực hiện và thể hiện trong kế hoạch rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.04], [H1.01.01.07]. Năm 2021, Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD tham khảo và xây dựng quy trình rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường với các bước thực hiện cụ thể [H1.01.01.05]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà Trường ký ban hành quy trình rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường, thông báo đến các đơn vị để thực hiện và áp dụng trong rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD của Trường [H1.01.01.05].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- GTCL, TN, SM, TLGD của Nhà Trường được xác định rõ ràng và ban hành văn bản bằng văn bản.
- Nội dung GTCL, TN, SM, TLGD phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM và cả nước.
- Trong các văn bản Nghị quyết của Đảng ủy, các kế hoạch năm học của Nhà Trường luôn có các nội dung triển khai phổ biến, quán triệt, giải thích rõ ràng GTCL, TN, SM, TLGD đến các bên liên quan.
- Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc, các tổ chức đoàn thể triển khai nhiều hoạt động nhằm quán triệt và giải thích rõ ràng đến các bên liên quan.
- Đội ngũ CB, GV, NV, SV Nhà Trường hiểu rõ GTCL, TN, SM, TLGD và tham gia các hoạt động của Trường nhằm phát huy GTCL, TN, SM, TLGD đã xác định.
- BGH Nhà Trường luôn chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện thành công TN, SM và giữ gìn, phát huy các GTCL của Trường.
- Năm 2021, Nhà Trường thành lập Ban Công tác rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL, TLGD để triển khai rà soát, điều chỉnh, cải tiến GTCL, TN, SM, TLGD của Trường.
- Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, các thành viên triển khai rà soát, điều chỉnh TN, SM, GTCL của Trường.
- Nhà Trường ban hành văn bản, phân công cụ thể các đơn vị thực hiện và tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường về GTCL, TN, SM, TLGD.

- Ý kiến của các bên liên quan về TN, SM, GTCL của Nhà Trường được Ban Công tác rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD tiếp thu trong quá trình rà soát GTCL, TN, SM, TLGD của Trường.

- GTCL, TN, SM, TLGD của Nhà Trường được điều chỉnh để phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Năm 2021, Nhà Trường ban hành quy trình rà soát, điều chỉnh GTCL, TN, SM, TLGD và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động phản hồi ý kiến về GTCL, TN, SM, TLGD còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2022-2023, định kỳ hàng năm, các đơn vị trực thuộc của Nhà Trường tăng cường thu thập ý kiến của cựu HV, SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về GTCL, TN, SM, TLGD của Trường thông qua các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc của Nhà Trường đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến của cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về GTCL, TN, SM, TLGD như gửi link khảo sát qua email, zalo, facebook, viber,...

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	5

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Tiêu chí 2.1: *Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng Trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.*

Mô tả: Căn cứ Luật giáo dục đại học, các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ VHTTDL, Nhà Trường xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó có quy định cụ thể về hệ thống quản trị của Trường [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], [H2.02.01.14]. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà Trường được công bố trên website của Trường [H2.02.01.09]. Hội đồng Trường (HĐT) nhiệm kỳ 2021

- 2021 được thành lập theo Quyết định số 334 ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL [H2.02.01.04]. Hội đồng Trường có 15 thành viên, bao gồm: Chủ tịch HĐT, Thư ký HĐT và các thành viên là BGH, Chủ tịch Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Phòng chức năng (Phòng ĐTQLKHHTQT; PHÒNG CTHSSV), các khoa (Khoa HLTT; QLTT; GDTC) và các thành viên bên ngoài Trường là đại diện Bộ VHTTDL; Sở VH,TTTP.HCM; Sở VHTTDL Đồng Nai; Sở VHTTDL Bình Thuận; Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Cần Thơ [H2.02.01.04]. Đảng bộ Nhà Trường trực thuộc Đảng ủy Khối cơ sở Bộ VHTTDL và có nhiệm vụ chỉ đạo BGH Nhà Trường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ chính trị theo quy định [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. BCH Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020 có 07 đảng ủy viên và nhiệm kỳ 2020-2025 có 07 đảng ủy viên [H2.02.01.02]. Đảng bộ Nhà Trường hiện có 09 chi bộ với 124 đảng viên [H2.02.01.02], [H2.02.01.10]. Công đoàn Trường là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Khối cơ sở Bộ VHTTDL [H2.02.01.11]. BCH Công đoàn Nhà Trường nhiệm kỳ 2017-2022 có 09 thành viên [H2.02.01.11]. Công đoàn Trường hiện có 08 tổ công đoàn với 184 công đoàn viên [H2.02.01.12], [H2.02.01.13]. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Nhà Trường thuộc Đoàn Thanh niên Khối cơ sở Bộ VHTTDL [H2.02.01.14]. BCH Đoàn Thanh niên Nhà Trường nhiệm kỳ 2017-2019 có 15 thành viên [H2.02.01.14]. Đoàn Thanh niên Nhà Trường hiện có 84 chi đoàn với 900 đoàn viên [H2.02.01.15]. Hội Sinh viên Trường trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam TPHCM và do đoàn khối Bộ VHTTDL quản lý trực tiếp [H2.02.01.16]. Hội Sinh viên Trường hiện có 04 Liên chi hội SV với 1200 hội viên [H2.02.01.17], [H2.02.01.18]. Nhà Trường hiện có 05 Câu lạc bộ (CLB) SV [H2.02.01.19]. Dựa trên quy định về chức năng, nhiệm vụ, để đảm bảo sự quản lý và điều hành các hoạt động, Nhà trường đã thành lập các Hội đồng tư vấn như: Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD, Hội đồng biên tập và thư ký tòa soạn tạp chí khoa học và đào tạo TDDT,... theo đúng qui định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08].

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Hiệu trưởng ban hành [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, trong Quy chế tổ chức và hoạt động do Nhà Trường ban hành thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của Hội đồng Trường và các hội đồng tư vấn, các thành phần trong hệ thống quản trị và các tổ chức đoàn thể của Trường [H1.01.01.08]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà Trường được rà soát, điều chỉnh và ban hành vào năm 2019, 2021 [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]. Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV và các hội đồng tư vấn của Nhà Trường ban hành Quy chế hoạt động và triển khai thực hiện [H2.02.01.20], [H2.02.01.21], [H2.02.01.14], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23]. Ngoài ra, Đảng ủy, Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội SV và các hội đồng tư vấn của Nhà Trường có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên để thực hiện các kế hoạch hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ [H2.02.01.20], [H2.02.01.21], [H2.02.01.14], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23].

Hệ thống văn bản quản lý được Nhà Trường ban hành để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H2.02.01.24],

[H2.02.01.25]. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường luôn phổ biến các văn bản quản lý của Trường ban hành và yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện. Tại các cuộc họp của các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, VC của đơn vị về các văn bản quản lý của Trường ban hành để triển khai thực hiện [H1.01.01.14]. Hệ thống văn bản của Trường được Phòng HCTH lưu trữ văn bản giấy, đồng thời lưu trữ trên phần mềm word [H2.02.01.24].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 được phổ biến, quán triệt đến tất cả các đơn vị trực thuộc và là cơ sở để Nhà Trường, các đơn vị xây dựng hành động, chính sách, hướng dẫn [H1.01.01.11], [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Đảng ủy Nhà Trường ban hành các nghị quyết làm cơ sở định hướng cho tất cả các hoạt động của Trường [H1.01.01.11]. Bên cạnh đó, HĐT ban hành Nghị quyết định hướng cho các hoạt động của Trường [H2.02.02.03]. Ngoài ra, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc được xây dựng dựa trên các Nghị quyết của Đảng ủy và HĐT [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Nghị quyết của Đảng ủy và HĐT, các văn bản chính sách hoạt động ĐT, NKCH, PVCĐ và hệ thống văn bản để triển khai các hoạt động về công tác tổ chức, hành chính, tuyển sinh, ĐT, NCKH, PVCĐ, công tác SV, tài chính, CSVC và trang thiết bị của Nhà Trường ban hành luôn được gửi đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện [H2.02.01.25]. Định kỳ đầu năm học, đầu học kỳ, BGH Nhà Trường họp với lãnh đạo các đơn vị để triển khai kế hoạch năm học cũng như kế hoạch học kỳ [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, thông qua các buổi họp giao ban định kỳ, BGH Nhà Trường luôn đôn đốc, kiểm tra nhắc nhở các đơn vị trực thuộc rà soát tiến độ triển khai các công việc theo kế hoạch đã đề ra [H1.01.01.14]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc luôn đánh giá kết quả thực hiện so với các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính đã xác định trong kế hoạch năm học [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]. Tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc luôn đánh giá kết quả thực hiện so với các chỉ tiêu đã được nêu trong Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của năm học [H2.02.02.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Mô tả: Hàng năm, trong kế hoạch năm của Đảng bộ và của Nhà Trường, Đảng ủy và BGH Nhà Trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị [H2.02.02.02], [H1.01.01.13]. Tại cuộc họp báo cáo cuối năm của Đảng ủy, BGH Nhà Trường hàng năm luôn có nội dung rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị [H2.02.03.01], [H2.02.02.04]. Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc rà soát, đánh giá hệ thống văn bản của Trường đã ban hành nhằm đảm bảo tính pháp quy, tính cập nhật của văn bản so với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành [H2.02.03.02], [H2.02.03.03]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH luôn yêu cầu các đơn

vị rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các văn bản hệ thống quản trị của Trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H1.01.01.14].

Trong nội dung báo cáo tổng kết năm học của Đảng bộ, của Nhà Trường có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và văn bản của hệ thống quản trị để từ đó có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức của Trường, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc và văn bản của hệ thống quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị [H2.02.03.01], [H2.02.02.04], [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Nhà Trường có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và văn bản của hệ thống quản trị [H1.01.03.03]. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 có nội dung đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, bộ phận và văn bản của hệ thống quản trị [H1.01.01.11].

Hàng năm, Nhà Trường thông báo đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và triển khai thực hiện [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. BGH Nhà Trường phân công Phòng HCTH là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá CC, VC hàng năm nói chung, đánh giá CBQL nói riêng. BGH Nhà Trường hợp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để triển khai công tác đánh giá CC, VC hàng năm [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Đội ngũ CBQL của Trường thực hiện báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu do Trường ban hành và được lãnh đạo xem xét, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện công việc trong năm [H2.02.03.05]. BGH Nhà Trường hợp với Đảng ủy Trường để đánh giá năng lực và kết quả thực hiện công việc của CBQL [H2.02.03.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, CBQL của Nhà Trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2.02.03.07]. Trên cơ sở đó, trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường bổ nhiệm mới 30 CBQL [H2.02.03.09]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường ban hành mới các quyết định thành lập, điều chỉnh về cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Mô tả: Căn cứ kết quả đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Đảng ủy và của Nhà Trường, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm, HĐT và BGH Nhà Trường ban hành các quyết định về tổ chức và nhân sự nhằm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị và quản lý rủi ro tốt hơn [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H2.02.04.01], [H2.02.03.09]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường sáp nhập Phòng HCQT, TV, TCCB với Trạm y tế thành Phòng HCTH; Sáp nhập Phòng ĐTQLKHHTQT, HTQT với Khoa sau đại học thành Phòng ĐTQLKHHTQT; Phòng CTCT đổi thành Phòng CTHS,SV; Các Bộ môn BD, ĐK, BL, CV, VV sáp nhập về khoa HLTT; Các Bộ môn BC, TD, BR, BN, BB, CL sáp nhập về Khoa GDTC; Bộ môn BS, QV sáp nhập thành Khoa QLTDĐT; Các môn Mac - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Ngoại ngữ, Tin học, Trung tâm Quốc Phòng an ninh gộp thành Khoa KTCB; Trung tâm TTTLTDĐT đổi thành TTTT,TV [H2.02.03.03].

Bên cạnh đó, Nhà Trường thành lập mới Khoa KT&KNCSN [H2.02.04.02]. Nhà Trường thành lập Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD, Hội đồng Trường [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.04]. Kết quả điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận của Nhà Trường được thể hiện trong nội dung báo cáo tại Hội nghị Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H2.02.04.03].

Hàng năm, Nhà Trường cử các CB, VC học các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ [H2.02.04.04]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà Trường và của Phòng HCTH có các nội dung về ĐT, BD của CB, VC [H1.01.01.12]. Nhà Trường phối hợp với Trường bồi dưỡng cán bộ Bộ văn hóa thể thao và du lịch (BDCBBVHTT&DL), Học viện chính trị khu vực hai (CTKVII), tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL về trung cấp chính trị, cao cấp lý luận chính trị, quản lý cấp Phòng, quản lý cấp vụ [H2.02.04.04]. Nhà Trường cử CBQL tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng quản lý và học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H2.02.04.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường cử 125 lượt CC, VB tham dự các khóa tập huấn, ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H2.02.04.04]. CC, VC của Nhà Trường được phong tặng 09 học hàm PGS, 15 VC được nhận học vị TS [H2.02.04.05]. Căn cứ kết quả đánh giá CBQL hàng năm, BGH Nhà Trường tiến hành luân chuyển, bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại CBQL để tăng hiệu quả hoạt động của Trường [H2.02.03.09]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường bổ nhiệm mới 30 CBQL [H2.02.03.09].

Căn cứ kết quả rà soát hệ thống văn bản thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà Trường và của Phòng HCTH, các ý kiến của các đơn vị tại các cuộc họp giao ban định kỳ về hệ thống văn bản của Trường, Nhà Trường hủy bỏ nhiều văn bản hết hiệu lực và ban hành mới hệ thống văn bản nhằm đáp ứng phù hợp với sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và quản lý [H2.02.03.02]. Nhà Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động được điều chỉnh vào năm 2021, trong đó có điều chỉnh về cơ cấu tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong hệ thống quản trị cũng như CBQL [H1.01.01.02]. Nhà Trường điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ vào năm 2021 cho phù hợp với thực tiễn của Trường [H2.02.04.06]. Ngoài ra, Nhà Trường đang xây dựng phần mềm Quản trị nhà Trường để quản lý hệ thống văn bản của Trường [H2.02.04.07].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Nhà Trường được thành lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, của Bộ GD&ĐT và Bộ VHTTDL.

- Các đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Nhà Trường được thành lập theo đúng quy định và ban hành đầy đủ hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường.

- Nhà Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản về công tác tổ chức, hành chính, tuyển sinh, ĐT, NCKH, PVCĐ, công tác SV, tài chính, CSVC và trang thiết bị.

- Hệ thống văn bản quản trị của Nhà Trường được gửi đến các đơn vị để thực hiện và thông báo, phổ biến đến CB, VC biết và thực hiện.

- Hệ thống văn bản quản trị của Nhà Trường được đăng tải trên website của Trường và của các đơn vị trực thuộc.

- Đảng ủy, HĐT và hội đồng tư vấn của Nhà Trường ban hành các nghị quyết và trên cơ sở đó, BGH Nhà Trường và các đơn vị xây dựng các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn và triển khai thực hiện.

- Hàng năm, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm học với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính để thực hiện và là cơ sở để kiểm tra, đánh giá.

- Trong báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà Trường, báo cáo tại Hội nghị CC, VC của Nhà Trường luôn đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận để từ đó có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức của Trường, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị.

- Hệ thống quản lý và hệ thống văn bản của Nhà Trường được đánh giá, rà soát và điều chỉnh, bổ sung hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý; thể hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, bền vững, minh bạch và giảm thiểu rủi ro.

- Hàng năm, Nhà Trường triển khai công tác đánh giá CC, VC hàng năm nói chung, đánh giá CBQL nói riêng với kết quả đội ngũ CBQL của Nhà Trường hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Nhà Trường thành lập mới các đơn vị dựa trên kết quả rà soát cơ cấu tổ chức và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường sáp nhập 37 đơn vị thuộc và trực thuộc Trường thành 16 đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

- Hàng năm, Nhà Trường phối hợp với các đơn vị tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ CC, VC. Đồng thời Nhà Trường luôn tạo điều kiện cho CC, VC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường cử 125 CC, VC tham dự các khóa tập huấn, ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước và năm 2019-2023 CC, VC của Nhà Trường được phong tặng 09 học hàm PGS, 15 CC, VC được nhận học vị TS, 02 VC được nhận học vị ThS.

- Căn cứ kết quả đánh giá VC hàng năm, BGH Nhà Trường tiến hành luân chuyển, bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại CBQL để tăng hiệu quả công tác quản lý của Trường trong giai đoạn 2019-2023 đã bổ nhiệm mới 30 CBQL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức nên việc biên soạn Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà Trường còn đang tiến hành sửa đổi bổ sung theo nhiệm kỳ HĐT, theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

3. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2021-2022, Nhà Trường hoàn thiện ban hành, tổ chức triển khai thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động mới của nhà Trường

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 2

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5
Tiêu chí 2.5	5

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Quyết định thành lập Trường, chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của Trường, Nhà Trường xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý và thể hiện trong sơ đồ tổ chức của Trường cũng như trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành [H3.03.01.01], [H1.01.01.08], [H2.02.03.03]. Hiện nay, cơ cấu quản lý của Nhà Trường có Ban Giám hiệu, 04 Phòng chức năng, 06 khoa chuyên môn, 01 Viện NCKH&CNTT, 01 Trường PTNK Olympic, 03 Trung tâm thuộc, trực thuộc, 01 tạp chí khoa học và đào tạo [H2.02.03.03]. Các đơn vị của Nhà Trường được thành lập dựa trên Nghị quyết của Đảng ủy Trường, Nghị quyết của HĐT [H1.01.02.03], [H3.03.01.02]. Kế hoạch chiến lược (KHCL) của Trường đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Trường [H1.01.01.03]. Đảng ủy Trường và HĐT đã ban hành Nghị quyết về việc phê duyệt chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường (thành lập mới, giải thể và sáp nhập các đơn vị cũng như đổi tên một số đơn vị) nhằm phục vụ hiệu quả công tác ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.02.03], [H3.03.01.02], [H2.02.03.03].

Năm 2019, Nhà Trường ban hành Quy chế tạm thời tổ chức và hoạt động, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, bộ phận dựa trên cơ sở phối hợp thực hiện công việc và tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao [H1.01.01.08]. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị trực thuộc, Nhà Trường ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2021 [H1.01.01.08]. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành quy định rõ ràng về tiêu chuẩn, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí quản lý trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, bản mô tả công việc có quy định yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung công việc của từng vị trí công tác và còn thể hiện trong Đề án vị trí việc làm được Bộ VHTTDL phê duyệt [H2.02.04.01]. Trong từng đơn vị trực thuộc, lãnh đạo đơn vị triển khai xây dựng và ban hành bản phân công nhiệm vụ cho từng VC, NV của đơn vị [H3.03.01.03]. Ngoài ra, trong Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy chế chi tiêu nội bộ do Nhà Trường ban hành có quy định rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ của GV phải thực hiện [H2.02.04.06].

Trong giai đoạn 2017- 2019 Ban Giám hiệu Trường gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và thực hiện công tác quản lý các hoạt động của Trường theo sự thống nhất phân công phụ trách các mảng công tác quản lý giáo dục

của Trường [H2.02.03.09]. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các mặt công tác, tổ chức, công tác tài chính, các khoa, các bộ môn, các trung tâm, trường PTNKT Olympic. 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo đại học và P.ĐT. 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách NCKH và ĐT SDH, phụ trách khoa SDH, 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chính trị tư tưởng và cơ sở vật chất [H3.03.01.04]. Trong giai đoạn 2019 đến nay, Ban Giám hiệu Trường gồm Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng, được bổ nhiệm và thực hiện công tác quản lý các hoạt động của Trường theo sự thống nhất phân công phụ trách các mảng công tác quản lý giáo dục của Trường [H3.03.01.04]. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách các mặt công tác, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy và của HĐT; xây dựng và tổ chức chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển Trường, phát triển các ngành đào tạo, công tác tổ chức - cán bộ, khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế, công tác kế hoạch - tài chính, công tác thanh tra, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách. Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách Phòng ĐTQLKHHTQT; Phòng HCTH; Phòng KTĐBCLGDGD; 04 Khoa HLTT, GDTC, QLTT, YSHTDTT; Viện NCKH&CNTT; Trung tâm TT,TV; Trung tâm NNTH; Trường phổ thông năng khiếu Olympic [H3.03.01.04]. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà Trường [H3.03.01.04]. Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách công tác chính trị tư tưởng, công tác đoàn thể, công tác sinh viên, bảo vệ chính trị nội bộ; công tác cơ sở vật chất; công tác đào tạo bồi dưỡng các lớp ngắn hạn và trực tiếp phụ trách Phòng công tác học sinh sinh viên; bộ phận quản trị cơ sở vật chất; Khoa KTKNCSN; Khoa KTCB [H3.03.01.04]. Trưởng Phòng có trách nhiệm quản lý ... [H3.03.01.04]. Phó Trưởng Phòng là người giúp Trưởng Phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Phòng [H3.03.01.04]. Trưởng Khoa có trách nhiệm quản lý ... [H3.03.01.04]. Phó Trưởng khoa là người giúp Trưởng Phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Khoa [H3.03.01.04]. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng ĐBCLGD của Trường bên cạnh việc tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo, đồng thời tuân thủ quy chế hoạt động của hội đồng [H1.01.01.08], [H2.02.01.22], [H2.02.01.23].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Lãnh đạo Nhà Trường luôn quan tâm, chú trọng triển khai và đẩy mạnh việc kết nối, tuyên truyền, định hướng về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường và thể hiện trong Nghị quyết của Đảng ủy Trường, của HĐT [H1.01.01.11], [H3.03.01.02]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Trường luôn có nội dung cụ thể về việc đẩy mạnh hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường [H1.01.01.12]. Ngoài ra, trong nội dung các bài phát biểu, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan truyền thông, các video giới thiệu Trường, BGH Nhà Trường luôn chú trọng, lồng ghép để giới thiệu, tuyên truyền về TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H3.03.02.01].

Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy và của HĐT, BGH Nhà Trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, trong đó có lồng ghép và triển khai hoạt động kết nối các bên liên quan để định hướng TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.01.13]. Đối với

SV, Phòng CTHSSV phối hợp với các Khoa và Đoàn Thanh niên, Hội SV phổ biến, tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược của trường trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, khai giảng, các ngày lễ lớn 27/3, 20/11,...[H3.03.02.01], [H1.01.03.04]. Đối với các bên liên quan bên ngoài, Nhà Trường đăng tải thông tin phổ biến, tuyên truyền TN, SM, GTCL, TLGD và các mục tiêu chiến lược trên website của Trường, biểu bảng thông báo trong khuôn viên Trường [H1.01.02.06], [H3.03.02.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan có nội dung khảo sát về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.04.02]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động hiểu biết về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5 /7

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Mô tả: Hàng năm, trong kế hoạch năm học của Đảng bộ và BGH Nhà Trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả cơ cấu quản lý của Trường [H2.02.02.02], [H1.01.01.12]. Trong nội dung báo cáo tổng kết năm học của Đảng ủy, của Nhà Trường có nội dung đánh giá cơ cấu quản lý của Trường [H2.02.03.01], [H2.02.02.04]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Nhà Trường có nội dung đánh giá cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.03.03]. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà Trường nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 có nội dung đánh giá cơ cấu quản lý của Trường trong giai đoạn 5 năm và các biện pháp nâng cao hiệu quả của cơ cấu quản lý của Trường trong giai đoạn tiếp theo [H1.01.01.11].

Hàng năm, Nhà Trường thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường dựa trên báo cáo rà soát văn bản của Nhà Trường ban hành do Phòng HCTH thực hiện [H3.03.03.01]. Trên cơ sở đó, Phòng HCTH tham mưu BGH Nhà Trường có những điều chỉnh, bổ sung văn bản nhằm tránh chồng chéo giữa các đơn vị trong quá trình thực thi nhiệm vụ và năm 2021 Nhà Trường ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, đồng thời đánh giá tổng thể các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý [H1.01.01.08].

Hàng năm, Nhà Trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá, phân loại CB, VC, trong đó có đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo và quản lý của Trường [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Trên cơ sở hướng dẫn của Đảng ủy Trường, các chi bộ triển khai công tác đánh giá phân loại chất lượng đảng viên và báo cáo kết quả về Bộ phận đảng vụ để tổng hợp trình Đảng ủy xem xét, đánh giá [H2.02.03.08]. CBQL của Nhà Trường được lãnh đạo xem xét, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện công việc trong năm [H2.02.03.07]. Tiếp theo. Trong giai đoạn 2019-2023, CBQL của Nhà Trường hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2.02.03.07].

Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Nhà Trường ban hành văn bản Quy định quy hoạch CBQL và triển khai thực hiện [H3.03.03.02]. Hàng năm, Nhà Trường thông báo đến các đơn vị về kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch đội ngũ CBQL theo quy định [H3.03.03.03]. Các đơn vị trực thuộc Trường triển khai công tác quy hoạch theo kế hoạch quy hoạch đội ngũ CBQL của Nhà Trường ban hành

[H3.03.03.03]. Trên cơ sở đó, Đảng ủy, BGH Nhà Trường hợp với lãnh đạo các đơn vị tiến hành thực hiện quy hoạch CBQL đối với các chức danh quản lý của Trường [H3.03.03.03]. Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ CBQL hàng năm, Phòng HC-TH tổng hợp danh sách quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, trình Đảng ủy, HĐT, BGH Nhà Trường thông qua và báo cáo Bộ VHTTDL phê duyệt [H3.03.03.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng kết quả và hiệu quả quản lý.

Mô tả: Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu quản lý của Nhà Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm và nội dung cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý trong kế hoạch năm học hàng năm của Trường, BGH Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH triển khai thực hiện cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý nhằm tăng hiệu quả quản lý của Trường [H2.02.03.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường gộp 37 đơn vị thành 16 đơn vị [H2.02.03.03]. Bên cạnh đó, Nhà Trường thành lập mới 02 Khoa: Khoa KTCB, Khoa KT&KNCSN [H2.02.04.02]. Ngoài ra, Nhà Trường thành lập Hội đồng ĐBCLGD và các hội đồng tư vấn nhằm tăng cường tham mưu nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của Trường [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08].

Căn cứ kết quả cuộc họp rà soát hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường, Nhà Trường ban hành văn bản điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường vào năm 2021, trong đó có sự điều chỉnh bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường [H1.01.01.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường ban hành nhiều văn bản điều chỉnh, bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường cho phù hợp với điều kiện thực tiễn như: điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị mới thành lập, điều chỉnh quy chế làm việc của GV, điều chỉnh một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.03.03], [H3.03.04.01], [H2.02.04.06]. Trong nội dung phân công trách nhiệm của BGH, lãnh đạo các đơn vị Nhà Trường luôn có sự điều chỉnh qua từng năm nhằm nâng cao hiệu quả công việc điều hành và quản lý của Trường nói chung, của đơn vị nói riêng [H3.03.01.04].

Công tác cán bộ, đặc biệt là công tác quy hoạch và bổ nhiệm CBQL luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐT, BGH Nhà Trường và thể hiện trong nội dung Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT cũng như kế hoạch năm học của Trường [H1.01.01.11], [H3.03.01.02], [H1.01.01.12]. Hàng năm, dựa trên kết quả đánh giá CB, VC và bằng cấp, chứng chỉ của CB, VC đạt được, đồng thời căn cứ nhu cầu thực tiễn về công tác cán bộ của Trường, Đảng ủy, HĐT, BGH Nhà Trường xem xét điều chỉnh, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm CBQL dựa trên cơ sở đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường bổ nhiệm mới 30 CBQL [H2.02.03.09]. Các CBQL do Nhà Trường bổ nhiệm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và tập thể đơn vị được giao phụ trách cũng như cá nhân CBQL nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.01.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trường xây dựng bộ máy cơ cấu quản lý rõ ràng, đảm bảo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, của Bộ GD&ĐT và Bộ VHTTDL.

- Các đơn vị được thành lập mới của Nhà Trường được thành lập mới đúng quy định và dựa trên Nghị quyết của Đảng ủy Trường, Nghị quyết của HĐT, KHCL của Trường đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Trường.

- Nhà Trường ban hành hệ thống văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của Trường và thông báo, phổ biến đến các đơn vị, đội ngũ CB, GV, NV biết để thực hiện.

- Các CBQL của Nhà Trường được bổ nhiệm đúng quy định và được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo.

- BGH Nhà Trường tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, kết nối, phổ biến, truyền đạt thông tin về TN, SM, GTCL, TLGD và mục tiêu chiến lược của trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường.

- Nhà Trường áp dụng nhiều hình thức phổ biến, tuyên truyền về TN, SM, GTCL, TLGD và mục tiêu chiến lược của trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan cho thấy GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động hiểu biết về TN, SM, GTCL, TLGD của Trường.

- Hàng năm, Nhà Trường triển khai rà soát cơ cấu quản lý và hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường.

- Cơ cấu đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đánh giá, rà soát và cải tiến hàng năm, đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về chất lượng nhằm tăng hiệu quả và kết quả quản lý.

- Hệ thống văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của trường được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc theo mục tiêu chiến lược của trường.

- Hàng năm, Nhà Trường triển khai đánh giá, phân loại CB, VC, trong đó có CBQL và đội ngũ CBQL của Trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Nhà Trường ban hành Quy định quy hoạch CBQL, kế hoạch quy hoạch CBQL hàng năm và triển khai thực hiện.

- Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Nhà Trường được thực hiện đúng quy định và được Bộ VHTTDL phê duyệt.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường gộp 37 đơn vị thành 16 đơn vị chức năng, thành lập mới 02 Khoa: Khoa KTCB, Khoa KT&KNCSN.

- Nhà Trường thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, luân chuyển CBQL của Trường và các CBQL do Nhà Trường bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng như luân chuyển luân luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường bổ nhiệm mới 30 CBQL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo, quản lý phải phụ thuộc vào việc điều chỉnh, chỉnh sửa bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của trường nên một số cán bộ quản lý còn khó triển khai trong việc điều hành quản lý đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc để kịp thời điều chỉnh hoặc ban hành mới các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cho phù hợp với điều kiện thực tiễn để điều chỉnh, chỉnh sửa bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Nhà Trường tổ chức thực hiện CL giai đoạn 2014-2020 và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, kế hoạch năm học của Nhà Trường và của các đơn vị được xây dựng dựa trên KHCL giai đoạn 2015-2020 của Trường đã ban hành và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà Trường giai đoạn 2020-2025 [H2.02.01.02], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. BGH Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH là đơn vị theo dõi, giám sát việc thực hiện KHCL của Trường. Năm 2021, Nhà Trường thành lập Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025, trong đó Hiệu trưởng là Trưởng ban, các Phó hiệu trưởng là Phó Trưởng ban, Phòng HCTH là đơn vị thường trực và các thành viên là đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc [H4.04.01.01], [H4.04.01.02], [H4.04.01.03]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 có nhiệm vụ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện KHCL giai đoạn 2015-2020 của Trường và tiến hành xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 [H4.04.01.04]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 của Trường phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên thực hiện [H4.04.01.02], [H4.04.01.03].

Năm 2021, Nhà Trường ban hành quy trình xây dựng KHCL để thực hiện việc xây dựng kế hoạch chiến lược 2020-2025 [H4.04.01.01]. Năm 2021, Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 áp dụng quy trình xây dựng KHCL của Nhà Trường ban hành để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H4.04.01.05].

Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của TPHCM, chú trọng TN, SM và kết quả thực hiện KHCL giai đoạn 2015-2020 của Nhà Trường để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H4.04.01.05]. Trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 luôn tuân thủ định hướng phát triển trong Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT [H1.01.02.03], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, Ban rà soát, xây dựng kế KHCL giai đoạn 2020-2025 chú trọng tiếp thu ý kiến của các chuyên gia về giáo dục của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL và tham khảo ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc, của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về dự thảo KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.04]. Căn cứ KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, Nhà Trường xây dựng và ban hành kế hoạch công tác năm [H1.01.01.12]. Ngoài ra, Nhà Trường xây dựng và ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 theo từng lĩnh vực về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH, PVCD [H4.04.01.05]. Trong KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường thể hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, các chỉ tiêu phấn đấu chính và các chỉ số thực hiện chính đối với từng lĩnh vực hoạt động, đồng thời thể hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện [H4.04.01.05]. Nhà Trường thông báo KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch công tác năm của Nhà Trường đến các đơn vị để triển khai thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H4.04.01.06], [H1.01.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Trong giai đoạn 2019-2023, căn cứ KHCL giai đoạn 2015-2020 đã ban hành, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Kế hoạch năm học của Nhà Trường được gửi đến các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện [H4.04.01.06], [H1.01.02.06]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc tham mưu BGH Nhà Trường ban hành kế hoạch cụ thể về hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và triển khai thực hiện [H1.01.01.13]. Năm 2021, Nhà Trường tiến hành tổng kết KHCL giai đoạn 2015-2020 và trên cơ sở đó xây dựng, ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H4.04.01.04], [H4.04.01.05]. Căn cứ KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường, các Phòng chức năng tham mưu Hiệu trưởng Nhà Trường ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 theo từng lĩnh vực về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH, PVCD [H4.04.01.04].

Nhà Trường thông báo KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện [H4.04.01.06], [H1.01.02.06], [H4.04.01.04]. Bên cạnh đó, KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06]. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường luôn phổ biến, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm [H1.01.01.14], [H2.02.01.25]. Căn cứ KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm của Trường, các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Tại các cuộc họp của các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, VC của đơn vị

KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 và kế hoạch năm học hàng năm của Trường [H1.01.01.14], [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Đối với SV, tại các buổi sinh hoạt Công dân, sinh viên (SHCD-SV) đầu năm, CVHT thông báo, phổ biến kế hoạch của Trường và kế hoạch của khoa để SV biết và thực hiện [H1.01.03.04].

Hàng năm, Nhà Trường bố trí nguồn kinh phí cho việc tổ chức các hoạt động theo KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm đã ban hành [H4.04.02.01]. BGH Nhà Trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc luôn tổ chức họp để phân công cụ thể các đơn vị và cá nhân đảm trách các công việc nhằm tổ chức thực hiện thành công các công việc theo kế hoạch đã ban hành [H1.01.01.12]. Kết thúc năm học, Nhà Trường và các đơn vị thực hiện trực thuộc báo cáo tổng kết năm học, trong đó đánh giá kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định trong kế hoạch năm học [H2.02.02.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc cơ bản hoàn thành các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H2.02.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà Trường luôn thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, trong KHCL theo từng lĩnh vực của Nhà Trường thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính cụ thể [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Nhà Trường thông báo KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 kế hoạch năm học hàng năm, trong đó có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà Trường được cụ thể hóa từ các mục tiêu chiến lược và bám sát SM, TN của Trường [H1.01.01.02], [H1.01.01.08], [H1.01.01.03], [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Từ năm học 2021-2022, Nhà Trường ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với các lĩnh vực và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H1.01.01.12].

Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm của Trường được BGH Nhà Trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc xem xét kỹ lưỡng trước khi ban hành nhằm đảm bảo rõ ràng, đo lường được, tính khả thi, thích hợp [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch năm học hàng năm của Trường có các mốc thời gian cụ thể để thực hiện [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Về nguồn nhân lực có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng CB, GV, NV học tập sau đại học trong và ngoài nước, tham gia các khóa ĐT, BD về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Về CSVC có các chỉ số, chỉ tiêu về dự án đầu tư trang thiết bị Phòng thí nghiệm, dự án nâng cấp..., cải thiện cơ sở hạ tầng [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Về tài chính có các chỉ số, chỉ tiêu về tổng thu, các nguồn thu hợp pháp, bình quân thu nhập của CB, VC [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H4.04.02.01]. Về ĐT có các các chỉ số, chỉ tiêu về quy mô

tuyển sinh, số SV nợ học phần, số SV nghỉ học, phát triển chương trình đào tạo (CTĐT), chỉ tiêu SV tốt nghiệp, số SV tốt nghiệp có việc làm [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Về NCKH có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng các đề tài NCKH, số SV tham gia NCKH [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Về PVCD có các chỉ số, chỉ tiêu về số lượng các công trình PVCD, số lượng các hoạt động PVCD (đào tạo ngắn hạn, hiến máu nhân đạo, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh,...) [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường luôn tiến hành đánh giá, giám sát, rà soát kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được ban hành [H1.01.01.14]. Đồng thời, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị thường xuyên giám sát kết quả thực hiện công việc của các bộ phận và cá nhân so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được Nhà Trường phân công [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Trường, Nhà Trường luôn có nội dung đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với mục tiêu chiến lược nêu trong KHCL giai đoạn 2015-2020, kế hoạch năm học hàng năm [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H2.02.02.04]. Năm 2021, Nhà Trường tiến hành tổng kết KHCL giai đoạn 2015-2020 và trên cơ sở đó xây dựng, ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường. Ngoài ra, trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà Trường nhiệm kỳ 2020-2025 có nội dung đánh giá về chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Trường [H4.04.01.04], [H4.04.01.05], [H2.02.04.03]

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Năm 2021, Nhà Trường thành lập Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 của Trường tham khảo quy trình xây dựng KHCL của Bộ GD&ĐT ban hành để tham mưu Hiệu trưởng Nhà Trường ban hành Quy định xây dựng KHCL, trong đó thể hiện các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể [H4.04.01.01]. Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 áp dụng Quy định xây dựng KHCL của Nhà Trường ban hành để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H4.04.01.05].

Năm 2021, Nhà Trường tiến hành tổng kết KHCL giai đoạn 2015-2020, trong đó đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định trong KHCL [H4.04.01.04]. Dựa trên kết quả đối sánh và định hướng phát triển Trường trong Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT, Nhà Trường ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H2.02.04.03], [H1.01.01.11], [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm, Nhà Trường đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học và là cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H2.02.02.04],

[H1.01.01.12]. Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của các đơn vị trực thuộc, các đơn vị đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học [H2.02.02.06], [H1.01.01.13]. Đồng thời, trong kế hoạch năm học của Nhà Trường và của các đơn vị thể hiện rõ các biện pháp thực hiện với sự phân công cụ thể cho các đơn vị, bộ phận thực hiện nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Căn cứ kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính trong KHCL giai đoạn 2015-2020 cũng như kế hoạch từng năm học, trong KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được điều chỉnh để phù hợp với định hướng phát triển của Trường [H4.04.01.04], [H2.02.02.06], [H1.01.01.12], [H4.04.01.05]. Đồng thời, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của năm học tiếp theo của Nhà Trường được điều chỉnh so với năm học trước [H1.01.01.12]. Từ năm học 2021-2022, Nhà Trường ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với các lĩnh vực và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.04.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc cơ bản hoàn thành các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H1.01.01.12], [H2.02.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trường ban hành KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 và triển khai thực hiện.

- KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Nhà Trường được thông báo, phổ biến đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Nhà Trường ban hành Quy định xây dựng KHCL, trong đó thể hiện các bước cần thực hiện với các nội dung cụ thể.

- Năm 2021, Nhà Trường thành lập Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 để triển khai xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030.

- Ban rà soát, xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 nghiên cứu, tham khảo chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của TPHCM, chú trọng TN, SM và kết quả thực hiện KHCL giai đoạn 2020-2025 của Nhà Trường, tham khảo ý kiến các bên liên quan để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường.

- Năm 2021, Nhà Trường tiến hành tổng kết KHCL giai đoạn 2015-2020, trong đó đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định trong KHCL.

- Nhà Trường xây dựng và ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 theo từng lĩnh vực về nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, ĐBCL, ĐT, NCKH, PVCD.

- Trong KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà Trường luôn thể hiện đầy đủ các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính.

- Hàng năm, Nhà Trường dành kinh phí và tập trung các nguồn lực để triển khai KHCL giai đoạn 2015-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm đã ban hành.

- BGH Nhà Trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính so với các mục tiêu chiến lược.

- Năm học 2021-2022, Nhà Trường ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đối với các lĩnh vực và thông báo đến các đơn vị để thực hiện.

- Nhà Trường tiến hành rà soát các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính và trên cơ sở đó có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với xu thế phát triển của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc cơ bản hoàn thành các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà Trường chưa khảo sát ý kiến các doanh nghiệp sử dụng lao động trong quá trình cải tiến quy trình lập KHCL của Trường.

Nhà Trường đang triển khai xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Nhà Trường triển khai khảo sát ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động về quy trình lập KHCL để tham khảo trong quá trình cải tiến quy trình lập KHCL của Trường.

Nhà Trường sớm ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030. Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường căn cứ KHCL của Trường để xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 cho đơn vị.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 4

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	5

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1: Hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trong việc tham mưu BGH ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và

PVCĐ [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Theo đó, Phòng ĐTQLKHHTQT có trách nhiệm đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH; Phòng CTHSSV đề xuất các chính sách về PVCĐ [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm phối hợp với các Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời tham gia đóng góp ý kiến về dự thảo chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà Trường trước khi ban hành [H1.01.01.07].

Nhà Trường giao trách nhiệm cho Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV phối hợp với các đơn vị trực thuộc để tham mưu Hiệu trưởng Nhà Trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ theo kế hoạch đã được phê duyệt [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Nhà Trường thông báo văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách đến các đơn vị để thực hiện [H5.05.01.01]. Sau khi ban hành hướng dẫn xây dựng chính sách, Phòng HCTH tổ chức tập huấn cho các đơn vị về việc xây dựng chính sách và trên cơ sở đó, Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV đề xuất ban hành mới và cập nhật điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.01.03].

Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV và các đơn vị trực thuộc luôn căn cứ chủ trương chính sách của Đảng, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Từ đó đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường luôn bám sát SM, TN và các Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT về các mục tiêu chiến lược của Nhà Trường [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H3.03.01.02], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Ngoài ra, Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV và các đơn vị trực thuộc thực hiện theo kế hoạch và hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà Trường để đề xuất các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.03], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

Trong Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT luôn thể hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.11], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, trong KHCL của Nhà Trường và KHCL theo từng lĩnh vực cụ thể luôn thể hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Nhà Trường phân công Phòng KTĐBCLGD là đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát CB, GV, NV và SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.04.02]. Nhà Trường đã phân công Phòng KTĐBCLGD phối hợp các đơn vị để lấy ý kiến của CB, GV, NV và SV về các hoạt động của Nhà Trường, trong đó có nội dung khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV và SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thông báo đến các đơn vị để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H1.01.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường ban hành nhiều chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và triển khai thực hiện

như: Chính sách tuyển sinh, chính sách khen thưởng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín như công nhân sáng kiến xét thi đua khen thưởng và đề xuất tính giờ khoa học cao hơn, chính sách hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, chính sách miễn giảm học phí [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị trực thuộc nghiêm túc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14], [H1.01.02.06]. Đối với SV, các Phòng chức năng phối hợp các khoa phổ biến, triển khai các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường trong nội dung sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học [H1.01.03.04]. Bên cạnh đó, CVHT phổ biến đến sinh viên các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường trong nội dung sinh hoạt lớp [H5.05.01.13]. Ngoài ra, các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được đăng tải trên website của Trường và của các đơn vị [H1.01.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện

Để đảm bảo các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ được triển khai đạt hiệu quả, Nhà Trường phân công các Phòng chức năng chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát thực hiện các chính sách phù hợp chức năng, nhiệm vụ đã được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H1.01.01.08]. Theo đó, Nhà Trường phân công Phòng ĐTQLKHHQT chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về ĐT và NCKH, Phòng CTCTSV chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về PVCĐ [H1.01.01.08]. Nhà Trường đồng thời giao cho Phòng HCTH là đơn vị thường trực, tổng hợp kết quả giám sát và theo dõi việc thực hiện chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của toàn trường [H1.01.01.08].

Từ năm 2020 trở về trước các đơn vị giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.08]. Năm 2021, trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Nhà Trường ban hành có nội dung hướng dẫn quy trình thực hiện giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.01]. Theo đó, các đơn vị được phân công có trách nhiệm theo dõi, giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong năm học và báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Hoạt động giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được triển khai theo các nội dung về giám sát được quy định trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành [H5.05.02.01], [H5.05.02.01], [H5.05.01.04]. Ban Thanh tra nhân dân của Trường giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.03].

Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường thường xuyên yêu cầu các đơn vị giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.14]. Theo đó, lãnh đạo các đơn vị báo cáo việc thực hiện các chính về ĐT, NCKH, PVCĐ trong các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp của các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CB, GV, NV quy định về việc giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi của CB, GV, NV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.02.04], [H1.01.01.04]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị góp ý với BGH tại các cuộc họp giao ban để Nhà Trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14].

Hàng năm, việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị trực thuộc [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, kết quả giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.03.03]. Ngoài ra, các ý kiến của SV thông qua các phiếu phỏng vấn, cũng như thông qua các buổi họp lớp đều thể hiện sự giám sát của SV đối với việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Nhà Trường đã ban hành [H1.01.01.04], [H5.05.01.13]. Kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Đảng ủy Nhà Trường [H2.02.03.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên

Từ năm 2020 trở về trước, các Phòng chức năng của Nhà Trường rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ theo kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị [H1.01.01.13]. Trong văn bản hướng dẫn xây dựng chính sách của Trường ban hành năm 2021 có nội dung quy định hàng năm các đơn vị tiến hành rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ do Trường ban hành [H5.05.01.01]. Theo đó, Nhà Trường giao nhiệm vụ Phòng ĐTQLKHHTQT rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về ĐT và NCKH, Phòng CTHSSV rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách về PVCĐ [H5.05.01.01]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà Trường thường xuyên rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.14]. Ngoài ra, việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được thực hiện thông qua việc tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm cũng như ý kiến đóng góp của SV thông qua việc khảo sát ý kiến, cũng như tại các cuộc họp lớp của CVHT [H1.01.01.14], [H2.02.01.05] [H1.01.01.04]. Ban Thanh tra Nhân dân của Trường giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.03]. Ngoài ra, việc rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường cũng như của Đảng ủy Trường [H1.01.01.12], [H2.02.02.02].

Hàng năm, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, trong các báo cáo tổng kết của Đảng ủy hàng năm luôn có các nội dung đánh giá về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H2.02.03.01]. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ nhà Trường nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường giai đoạn 2015-2020 [H2.02.02.01], [H2.02.04.03]. Ngoài ra, trong báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm luôn có nội dung đánh giá về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.03.03]. Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ đã áp dụng, Nhà Trường ban hành các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp thực tế [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ và kết quả đánh giá việc thực hiện các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm, các Phòng chức năng đề xuất điều chỉnh, cải tiến các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.04], [H2.02.02.04]. Theo đó, Phòng ĐTQLKHHTQT đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về ĐT và NCKH; Phòng CTHSSV đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về PVCĐ [H1.01.01.04], [H2.02.02.04]. Trên cơ sở đó, BGH hợp với lãnh đạo các đơn vị để thông qua chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ được điều chỉnh, cải tiến [H1.01.01.14], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H4.04.03.01], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường ban hành nhiều quyết định liên quan đến hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ như: Khen thưởng cho tân sinh viên thủ khoa, hỗ trợ khuyến khích dành cho SV có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng SV đạt giải cao trong các hội thi, thành tích trong phong trào, chế độ khám sức khỏe định kỳ [H4.04.03.01], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11].

Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát CB, GV, NV và SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Phòng KTĐBCLGD phối hợp các đơn vị để lấy ý kiến của CB, GV, NV và SV về các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nội dung khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV và SV các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm và ý kiến của SV đã thể hiện mức độ hài lòng về các chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H2.02.02.04], [H2.02.01.05]. Với việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà

trường và các đơn vị cũng như cá nhân CB, GV, NV, SV đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ và nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H1.01.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trường phân công cụ thể trách nhiệm cho các Phòng chức năng trong việc đề xuất, thực hiện, rà soát, theo dõi các chính sách và việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà Trường xây dựng và ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ và triển khai thực hiện trong toàn Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường được ban hành bằng văn bản, tuân thủ các quy định và nhằm đạt được SM, TN, mục tiêu chiến lược của Trường.

- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà Trường được triển khai thực hiện, theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm.

- Nhà Trường ban hành kế hoạch, quy định giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc luôn có nội dung rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ và trên cơ sở đó, Nhà Trường và các đơn vị trực thuộc rà soát, đánh giá các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà Trường và của các đơn vị trực thuộc, trong báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm luôn có nội dung đánh giá về các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

- Hàng năm, Nhà Trường lấy ý kiến của CB, GV, NV, SV về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV, SV để điều chỉnh, bổ sung các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà Trường thực hiện cải tiến, điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ dựa trên những kết quả rà soát, đánh giá và nhằm hướng đến đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

- Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện sự hài lòng về các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Với việc áp dụng các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà Trường và các đơn vị cũng như cá nhân CB, GV, NV, SV đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ và nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng cựu SV tham gia trả lời khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường còn hạn chế.

Trong giai đoạn 2017– 2021 Trường chưa tiến hành hội nghị tổng kết về chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Phòng CTHSSV phối hợp với các Khoa tăng cường mối liên hệ với cựu SV và đa dạng hình thức khảo sát để tăng số lượng cựu SV tham gia trả lời khảo sát các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

Đẩy mạnh việc triển khai tổ chức tổng kết, đánh giá các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2017 – 2021, từ đó rà soát và cải tiến một cách có hệ thống các chính sách phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà Trường trong KHCL giai đoạn 2020-2025

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn lực

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Nhà trường luôn quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác quy hoạch nhân lực của Trường và thể hiện rõ trong Nghị quyết của Đảng ủy, của HĐT [H1.01.01.11], [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, trong Đề án Phát triển Trường giai đoạn 2014-2020 (có Tờ trình và Đề án Phát triển Trường giai đoạn 2014-2020) và tầm nhìn đến 2030 có các nội dung về phát triển nguồn nhân lực [H1.01.01.03]. Trường triển khai xây dựng Đề án Vị trí việc làm (đề án VTVL 2014, 2018) [H6.06.01.01]. Đề xuất Bộ VHTTDL ban hành Đề án Vị trí việc làm (Bộ phê duyệt đề án VTVL 2014, 2018) [H6.06.01.01].

Đề án Vị trí việc làm là cơ sở để quy hoạch nguồn nhân lực của Trường [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng và ban hành bản mô tả vị trí việc làm với tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng đối với từng vị trí nhân sự []. Căn cứ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Bộ VHTTDL, Trường ban hành văn bản quy định về công tác quy hoạch và triển khai thực hiện công tác quy hoạch [H3.03.03.02], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]; Ban hành kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021. [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Danh sách quy hoạch nguồn nhân lực của Trường được lãnh đạo Bộ VHTTDL phê duyệt và được thông báo đến các đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của Trường biết [H3.03.03.03], [H6.06.01.01], [H4.04.01.06]. Các văn bản quy định

về quy hoạch nguồn nhân lực đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Mô tả: Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ và quy định của Bộ VHTTDL, Nhà trường ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H6.06.02.01], [H6.06.02.04]. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm của Trường và triển khai thực hiện [H6.06.02.05]. Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ban hành quyết định tuyển dụng và tiến hành ký hợp đồng làm việc, đúng theo quy định của pháp luật [H6.06.02.06]. Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, kế hoạch tuyển dụng hàng năm, thông báo tuyển dụng hàng năm được đăng tải trên website của Trường [H6.06.02.05], [H1.01.02.06].

Trường ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và thông báo đến các đơn vị thực hiện [H6.06.02.07]. Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06]. Trong Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.06.02.07], []. Bên cạnh đó, các nhân sự được đề bạt phải đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm và được thông báo trên website của Trường [H6.06.01.01], [H1.01.02.06]. Trước khi bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, Đảng ủy Trường họp với HĐT, BGH để xem xét và ra nghị quyết thống nhất về bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự, đồng thời xin ý kiến chấp thuận của Bộ VH, TT&DL [H6.06.02.08]. Công tác bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự của Nhà trường đáp ứng yêu cầu, nhu cầu nguồn nhân lực được thể hiện trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H2.02.01.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã thực hiện bổ nhiệm mới ... CBQL, bổ nhiệm lại ... CBQL và luân chuyển ... CBQL [H6.06.02.09].

Nhà trường thông báo công khai quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý của đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động [H6.06.02.07], [H1.01.02.06]. Tại các cuộc họp của Trường, BGH Nhà trường phổ biến và yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thông báo đến toàn thể viên chức, người lao động biết về thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường [H1.01.01.14]. Tại các cuộc họp của các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến viên chức, người lao động về thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường [H5.05.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của viên chức, người lao động.

Mô tả: Trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm do Nhà trường ban hành thể hiện rõ năng lực cụ thể của từng viên chức, người lao động, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo [H6.06.01.01]. Các năng lực của viên chức, người lao động có những năng lực chung và năng lực cụ thể, bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo, trong đó phù hợp với vị trí công tác của từng viên chức, người lao động trong Trường [H6.06.03.01], [H6.06.01.01], [H6.06.03.02]. Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm đến từng viên chức, người lao động [H6.06.01.01], [H6.06.03.03]. Tại các cuộc họp của các đơn vị thuộc, trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị phổ biến Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm đến từng viên chức, người lao động [H5.05.02.04], [H6.06.01.01], [H6.06.03.03].

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên [H1.01.01.08]. Ngoài ra, trong các văn bản tuyển dụng hàng năm, Nhà trường xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí viên chức, người lao động cần tuyển dụng [H6.06.02.04], [H6.06.02.05]. Đồng thời, trong văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm, Nhà trường mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H6.06.01.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Mô tả: Để nắm bắt được nhu cầu về nguồn nhân lực của Trường phục vụ cho sự phát triển, trong Đề án Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn đến 2030 và Đề án vị trí việc làm [H1.01.01.03]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH là đơn vị thường trực và phối hợp với các đơn vị trực thuộc triển khai khảo sát nhu cầu nhân lực của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ [H3.03.03.03], [H1.01.01.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng báo cáo nhu cầu nhân lực của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ, trong đó có nội dung đánh giá nhu cầu ĐT, bồi dưỡng của viên chức, người lao động [H3.03.03.04], [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị triển khai để viên chức, người lao động đăng ký ĐT, BD và gửi về Phòng HCTH để tổng hợp và là cơ sở để Nhà trường xây dựng, ban hành kế hoạch ĐT, BD trong năm học [H6.06.04.01], [H6.06.04.02], [H6.06.04.03].

Căn cứ định hướng phát triển nguồn nhân lực của Đảng ủy, HĐT và căn cứ báo cáo nhu cầu nhân lực của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường xây dựng Đề án Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn đến 2030 về nguồn nhân lực của Trường, trong đó có các nội dung cụ thể về ĐT, BD đội ngũ viên chức, người lao động và các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính của công tác ĐT, BD đội ngũ viên chức, người lao động của Trường [H1.01.01.11], [H2.02.02.03], [H1.01.01.03]. Ngoài ra, căn cứ tổng hợp đăng ký nhu cầu ĐT, BD của

các đơn vị, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch ĐT, BD đội ngũ viên chức, người lao động hàng năm [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Phòng HCTH Nhà trường thường xuyên gửi thông báo các khóa tập huấn, ĐT, BD trong và ngoài nước đến các đơn vị để phổ biến đến viên chức, người lao động đăng ký tham dự [H6.06.04.04].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng HCTH là đơn vị thường trực triển khai hoạt động ĐT, BD đội ngũ viên chức, người lao động [H1.01.01.08]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định cụ thể về chế độ đối với viên chức, người lao động tham gia các khóa tập huấn, ĐT, BD trong và ngoài nước [H2.02.04.06]. Nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị bên ngoài trường tổ chức các khóa tập huấn cho viên chức, người lao động như: ... [H2.02.04.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tự tổ chức ... khóa tập huấn và phối hợp với các đơn vị bên ngoài trường tổ chức ... khóa tập huấn cho viên chức, người lao động [H2.02.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường cử viên chức, người lao động tham gia học tập sau đại học ở trong và ngoài nước, tham dự các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm,... [H2.02.04.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cử ... CB, GV, NV học tập cao học và ... CB, GV, NV ... nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước [H2.02.04.04].

Hoạt động ĐT, BD của đội ngũ viên chức, người lao động được thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, kết quả hoạt động ĐT, BD của đội ngũ viên chức, người lao động được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Trường [H1.01.03.03]. Ý kiến của viên chức, người lao động tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm thể hiện sự hài lòng về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H6.06.04.05]. Ngoài ra, trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2020-2025 có nội dung đánh giá hoạt động ĐT, BD của đội ngũ viên chức, người lao động của Trường [H2.02.04.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Nhà trường phân công Phòng HCTH là đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu của viên chức, người lao động toàn trường [H1.01.01.08]. Hiện nay, Nhà trường có ... CB, VC với ... GV, trong đó có ... PGS, ... TS, ... ThS và ... ĐH [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, Phòng HCTH là đơn vị thường trực triển khai công tác đánh giá hàng năm của viên chức, người lao động [H1.01.01.08], [H2.02.03.04]. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có nêu rõ trách nhiệm của lãnh đạo các đơn vị đối với việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của viên chức, người lao động của đơn vị [H2.02.03.06]. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBQL các đơn vị trực thuộc do BGH đánh giá và kết quả thực hiện nhiệm vụ của BGH do Đảng ủy và HĐT đánh giá [H2.02.03.05], [H2.02.03.07]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đánh giá viên chức, người lao

động của Trường, trong đó có nêu rõ quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của viên chức, người lao động với các biểu mẫu cụ thể [H6.06.05.01], [H2.02.03.04], [H6.06.05.02].

Kế hoạch đánh giá viên chức, người lao động được gửi đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến để thực hiện [H4.04.01.06]. Viên chức, người lao động thực hiện báo cáo tự đánh giá công việc của bản thân và trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả đạt được trong năm của viên chức, người lao động tổng hợp kết quả và gửi về Phòng HCTH [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để xem xét, đánh giá viên chức, người lao động của Trường và kết quả đánh giá được thông báo đến viên chức, người lao động [H2.02.03.07], [H2.02.03.07]. Đối với CBQL, Đảng ủy họp với Chủ tịch HĐT, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Trường để đánh giá CBQL và thông báo kết quả đánh giá đến từng CBQL của Trường [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Kết quả đánh giá viên chức, người lao động hàng năm được gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV và được sử dụng để xét thi đua, khen thưởng hàng năm [H2.02.03.07].

Căn cứ các văn bản về công tác thi đua khen thưởng của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của Trường và gửi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện, đồng thời thông báo đến viên chức, người lao động biết [H6.06.05.03], [H6.06.05.04], [H4.04.01.06]. Trong Quy chế thi đua khen thưởng của Trường đồng thời có các nội dung về thi đua khen thưởng đối với viên chức, người lao động [H6.06.05.04]. Bên cạnh đó, các chế độ khen thưởng đối với viên chức, người lao động đạt thành tích và các danh hiệu thi đua được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.04].

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng và ban hành kế hoạch xét thi đua khen thưởng viên chức, người lao động của Trường [H6.06.05.01], [H6.06.05.05]. Viên chức, người lao động của Trường kê khai thành tích của cá nhân trong năm học kèm theo các minh chứng, thông qua cuộc họp của đơn vị và Hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành họp xét thi đua khen thưởng đối với viên chức, người lao động của Trường [H6.06.05.02], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp [H1.01.02.01].

Trong Quy chế thi đua khen thưởng của Nhà trường ban hành có quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá hàng năm của CB, GV, NV để đầu tư cho ĐT, BD CB, GV, NV [H6.06.05.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá hàng năm để làm căn cứ xác định đầu tư cho ĐT, BD CB, GV, NV để hỗ trợ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H6.06.05.04]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định cụ thể về định mức đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV [H6.06.05.04]. Đối với CB, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm được Nhà trường ưu tiên đầu tư tài chính, tạo điều kiện để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.04]. Trong giai đoạn 2019-2023 có ... CB, GV, NV được Nhà trường tạo điều kiện học tập sau đại học, ... lượt CB, GV, NV được cử tham gia các khóa ĐT, BD trong và ngoài nước [H6.06.04.03], [H2.02.04.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Mô tả: Nhà trường phân công Phòng HCTH là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ chính sách của Trường [H1.01.01.08], [H2.02.04.06]. Trên cơ sở đó, Phòng HCTH phân công 01 viên chức theo dõi việc thực hiện các chế độ, chính sách của Trường [H6.06.06.01]. Ngoài ra, việc thực hiện các chế độ chính sách của Trường thường xuyên được rà soát trong cuộc họp của Đảng ủy cũng như cuộc họp của BGH Nhà trường [H6.06.06.02], [H1.01.01.14]. Tại các cuộc họp giao ban của Trường, BGH Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách của Trường [H1.01.01.14]. Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường và của các đơn vị cũng như báo cáo tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm [H1.01.03.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Nhà trường triển khai khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát viên chức, người lao động về chế độ, chính sách của Trường [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng đối với chế độ, chính sách của Trường [H1.01.01.04]. BGH Nhà trường tham khảo, tiếp thu kết quả khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động về chế độ, chính sách của Trường và các ý kiến của viên chức, người lao động về chế độ, chính sách của Trường tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm của Trường và của các đơn vị cũng như ý kiến phát biểu của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tại các cuộc họp giao ban của Trường để điều chỉnh chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H6.06.06.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho các Phòng chức năng tham mưu ban hành các chế độ, chính sách được điều chỉnh, cải tiến để phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H5.05.01.02]. Các các Phòng chức năng tham khảo, tiếp thu kết quả khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động về chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và các ý kiến của viên chức, người lao động về chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Trường để đề xuất dự thảo điều chỉnh, cải tiến chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc và của viên chức, người lao động và trên cơ sở đó điều chỉnh dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H6.06.06.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh, cải tiến nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường như: chính sách tuyển sinh, chính sách khen thưởng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, chính sách hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, chính sách miễn giảm học phí, chính sách hỗ trợ các hoạt động TDTT cho các

địa phương,...[H5.05.01.03], [H5.05.01.04], [H4.04.03.01], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Nhà trường thông báo các chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường đã được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến viên chức, người lao động và sinh viên [H4.04.01.06], [H1.01.02.06].

Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của viên chức, người lao động về chế độ, chính sách của Trường và các ý kiến về chế độ, chính sách của Trường tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm của Trường, Phòng HCTH xây dựng dự thảo chế độ chính sách của Trường, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị thuộc và trực thuộc và trên cơ sở đó điều chỉnh dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.04], [H6.06.06.03], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Các văn bản điều chỉnh, cải tiến các chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và chế độ, chính sách của Trường được đăng tải trên website của Nhà trường [H1.01.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các văn bản quy định của Nhà nước, của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL về công tác cán bộ, Nhà trường ban hành và áp dụng hệ thống văn bản quản lý nhân lực trong toàn Trường.

- Nhà trường xây dựng báo cáo nhu cầu nhân lực của các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ và trên cơ sở đó ban hành Đề án Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến 2030 về nguồn nhân lực của Trường.

- Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm của Nhà trường được ban hành và được sử dụng trong công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm.

- Nhà trường triển khai hệ thống văn bản quản lý nhân lực đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động và đăng tải trên website của Trường.

- Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ viên chức, người lao động nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Nhà trường triển khai nhiều hoạt động ĐT, BD đội ngũ viên chức, người lao động và cử viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước.

- Nhà trường áp dụng nhiều chế độ, chính sách động viên, khuyến khích viên chức, người lao động tích cực tham gia ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cử ... viên chức, người lao động học tập cao học và ... CB, GV, NV ... nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước.

- Trong giai đoạn 2019-2023, có ... lượt viên chức, người lao động của Trường (tỷ lệ ...%) tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước, đặc biệt ... đạt được học vị TS và ... CB, GV, NV đạt học vị ThS.

- Ý kiến khảo sát viên chức, người lao động hàng năm về hoạt động ĐT, BD của Nhà trường với kết quả ... % viên chức, người lao động hài lòng về các hoạt động ĐT, BD và phát triển chuyên môn của Trường.

- Nhà trường ban hành Quy định đánh giá, phân loại viên chức, người lao động và triển khai đánh giá hàng năm với kết quả Trong giai đoạn 2019-2023, viên chức, người lao động của Nhà trường được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ...% viên chức, người lao động được xếp hoàn thành tốt nhiệm vụ và ...% viên chức, người lao động được xếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá viên chức, người lao động hàng năm để xét thi đua khen thưởng hàng năm và làm căn cứ xác định đầu tư cho ĐT, BD viên chức, người lao động để hỗ trợ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.

- Nhà trường ban hành Quy chế thi đua khen thưởng và triển khai xét thi đua khen thưởng viên chức, người lao động theo kế hoạch xét thi đua khen thưởng viên chức, người lao động của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị, đội ngũ viên chức, người lao động của Trường đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

- Ý kiến khảo sát và ý kiến của viên chức, người lao động tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động ĐT, BD của Trường và chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực và trên cơ sở ban hành các chế độ, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn, động viên, khuyến khích viên chức, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường ban hành nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ ĐT, NCKH, PVCD của Trường và chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường đã được điều chỉnh, cải tiến.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng GV có học hàm GS, PGS và học vị TS của Nhà trường chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tăng cường áp dụng các chế độ, chính sách động viên, khuyến khích GV đẩy mạnh học tập, nghiên cứu để tăng số lượng GV có học hàm GS, PGS và học vị TS của Trường.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 6

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: *Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.*

Mô tả: Năm 2008, Nhà trường thành lập Phòng Tài vụ là đơn vị chuyên trách về tài chính [H7.07.01.01]. Từ năm 2018, bộ phận Tài vụ thuộc Phòng HCTH thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc phát triển nguồn lực tài chính nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H2.02.03.03]. Phòng HCTH hiện có 25 VC và NLĐ, trong đó bộ phận tài chính có 5 VC [H6.06.06.01]. Các nhân sự thực hiện công tác tài chính của Trường tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, tài chính và được đào tạo, bồi dưỡng về tài chính và hằng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về tài chính, quy định tiền lương và luật lao động [H7.07.01.02]. Trong thành phần BGH, Hiệu trưởng phụ trách về công tác tài chính của Nhà trường [H3.03.01.04].

Căn cứ SM, TN đã xác định, Nhà trường ban hành chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và KHCL giai đoạn 2020-2025, trong đó xác định các nội dung, các mục tiêu, chỉ số phấn đấu về hoạt động kế hoạch tài chính từng giai đoạn, cùng với các biện pháp triển khai thực hiện [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường có quy định cụ thể về việc tạo nguồn thu hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện TN, SM và các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.12]. Các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường được xác định chủ yếu là từ Ngân sách nhà nước cấp, thu học phí, thu từ các lớp đào tạo ngắn hạn và các nguồn thu từ dịch vụ khác [H7.07.01.03], [H7.07.01.04].

Căn cứ các văn bản quy định về hoạt động tài chính của Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT, Bộ VHTT&DL, các Nghị quyết của Đảng ủy và HĐT, hàng năm, bộ phận tài vụ thuộc Phòng HCTH căn cứ tình hình quy hoạch, phát triển và nhu cầu của các đơn vị về hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ cũng như cân đối kinh phí, tham mưu HĐT, BGH Nhà trường về kế hoạch tài chính, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H4.04.02.01]. Nhà trường thông báo kế hoạch tài chính đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.01.06]. Để quản lý hoạt động tài chính của Trường, Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thông báo đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện [H2.02.04.06]. Hàng năm, Phòng HCTH lấy ý kiến góp ý

của các đơn vị về Quy chế chỉ tiêu nội bộ và trên cơ sở đó, điều chỉnh, bổ sung và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ đã được điều chỉnh [H7.07.01.05], [H2.02.04.06]. Cuối mỗi năm tài chính, bộ phận tài vụ thuộc Phòng HCTH thống kê cơ cấu thu chi của Trường, tiến hành thực hiện báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động của Trường cũng như tình hình thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP [H7.07.01.04]. Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp để tăng các nguồn thu hợp pháp như: phối hợp với các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các tỉnh phía Nam mở hệ vừa làm vừa học, đào tạo sau đại học, mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn và cấp chứng chỉ ... [H7.07.01.06].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H4.04.02.01]. Trong nội dung họp Đảng ủy, họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn quán triệt và yêu cầu các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động nhằm phát triển nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14], [H6.06.06.02]. Bên cạnh đó, hàng năm, Bộ VHTTDL, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, kiểm toán hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Trường [H7.07.01.07], [H7.07.01.08].

Hoạt động tài chính và quản lý tài chính của Trường rõ ràng, không có sai phạm theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, kết quả kiểm tra tài chính nội bộ cho thấy Nhà trường thực hiện tốt công tác tài chính và quản lý tài chính [H7.07.01.04], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, hàng năm, trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo kết quả tài chính năm học, Báo cáo Hội nghị CB, CC, VC luôn rà soát, đánh giá, cập nhật cơ cấu nguồn thu, chi để từ đó điều chỉnh cơ cấu nguồn thu chi của năm học tiếp theo được hợp lý nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.01.04], [H1.01.03.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị và công cụ để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Bộ phận Hành chính thuộc Phòng HCTH được giao nhiệm vụ quản lý về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học [H2.02.03.03]. Bộ phận Hành chính thuộc Phòng HCTH có 25 nhân sự bao gồm: 16 nhân sự mảng hành chính [H6.06.06.01]. Bộ phận Hành chính thuộc Phòng HCTH phân công nhân sự chuyên trách quản lý về CSVC và hạ tầng, trang thiết bị dạy học của Trường, trong đó thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng, các phương tiện dạy học, các Phòng tập, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong thành phần BGH, Hiệu trưởng quản lý và trực tiếp chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H3.03.01.04].

Nhà trường ban hành chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 trong đó có các nội dung về CSVC và trang thiết bị [H1.01.01.03]. Trên cơ sở KHCL đã ban hành, Nhà Trường xây dựng KHCL giai đoạn 2020-2025 về CSVC và trang thiết bị của Trường được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 với các chỉ tiêu phân đầu chính và các chỉ số thực hiện chính về CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ

[H1.01.01.03]. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để các đơn vị đề xuất nhu cầu CSVC và trang thiết bị của đơn vị [H7.07.02.01]. Các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các trung tâm trực thuộc đề xuất nhu cầu vật tư, CSVC, trang thiết bị và lập danh mục theo biểu mẫu và gửi về Phòng HCTH [H7.07.02.02]. Trên cơ sở đó, Phòng HCTH tổng hợp, xây dựng dự thảo kế hoạch CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị và công cụ, thông qua họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thống nhất nhu cầu sử dụng CSVC và trang thiết bị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.01.01.11]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H4.04.02.01]. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng CSVC, trang thiết bị để sử dụng hiệu quả [H7.07.02.03]. Hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2019-2023 luôn được thực hiện đúng quy định và kế hoạch ban hành [H7.07.02.04], [H7.07.02.05].

Kết thúc năm tài chính, Phòng HCTH triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.06]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Phòng HCTH thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H7.07.02.07]. Bên cạnh đó, bộ phận tài vụ của Phòng HCTH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các Phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị trong giai đoạn 2017 - 2021 [H4.04.02.01]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư, sử dụng CSVC và cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường [H1.01.03.03].

Phòng HCTH là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về CSVC, trang thiết bị của Trường [H7.07.02.07]. Hiện nay, Nhà trường có 11 Phòng học lý thuyết, 02 Phòng học vi tính, 01 Phòng học Cờ, 01 nhà kho, các khu nhà tập luyện các môn thực hành như nhà đa năng, khu tập bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, cầu lông, sân điền kinh, sân bóng đá, tennis, hồ bơi, bắn súng ... với tổng diện tích 62.725 m², khu Thư viện, Viện KH&CNTT có diện tích sàn là 1.534 m² được trang bị làm thư viện, Trung tâm thông tin và các Phòng nghiên cứu của Viện KH&CNTT [H7.07.02.07]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H1.01.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về CSVC và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CSVC, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã cải tạo, sửa chữa 03 công trình phục vụ học tập và sinh hoạt của sinh viên, đầu tư hệ thống phần mềm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của nhà trường [H7.07.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự Phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Trung tâm thông tin, thư viện được giao nhiệm vụ quản lý CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm quản lý giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT của Nhà trường [H2.02.03.03]. Trung tâm thông tin, thư viện phân công nhân sự chuyên trách quản lý CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, trong đó thực hiện lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.13]. Các nhân sự thực hiện công tác chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Nhà trường thường xuyên được cử tham gia các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về CNTT [H2.02.04.04].

Nhà trường ban hành chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và KHCL giai đoạn 2020-2025, trong đó có các nội dung về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Trên cơ sở KHCL đã ban hành, Nhà trường xây. KHCL giai đoạn 2020-2025 về CSVC và trang thiết bị của Trường được xây dựng dựa trên KHCL giai đoạn 2020-2025 với các chỉ tiêu phân đầu chính và các chỉ số thực hiện chính về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H4.04.01.05]. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để các đơn vị đề xuất nhu cầu CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của đơn vị gửi về Phòng HCTH [H7.07.02.01], [H7.07.02.02]. Các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn và các trung tâm trực thuộc đề xuất nhu cầu CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT và lập danh mục theo biểu mẫu và gửi về Phòng HCTH [H7.07.02.02]. Trên cơ sở đó, Phòng HCTH tổng hợp, xây dựng dự thảo kế hoạch đầu tư CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, thông qua họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thống nhất nhu cầu sử dụng CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.12].

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung xây dựng, nâng cấp, bảo trì CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT nhằm phát triển và đảm bảo phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.02.03]. Tại các cuộc họp của Đảng ủy, các cuộc họp giao ban, lãnh đạo Nhà trường luôn quán triệt các đơn vị tập trung công tác đầu tư, bảo trì, bảo quản CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H6.06.06.02], [H1.01.01.14]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì CSVC, trang thiết bị của Trường [H4.04.02.01], [H2.02.02.04]. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng CSVC, trang thiết bị và thông báo đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV SV biết để thực hiện [H7.07.02.03]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập và thông báo đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện [H7.07.03.01]. Đối với hệ thống mạng, Nhà trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường [H7.07.03.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.03.03]. Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H7.07.03.03].

Kết thúc năm tài chính, Phòng HCTH triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H7.07.02.06]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Phòng HCTH thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.02.07]. Bên cạnh đó, bộ phận tài chính của Phòng HCTH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H7.07.01.04]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Nhà trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư, sử dụng CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H2.02.02.04], [H1.01.03.03].

TTTTTV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H2.02.03.03]. Hiện nay, Nhà trường có 02 Phòng thực hành máy tính và .. máy tính phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H7.07.03.04]. Tất cả các máy tính được kết nối mạng internet, được phân bố các đơn vị trực thuộc của Trường [H7.07.03.04]. Nhà trường hiện sử dụng các phần mềm CNTT có bản quyền như phần mềm kế toán Misa Mimosa HCSN [H7.07.03.05]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, cải thiện CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H7.07.02.06], [H7.07.02.07], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã trang bị mới 02 phòng vi tính và mua mới 150 máy vi tính, trang bị mới hệ thống wifi, nâng cấp hệ thống mạng, xây cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Thư viện Nhà trường được thành lập năm 2008 và hiện nay trực thuộc Trung tâm thông tin, thư viện [H7.07.04.01], [H2.02.03.03]. Hiện nay, Thư viện có 02 nhân sự [H6.06.06.01]. Nhân sự của Thư viện được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và hàng năm được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn, các hội nghị, hội thảo về công tác thư viện [H2.02.04.04], [H7.07.01.02].

Nhà trường ban hành chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và giai đoạn 2020-2025, trong đó có các nội dung về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. KHCL giai đoạn 2020-2025 về CSVC và trang thiết bị của Trường được xây dựng dựa trên KHCL giai đoạn 2020-2025 với các chỉ tiêu phấn đấu chính và các chỉ số thực hiện chính về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.03]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng

hợp và xây dựng kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập, trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H1.01.01.13].

Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn chỉ đạo các đơn vị tập trung phát triển nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.02.03]. Tại các cuộc họp của Đảng ủy và các cuộc họp giao ban, lãnh đạo Nhà trường luôn quán triệt các đơn vị tập trung công tác đầu tư, phát triển nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.14], [H6.06.06.02]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động nâng cấp, bảo trì nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H7.07.03.02], [H7.07.03.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường dành kinh phí 178 triệu đồng để mua sách, tạp chí, CSDL trực tuyến nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH của GV và SV [H7.07.04.02]. Nhà trường ban hành nội quy của Thư viện, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H7.07.04.03]. Thư viện Trường áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong quản trị nguồn lực học tập của Trường [H7.07.04.04]. Hàng năm, Thư viện Trường tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập của Trường [H7.07.04.05]. Bên cạnh đó, Thư viện sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như sử dụng các dịch vụ của thư viện [H7.07.04.06]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Thư viện Trường thực hiện báo cáo, theo dõi, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H7.07.04.05], [H7.07.04.07]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hằng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng nguồn lực học tập của Trường [H1.01.03.03], [H2.02.02.04].

Thư viện Trường là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến [H2.02.03.03]. Tính đến cuối tháng 10 năm 2021, Thư viện Nhà trường có 5000 đầu sách với 3850 đầu sách trong nước, 500 đầu sách nước ngoài, 35 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.04.05], [H7.07.04.07]. Bên cạnh đó, tài liệu nội sinh tại Thư viện có hơn ... luận văn, luận án, đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp [H7.07.04.05], [H7.07.04.07]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá hàng năm về các nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường và được thể hiện trong kế hoạch năm học [H1.01.01.12]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập tăng qua từng năm [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Thư viện Nhà trường bổ sung 2141 đầu sách với 1879 đầu sách trong nước, 241 đầu sách nước ngoài, báo, tạp chí, ... CSDL trực tuyến nhằm phục vụ và đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H7.07.04.05], [H7.07.04.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Mô tả: Nhà trường phân công Phòng HCTH là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường, bộ phận Y tế thuộc Phòng HCTH chịu trách nhiệm về sức khỏe, đội bảo vệ thuộc Phòng HCTH chịu trách nhiệm về an toàn của viên chức, người lao động và tài sản của nhà trường [H2.02.03.03]. Phòng HCTH đã phân công nhân sự của Phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H6.06.06.01]. Hàng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H2.02.04.04].

Nhà trường ban hành chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và giai đoạn 2020-2025, trong đó có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. KHCL giai đoạn 2020-2025 về CSVC và trang thiết bị của Trường được xây dựng dựa trên KHCL giai đoạn 2020-2025 với các chỉ tiêu phần đầu chính và các chỉ số thực hiện chính về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H4.04.01.05]. Trong kế hoạch năm học hàng năm có các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng [H1.01.01.12].

Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn chỉ đạo lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H1.01.01.14]. Nhà trường ký hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ Gia Đại Lợi, công ty TNHH TMDV Green Garden để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các Phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H7.07.05.01]. Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và đảm bảo trực 24/24 giờ tại Trường [H2.02.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên Trường để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho tài sản của Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H7.07.05.02]. Các dãy Phòng học, Phòng làm việc của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy và lối thoát hiểm rõ ràng [H7.07.05.03]. Cảnh quan của Trường sạch sẽ, thân thiện [H7.07.05.04]. Nhà trường có 02 nhân sự đảm nhiệm chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H6.06.06.01]. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc ý tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H2.02.04.04]. Nhà trường ký cam kết với Công an Phường ... để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H7.07.05.05]. Bên cạnh đó, hàng năm, bộ phận tài chính của Phòng HCTH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các Phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị, trong đó có nội dung đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H4.04.02.01], [H7.07.01.04], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.04], [H1.01.03.03].

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng HCTH lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện

hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H2.02.03.03]. Hàng năm, CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường [H7.07.05.06]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người học [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hàng năm về môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng, Nhà trường xác định trong kế hoạch năm học hàng năm và triển khai nhiều hoạt động cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học như: trồng cây xanh trước khu hành chính của Trường và xây dựng vườn hoa trong khuôn viên Trường, phun thuốc diệt côn trùng gây hại sức khỏe, lắp đèn diệt côn trùng xung quanh khuôn viên Trường, khai thông cống rãnh,... [H1.01.01.04]. Nguồn kinh phí Nhà trường chi cho việc tăng cường, cải tiến về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học tăng qua từng năm [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường [H2.02.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể bộ phận tài chính thuộc Phòng HCTH thực hiện việc xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát phát triển nguồn lực tài chính phục vụ ĐT, NCKH, PVCD.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chức năng quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt; đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; các nguồn lực học tập phục vụ ĐT, NCKH, và PVCD.

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên BGH phụ trách các đơn vị triển khai kế hoạch, theo dõi giám sát phát triển nguồn lực tài chính; quản trị về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt; đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các Phòng tập, thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT; các nguồn lực học tập phục vụ ĐT, NCKH, và PVCD.

- Các nhân sự thực hiện công tác về tài chính, quản lý CSVC, quản lý các thiết bị CNTT, quản trị nguồn lực học tập, quản lý môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học của Trường là những người được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thông báo, phổ biến đến các đơn vị trực thuộc, CB, GV, NV biết để thực hiện.

- Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án tự chủ về tài chính trong từng năm và chủ động phát triển, đa dạng hóa nguồn thu hợp pháp của Trường tăng qua từng năm từ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD.

- Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản và thực hiện đồng bộ công tác quản lý CSVC và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự Phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến từ khâu lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp.

- Nhà trường hiện có rất nhiều đầu sách, Phòng học lý thuyết với tổng diện tích lớn, Phòng học thực hành, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Hiện nay, Nhà trường có 01 Phòng thực hành máy tính và 60 máy tính được kết nối mạng internet, sử dụng các phần mềm CNTT có bản quyền phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

- Nhà trường chú trọng triển khai hệ thống dự Phòng, bảo mật và quyền truy cập, cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin.

- Thư viện Nhà trường có nhiều đầu sách với đầu sách trong nước, đầu sách nước ngoài, các loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến, luận văn, luận án, đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp phục vụ và đáp ứng hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý CSDL về CSVC và hạ tầng các thiết bị CNTT như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự Phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường không có sai phạm về công tác tài chính và quản lý tài chính.

- Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan thể hiện mức độ hài lòng về CSVC, hạ tầng, các phương tiện dạy học, các Phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị dạy học, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến môi trường, sức khỏe, sự an toàn của người học nói chung và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt nói riêng.

- Trong giai đoạn 2019-2023, tất cả CB, GV, NV, SV được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do dịch bệnh Covid 19 nên việc xây dựng, nâng cấp CSVC của Nhà trường bị chậm so với tiến độ.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những học tiếp theo, Nhà trường tăng cường đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nâng cấp CSVC của Trường nhằm đảm bảo tiến độ đã xác định.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 7

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	5
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5

Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả: Năm 2008, Nhà trường thành lập Phòng Hợp tác quốc tế [H8.08.01.01] và đến năm 2018 Phòng HTQT sáp nhập với Phòng Đào tạo, Sau Đại học và đổi tên thành Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (ĐTQLKHHTQT) [H2.02.03.03]. Với chức năng tham mưu giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác HTQT, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định [H2.02.03.03]. Phòng ĐTQLKHHTQT hiện có 10 nhân sự, bao gồm: 1 trưởng Phòng, 4 phó trưởng Phòng và 5 chuyên viên, trong đó phân công 01 chuyên viên thực hiện công tác quản lý hoạt động đối ngoại của Trường [H8.08.01.02]. Hàng năm, nhân sự của Phòng ĐTQLKHHTQT được Nhà trường cử tham dự các khóa tập huấn về hoạt động đối ngoại để kịp thời cập nhật quy định về công tác đối ngoại [H2.02.04.04]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công Hiệu trưởng phụ trách hoạt động HTQT của Trường [H3.03.01.04].

Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTT&DL, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về quản lý hoạt động đối ngoại, Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng dự thảo Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT của Trường (Tài liệu ISO), thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành và gửi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện [H8.08.01.03]. Trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT của Nhà trường ban hành có quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp quản lý giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý CB, GV, NV của Trường đi công tác, học tập ở nước ngoài [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]. Trong chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, có các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính về phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính về phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Nhà trường đăng tải Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT trên website của Trường và của Phòng [H8.08.01.07], [H1.01.02.06]. Tại cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường thường xuyên quán triệt, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng các quy định về đối ngoại và tập trung phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, trong đó bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tích cực phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Nhà trường ký kết 6 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện [H8.08.01.08].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, qui trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Mô tả: Trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn có nội dung chỉ đạo, định hướng triển khai phát triển các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các hoạt động đối ngoại [H1.01.02.03]. Tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn triển khai và yêu cầu các đơn vị tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại dựa trên các văn bản ký kết [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại với các trường đại học, các tổ chức giáo dục trên thế giới dựa trên 6 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H8.08.01.08]. Nhà trường đăng tải Quy định quản lý công tác đối ngoại, HTQT và các thông tin về hợp tác, đối ngoại trên website của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT [H1.01.02.06].

Nhà trường triển khai các hoạt động đối ngoại theo Quy định về hoạt động HTQT của Trường đã ban hành [H8.08.01.07], [H8.08.02.01]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc triển khai nhiều hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, người học với đối tác trong và ngoài nước dựa trên các văn bản hợp tác đã ký kết [H8.08.02.02], [H8.08.02.03], [H8.08.02.04], [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08], [H8.08.02.09], [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Nhà trường luôn dành kinh phí cho hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi SV với đối tác trong nước và ngoài nước [H4.04.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường dành kinh phí....đồng để triển khai các hoạt động với các đối tác trong nước và ngoài nước theo các biên bản hợp tác đã ký kết [H7.07.01.04].

Nhà trường ký kết hợp tác với 3 đối tác trong nước, trong đó có nhiều đối tác có thương hiệu trong lĩnh vực thể thao như: Trung tâm thể thao California Fitness and Yoga,.. [H8.08.02.12]. Căn cứ các thỏa thuận đã ký kết, Nhà trường triển khai thực hiện nhiều hợp tác với các trường đại học có uy tín trong nước như: (Giảng dạy tại ĐH CNTT, ĐHQT) để mở các lớp hệ vừa làm vừa học, đào tạo sau đại học các ngành thuộc lĩnh vực thể thao đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho TP. HCM và cả nước [H8.08.02.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết thỏa ước với Bệnh viện Quân y 175A triển khai các hoạt động giới thiệu SV tham quan thực tế, thực tập tốt nghiệp [H8.08.02.12]. Trong hoạt động NCKH, Nhà trường ký hợp tác với các địa phương trên cả nước như: ...(xây dựng đề án quy hoạch, hợp đồng) và một số trường đại học, viện nghiên cứu, sở VH, TT như ...(xây dựng đề án quy hoạch, hợp đồng) để triển khai các đề tài NCKH [H8.08.02.14]. CB, GV Nhà trường hợp tác với ... thực hiện đề tài ... [H8.08.02.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường phối hợp với các đối tác trong nước tổ chức 01 hội nghị, hội thảo, trong đó có các hội nghị, hội thảo toàn quốc như: Hội nghị khoa học Y học Thể thao và sức khỏe vận động viên và cộng đồng [H8.08.02.15].

Nhà trường ký kết hợp tác với 6 đối tác nước ngoài, trong đó có nhiều đối tác có thương hiệu trong lĩnh vực thể thao như: Trường Đại học Thể thao quốc gia Hàn Quốc [H8.08.01.08]. Nhà trường cử nhiều CB, GV, NV tham gia học tập sau đại học ở nước ngoài cũng như tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài như: Nga, Trung Quốc, Đài Loan, Hoàn Quốc [H8.08.02.08]. Nhà trường cử CB, GV tham dự tập huấn các môn thể thao ở Hàn Quốc [H8.08.02.07]. Trong hoạt động hợp tác đào tạo, Nhà trường cử nhiều CB, GV đi đào tạo ngắn hạn tại Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc [H8.08.02.07]. Nhà trường đón nhiều SV từ nước Hàn Quốc tham gia học tập tại Trường [H8.08.02.09]. CB, GV của Trường tích cực trong các hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước với sản phẩm nhiều bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được thực hiện với các đối tác và xuất bản sách với

đối tác [H8.08.02.16]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức 1 Hội nghị Khoa học quốc tế về thể thao [H8.08.02.17].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.3: Các đối tác mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Mô tả: Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng ĐTQLKHHTQT luôn có nội dung rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại cũng như hệ thống văn bản quản lý về đối ngoại của Trường đã ban hành [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để từ đó tăng cường triển khai các hoạt động dựa trên văn bản hợp tác đã ký kết, tiếp tục gia hạn với các hợp tác đã hết hạn, đặc biệt là ký mới các hợp tác để thực hiện SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường theo KHCL, kế hoạch năm học hàng năm của Trường [H1.01.01.14], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.03], [H4.04.01.05].

Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị được giao nhiệm vụ rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, các quy định về đối ngoại của Trường [H2.02.03.03]. Phòng ĐTQLKHHTQT phân công 01 chuyên viên thường xuyên cập nhật văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H8.08.03.01]. Năm 2021, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Trường và trên cơ sở đó, Nhà trường bổ sung biểu mẫu trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT của Trường và các quy trình về quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động đối ngoại và phát triển mạng lưới, quan hệ đối ngoại [H8.08.02.12]. Ý kiến khảo sát của CB, GV, NV, SV hàng năm và ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về hiệu quả hoạt động đối ngoại của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Mô tả: Nhà trường và các đơn vị trực thuộc tích cực phát triển số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với số lượng tăng dần qua từng năm, đồng thời đạt được các mục tiêu chiến lược của Trường về HTQT [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H8.08.02.12], [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, nhà trường tiếp tục củng cố quan hệ với các đối tác và phát triển mạng lưới đối ngoại [H8.08.02.12]. Số lượng CB, GV, SV tham gia học tập ở nước ngoài, số lượng SV nước ngoài học tập tại Trường, số lượng đề tài NCKH và số lượng bài báo khoa học với sự tham gia của các đối tác nước ngoài được công bố tăng lên [H8.08.02.08], [H8.08.02.16].

Căn cứ kết quả rà soát về hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại và được thể hiện trong kế hoạch năm học hàng năm của Trường và của Phòng ĐTQLKHHTQT [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong Nghị quyết Đảng ủy Trường luôn có các chính sách, chỉ đạo về việc tăng cường kinh phí cho hoạt động đối ngoại, đầu tư CSVC, trang thiết bị,

đội ngũ làm công tác HTQT để tăng cường các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H1.01.02.03]. Nhà trường có cơ chế về kinh phí và hàng năm dành kinh phí để phát triển hoạt động hợp tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCD [H4.04.02.01]. Năm 2021, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Nhà trường định hướng chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được SM, TM và các mục tiêu chiến lược của Trường và được thể hiện rõ trong KHCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Nhà trường chú trọng mục tiêu, chỉ tiêu phát triển hoạt động hợp tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các trường ĐH quốc tế có uy tín trong ĐT, NCKH, PVCD, trong đó chú trọng mở rộng phạm vi đối tác của một số quốc gia phát triển [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát các hoạt động đối ngoại của Trường đúng theo quy định.

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn về hoạt động HTQT, Nhà trường ban hành Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT và triển khai áp dụng trong toàn trường.

- Trong Quy định về hoạt động HTQT do Trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại, trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, NV, SV trong công tác đối ngoại của Trường.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện.

- Trong chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm có các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính về phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại theo SM, TN và các mục tiêu chiến lược của Trường

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp phát triển đối tác, phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại với nhiều trường đại học có uy tín trong và ngoài nước.

- Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường tăng lên với kết quả Nhà trường ký kết hợp tác với 6 đối tác của các nước Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Thái Lan, Hungary

- Nhà trường phối hợp với các đối tác trong nước và ngoài nước tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học với kết quả số lượng các bài báo khoa học, các hội nghị, hội thảo đồng tổ chức của Nhà trường với các trường đại học, các doanh nghiệp, công ty trong nước và ngoài nước tăng lên đáng kể.

- Nhiều CB, GV của Nhà trường tham gia học tập sau đại học, hội nghị, hội thảo khoa học, các khóa tập huấn ở trong nước và ngoài nước do các đối tác của Trường tổ chức.

- Các đơn vị trực thuộc và đội ngũ CB, GV thực hiện đúng quy định về việc đi công tác ở nước ngoài.

- Hàng năm, Nhà trường rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, các văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại thuộc Trường ban hành và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC.

- Năm 2021, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định và Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động đối ngoại trong 05 năm của chu kỳ đánh giá.

- Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường ban hành các chính sách, áp dụng các biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động đối ngoại của Trường.

- Nhà trường, các đơn vị và CB, GV, NV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động đối ngoại.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do dịch bệnh Covid 19 nên ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động hợp tác với các nước ngoài.

CL phát triển trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đang triển khai thực hiện.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường và các đơn vị chủ động, đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước phù hợp với điều kiện thực tế trong tình hình mới. Hoàn thiện và ban hành CL phát triển trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể về công tác HTQT trong giai đoạn 2020-2025

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Năm 2007, Nhà trường thành lập Trung tâm KT&ĐGCLGD và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng; Đến năm 2008, Nhà trường sắp xếp, đổi tên Trung tâm KT&ĐGCLGDĐH thành Ban TT-KT&BĐCL; Đến năm 2014, Nhà trường sắp xếp, đổi tên Ban TT-KT&BĐCL thành Phòng KT&BĐCLGD [H9.09.01.01]. Phòng KT&BĐCL hiện có 05 nhân sự, trong đó có 01 Trưởng Phòng phụ trách chung, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về triển

khai công tác BDCL giáo dục của Trường; 01 Phó trưởng Phòng phụ trách công tác khảo thí, 03 VC vừa kiêm nhiệm thực hiện công tác khảo thí và công tác BDCL [H2.02.03.03], [H9.09.01.02]. Năm 2021, Nhà trường ban hành hệ thống BDCL bên trong, trong đó được thiết lập gắn liền với cơ cấu tổ chức, đảm bảo sự vận hành thống nhất từ BGH đến các Phòng, khoa, trung tâm trực thuộc trường [H2.02.01.07], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Nhà trường thành lập Hội đồng bảo đảm chất lượng giáo dục, ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng BDCL giáo dục, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng [H9.09.01.03].

Mạng lưới của hệ thống BDCL bên trong của Nhà trường được thiết lập ở cấp Trường và cấp đơn vị, được thể hiện rõ trong sơ đồ hệ thống BDCL bên trong của Trường [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Ở cấp trường, đó là Phòng KT&BDCLGD và ở cấp đơn vị là đại diện lãnh đạo Phòng chức năng, lãnh đạo khoa phụ trách hoạt động BDCL của đơn vị [H9.09.01.05]. Bên cạnh đó, hội đồng BDCLGD là đơn vị tham mưu BGH Nhà trường các chính sách, cơ chế, định hướng hoạt động BDCL của Trường [H9.09.01.06]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động khảo thí và BDCL của Trường [H3.03.01.04].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về hoạt động BDCL và KĐCL, năm 2021, Phòng KT&BDCL tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định hoạt động BDCL giáo dục của Trường, gửi đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan và triển khai thực hiện [H1.01.04.01]. Ngoài ra, Phòng HCTH tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch hoạt động năm học, trong đó có các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính cùng với các nội dung cụ thể để đạt được chính sách mục tiêu chất lượng của nhà trường [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H9.09.01.06].

Để triển khai công tác BDCL đạt hiệu quả, Nhà trường thường xuyên cử CB, VC Phòng KT&BDCL cũng như các thành viên phụ trách BDCL tại các đơn vị tham gia các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm KĐCL giáo dục [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Đến nay, nhiều CB, VC của Nhà trường có các chứng chỉ hoàn thành các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục, trong đó có 06 CB, VC có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Ngoài ra Nhà trường cử 01 CB tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Kiên Giang và 04 CB tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT Trường ĐH Kiến trúc TP HCM [H9.09.01.09].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2014-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm có các nội dung về hoạt động bảo đảm và KĐCL giáo dục của Trường cùng với các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&BDCL xây dựng kế hoạch hoạt động BDCL năm học, trình BGH Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị trực thuộc để phối hợp triển khai thực hiện [H1.01.01.13], [H9.09.01.06]. Trong KHCL, kế hoạch

năm học hằng năm về hoạt động BĐCL thể hiện chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác BĐCL [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Ngoài ra, trong KHCL, kế hoạch năm học hằng năm về hoạt động BĐCL có nội dung cụ thể về lộ trình thực hiện TĐG, ĐGN CSGD và CTĐT của Trường [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tổ chức và phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CC, VC, NV nói chung và đội ngũ làm công tác BĐCL nói riêng về bảo đảm và KĐCL giáo dục [H9.09.01.07].

Năm 2021, Trường ban hành nhiều chính sách ĐBCLGD như: Sổ tay ĐBCL, Quy định hoạt động BĐCL giáo dục, Hội đồng ĐBCL [H5.05.02.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Ngoài ra Nhà trường có các chính sách nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác kiểm định như cử đi học các lớp tập huấn, các lớp bồi dưỡng do Bộ GD&ĐT, Bộ VHTT&DL và các Trung tâm kiểm định tổ chức [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Bên cạnh đó nhà Trường cũng mời Trung tâm khảo thí ĐBCL Đại học quốc gia TP HCM bồi dưỡng, tập huấn công tác kiểm định [H9.09.02.01]. Trong nội dung các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường luôn yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCLGD của Trường nhằm thúc đẩy hoạt động BĐCL của Trường, đặc biệt là hoạt động TĐG, ĐGN CSGD và CTĐT [H1.01.01.14].

Trong Quy định hoạt động BĐCL giáo dục của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan đối với hoạt động BĐCL [H9.09.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong đó triển khai khảo sát đối với các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường [H1.01.04.01]. Năm 2021 Nhà trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai thực hiện [H1.01.04.02], [H1.01.01.04]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động BĐCL của Trường [H5.05.02.02].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Mô tả: Căn cứ KHCL của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và giai đoạn 2020-2025, Phòng KT&BĐCL tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường, Phòng KT&BĐCL tham mưu BGH Trường ký ban hành kế hoạch BĐCL của năm học [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong KHCL, kế hoạch năm học hằng năm về hoạt động BĐCL có đầy đủ các nội dung về hoạt động bảo đảm và KĐCL giáo dục, triển khai các hoạt động BĐCL bên trong và bên ngoài, tập trung cho công tác TĐG, ĐGN CSGD và CTĐT [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Nhà trường thông báo KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030, kế hoạch hoạt động BĐCL năm học đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.01.05], [H1.01.01.13].

Tại các cuộc họp giao ban đầu năm học và giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị, trong đó Phòng KT&BĐCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động BĐCL theo kế hoạch đã ban hành [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị triển khai các hoạt động BĐCL đến CC, VC, NV để thực hiện [H5.05.02.04]. Nhà trường thường xuyên cử VC Phòng KT&BĐCL cũng như các thành viên phụ trách BĐCL tại

các đơn vị tham gia các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục [H9.09.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức và phối hợp với các đơn vị tổ chức tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục cho đội ngũ VC, NV [H9.09.02.01]. Tất cả các thành viên hội đồng TĐG của Nhà trường tham dự các khóa tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục [H9.09.02.01].

Để chuẩn bị cho ĐGN CSGD vào năm 2022, căn cứ KHCL của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và giai đoạn 2020-2025, kế hoạch BĐCL giáo dục năm học hàng năm, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD chủ trì và triển khai các hoạt động BĐCL theo kế hoạch đã ban hành [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H9.09.01.06]. Đối với BĐCL về chiến lược, Nhà trường triển khai thực hiện cập nhật sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi Trường; xây dựng và ban hành triết lý giáo dục; điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; xây dựng chiến lược phát triển Trường; xây dựng các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính về nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, ĐT, NCKH và PVCĐ; xây dựng và ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H4.04.01.05]. Đối với BĐCL về hệ thống, Nhà trường thành lập Hội đồng BĐCL giáo dục, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng BĐCL giáo dục; xây dựng và ban hành KHCL BĐCL giai đoạn 2020-2025; ban hành Quy định về hoạt động BĐCL giáo dục; thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng trường; thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD, kế hoạch TĐG CSGD [H2.02.01.07], [H9.09.01.03], [H9.09.01.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan và gửi kết quả khảo sát đến các đơn vị trực thuộc để xây dựng các kế hoạch cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.04]. Nhà trường triển khai và hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 [H9.09.03.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động BĐCL giáo dục của Nhà trường được triển khai theo kế hoạch và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Trường và của Phòng KT&BĐCL [H2.02.02.04], [H1.01.03.03], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Mô tả: Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho các Phòng chức năng có trách nhiệm tham mưu Hiệu trưởng ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động được phân công quản lý [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Nhà trường ban hành Quy định công tác văn thư, lưu trữ và triển khai thực hiện [H9.09.04.01]. Các văn bản của Nhà trường sau khi Hiệu trưởng ký ban hành được lưu trữ tại Phòng HCTH và đơn vị soạn thảo văn bản, đồng thời Phòng KT&BĐCL lưu trữ toàn bộ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL có liên quan đến thông tin, minh chứng phục vụ cho công tác TĐG và KĐCL giáo dục [H4.04.01.06], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04], [H9.09.04.05] [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản của Nhà trường ban hành được gửi đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CC, VC, NV, SV, đồng thời đăng tải trên website của Trường [H4.04.01.06], [H1.01.02.06]. Ngoài ra, Phòng KT&BĐCL lưu trữ cơ sở dữ liệu về khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan hàng năm [H1.01.01.04].

Dữ liệu về nhân sự và tiền lương của Nhà trường được lưu trữ trên hệ thống phần mềm Quản lý Nhân sự và tiền lương (HRM) [H7.07.03.05], [H9.09.04.02]. Bên cạnh đó, dữ liệu CTĐT, kế hoạch giảng dạy, lịch thi, thông tin SV, kết quả học tập, rèn luyện, tốt

ng nghiệp của SV được lưu trữ trên hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo [H9.09.04.03]. Đặc biệt, toàn bộ văn bản đến, văn bản đi, văn bản nội bộ được ghi chép vào sổ công văn, lưu trong kho lưu trữ, đồng thời lưu trữ trên máy tính phần mềm word [H4.04.01.06]. Ngoài ra, dữ liệu về tài chính được lưu trữ trên phần mềm tài chính Misa [H7.07.03.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường thực hiện tốt công tác lưu trữ các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL và thể hiện trong báo cáo tổng kết của Trường, của Phòng KT&BĐCL [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Phòng KT&BĐCLGD là đơn vị được giao trách nhiệm chính để phối hợp với các đơn vị để rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Trên cơ sở đó, hàng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường bổ sung, cập nhật các văn bản về quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế giảng viên các quy định liên quan đến ĐT, NCKH và PVCĐ, quy trình thủ tục liên quan đến công tác cán bộ và công tác quản lý SV [H2.02.04.06], [H6.06.05.04], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H4.04.03.01], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được điều chỉnh, quy trình thực hiện TĐG, quy trình chuẩn bị ĐGN [H9.09.04.05], [H9.09.04.05]. Kết quả rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KT&BĐCLGD [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Tất cả chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL được Nhà trường gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CC, VC, NV, SV biết để thực hiện [H9.09.04.06]. Trong thông báo kết luận các cuộc họp giao ban của Nhà trường luôn yêu cầu các đơn vị phổ biến đến CC, VC, NV, SV biết để thực hiện các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL của Trường [H1.01.01.14]. Tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị triển khai các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL của Trường đến CC, VC, NV để thực hiện [H5.05.02.04]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, đầu năm học và trong các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT thông báo các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL của Trường đến SV [H1.01.03.04], [H1.01.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong giai đoạn 2020-2025 có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính nói chung [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, trong KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch BĐCL hàng năm của Nhà trường có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính của hoạt động BĐCL [H1.01.01.12], [H4.04.01.05]. Ngoài ra kế hoạch BĐCL của Nhà trường nêu rõ các mốc thời gian hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN CSGD cũng như CTĐT [H9.09.01.06]. Ngoài ra, trong KHCL, kế hoạch năm học hàng năm về hoạt động BĐCL thể hiện chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác BĐCL và tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CC, VC, NV nói chung và đội ngũ làm công tác BĐCL nói riêng [H4.04.01.05].

Nhà trường gửi KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch BĐCL hàng năm của Nhà trường đến các đơn vị để thực hiện [H4.04.01.05], [H9.09.01.06]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động BĐCL nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã xác định [H1.01.01.14]. Tại các cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến CC, VC, NV và yêu cầu thực hiện các hoạt động BĐCL theo KHCL, kế hoạch năm học hàng năm về hoạt động BĐCL của Nhà trường đã ban hành [H5.05.02.04]. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường luôn tiến hành đánh giá, giám sát, rà soát kết quả thực hiện hoạt động BĐCL so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được ban hành [H1.01.01.14]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng KT&BĐCL luôn đánh giá kết quả thực hiện công tác BĐCL so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong hoạt động BĐCL đã xác định [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 và đăng ký ĐGN trong năm 2022 [H9.09.03.01], [H9.09.05.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và BĐCL của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động của Trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Trong giai đoạn từ năm 2020 trở về trước, Phòng HCTH và các phòng chức năng lập kế hoạch hoạt động của Nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công trong Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường đã ban hành [H1.01.01.08]. Năm 2021, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, Phòng HCTH đề xuất dự thảo quy trình lập kế hoạch hoạt động, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, tiếp thu ý kiến góp ý để chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.01.08], [H1.01.01.12].

Trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường và của Phòng KT&BĐCL luôn có sự đối sánh giữa kết quả thực hiện so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác BĐCL đã được xác định trong kế hoạch năm học hàng năm [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường điều chỉnh, bổ sung các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác BĐCL và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác BĐCL được Nhà trường điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn cũng như xu thế phát triển [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong nội dung văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác BĐCL và xác định các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trong công tác BĐCL giai đoạn 2020-2025 phù hợp điều kiện và xu thế phát triển của Trường [H2.02.01.02].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường thành lập đơn vị chuyên trách về BĐCL giáo dục ngay từ năm 2007, đổi tên thành Phòng KT&BĐCL và bố trí nhân sự chuyên trách thực hiện hoạt động BĐCL giáo dục của Trường.

- Tất cả các nhân sự của Phòng KT&BĐCLGD của Nhà trường tham gia các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục và đến nay có 02 VC có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục và nhiều VC tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và CTĐT.

- Nhà trường ban hành hệ thống BĐCL bên trong, thành lập Hội đồng BĐCL, mạng lưới BĐCL bên trong của Trường.

- Nhà trường phối hợp tổ chức và cử VC là thành viên Hội đồng BĐCL, các nhân sự phụ trách hoạt động BĐCL của các đơn vị trực thuộc tham gia các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục.

- Hoạt động BĐCL của Nhà trường thể hiện rõ ràng trong KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch BĐCL năm học hàng năm với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác BĐCL giáo dục.

- Trong KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch BĐCL năm học hàng năm của Nhà trường có các nội dung cụ thể về hoạt động TĐG, ĐGN CSGD và CTĐT của Trường.

- Nhà trường ban hành Quy định hoạt động BĐCL giáo dục, trong đó có các chính sách ưu tiên về BĐCL và triển khai thực hiện như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CC, VC, tập huấn bồi dưỡng cho CC, VC về BĐCL, cấp kinh phí cho hoạt động BĐCL giáo dục.

- Trong Quy định hoạt động BĐCL giáo dục của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan đối với hoạt động BĐCL, trong đó, các bên liên quan bên trong của Trường có trách nhiệm tham gia tất cả các hoạt động BĐCL và các bên liên quan bên ngoài tham gia chủ yếu các hoạt động khảo sát, đóng góp ý kiến xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, tham gia các hoạt động NCKH và PVCĐ.

- Nhà trường ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động BĐCL của Trường.

- Hàng năm, các đơn vị của Nhà trường tích cực triển khai các hoạt động BĐCL giáo dục theo KHCL hoạt động BĐCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch BĐCL năm học hàng năm đã ban hành.

- Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động BĐCL giáo dục của Nhà trường được triển khai theo kế hoạch và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị CC, VC hàng năm của Trường và Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023.

- Nhà trường ban hành Quy định công tác văn thư, lưu trữ và triển khai lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL nhằm lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận.

- Nhà trường sử dụng các phần mềm để lưu trữ các văn bản quản lý, CSDL về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BĐCL nhằm lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận.

- Hàng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục BDCL và trên cơ sở đó ban hành các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL đã được điều chỉnh, cập nhật.

- Nhà trường phổ biến đến các bên liên quan trong CSGD về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cơ bản đạt được các chỉ số thực hiện chính, và các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác BDCL giáo dục.

- Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 và đăng ký ĐGN trong năm 2022.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhân sự thực hiện hoạt động BDCL ở các đơn vị trực thuộc chưa được đào tạo bài bản về bảo đảm và KĐCLGD.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tăng cường bồi dưỡng năng lực thực hiện hoạt động BDCL, bố trí nhân sự am hiểu về BDCL giáo dục ở các đơn vị trực thuộc.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 9

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	5
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	5

Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Mô tả: Trong giai đoạn 2020-2025 có các nội dung triển khai TĐG CSGD và chuẩn bị ĐGN CSGD [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Đồng thời nhà Trường cũng xây dựng KHCL hoạt động BDCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hằng năm về hoạt động BDCL [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Nhà trường xác định hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 vào năm 2022 và đăng ký ĐGN trong năm 2022 [H10.10.01.03]. Ngoài ra, Nhà trường xác định hoàn thành báo cáo TĐG 02 CTĐT giai đoạn 2020-2025 và đăng ký ĐGN [H1.01.01.12].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, Phòng KTĐBCLGD tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD [H10.10.01.02], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Trong kế hoạch TĐG CSGD, CTĐT của Nhà trường có các nội dung

công việc cần triển khai cụ thể với các mốc thời gian và phân công các đơn vị thực hiện [H10.10.01.02]. Các văn bản hướng dẫn TĐG của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT, kế hoạch TĐG CSGD, CTĐT và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD, CTĐT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường, của Phòng KTĐBCLGD [H1.01.02.06].

Để triển khai công tác TĐG CSGD, Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký giúp việc, các nhóm chuyên trách phục vụ TĐG [H10.10.01.01]. Phòng KTĐBCLGD là đơn vị thường trực của công tác TĐG và là thành viên chủ chốt của Ban thư ký [H10.10.01.01]. Hội đồng TĐG phân công 07 nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD, trong đó nhóm 1 phụ trách các tiêu chuẩn 01, 02, 03, 04, 06, 07, 25; nhóm 2 phụ trách các tiêu chuẩn 05, 08, 13, 18, 20, 22; nhóm 3 phụ trách các tiêu chuẩn 11; nhóm 4 phụ trách các tiêu chuẩn 9, 10, 12, 16; nhóm 5 phụ trách các tiêu chuẩn 19, 23; nhóm 6 phụ trách các tiêu chuẩn 17, 21, 24; nhóm 7 phụ trách các tiêu chuẩn 14, 15 [H10.10.01.01]. Nhiều GV của Nhà trường có các chứng chỉ hoàn thành các khóa ĐT, BD, tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục, trong đó có 05 GV có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 01 VC tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Kiên Giang và 04 VC tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT Trường ĐH Kiến Trúc TPHCM [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Tất cả các thành viên hội đồng TĐG của Nhà trường tham dự các khóa tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục [H10.10.01.06], .

Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị tập trung triển khai công tác TĐG CSGD [H1.01.01.14]. Hội đồng TĐG của Nhà trường, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách thường xuyên họp để đánh giá, kiểm tra tiến độ thực hiện và kịp thời có các biện pháp nhằm đảm bảo công tác TĐG thực hiện theo đúng kế hoạch [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 và đăng ký đánh giá ngoài với Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT trong quý 2 năm 2022 [H10.10.01.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Mô tả: Năm 2021, Nhà trường ban hành kế hoạch TĐG CSGD theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.04]. Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký giúp việc, các nhóm chuyên trách phục vụ TĐG [H10.10.01.01]. Hội đồng TĐG phân công 07 nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD [H10.10.01.01]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD giai đoạn 2019-2023 và đăng ký đánh giá ngoài với Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT trong năm 2022 [H10.10.01.03], [H10.10.01.12]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN 02 CTĐT của Trường trong năm 2022 [H10.10.02.01].

Để triển khai công tác TĐG đạt hiệu quả, Nhà trường cử CB, GV tham gia các khóa tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục, tham gia khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục, tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Kiên Giang và CTĐT Trường ĐH Kiến Trúc TP HCM [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Trong đó có 05 VC có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 01 VC tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Kiên Giang và 04 VC tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT

Trường ĐH Kiến Trúc TP HCM [H10.10.01.09]. Tất cả thành viên của Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách của Nhà trường đã được tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục [H10.10.01.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Mô tả: Trong quá trình thực hiện công tác TĐG CSGD, Hội đồng TĐG Nhà trường họp để đánh giá tiến độ và nội dung thực hiện công tác TĐG và trên cơ sở đó đề xuất áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ, nội dung và hiệu quả công tác TĐG [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Các nhóm chuyên trách báo cáo kết quả thu thập, phân tích, đánh giá minh chứng để từ đó xác định điểm mạnh, tồn tại của từng lĩnh vực của Nhà trường so với yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.11]. Hội đồng TĐG Nhà trường họp để thông qua dự thảo báo cáo TĐG cũng như báo cáo TĐG CSGD, trong đó xem xét, đánh giá để từ đó đi đến thống nhất về các điểm mạnh, tồn tại của Nhà trường đối với tiêu chuẩn, tiêu chí và thể hiện trong báo cáo TĐG [H10.10.01.10]. Báo cáo TĐG CSGD Nhà trường giai đoạn 2019-2023 thể hiện rõ các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động được xác định, phân tích cụ thể với các minh chứng kèm theo [H10.10.01.03].

Tại cuộc họp của Hội đồng TĐG, dựa trên việc xác định các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động của Trường, Hội đồng TĐG thông qua các biện pháp cụ thể do các nhóm chuyên trách đề xuất để tiếp tục tăng cường, duy trì điểm mạnh và đặc biệt quan trọng là phải khắc phục toàn bộ các tồn tại so với yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí [H10.10.01.03]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thông báo kết luận cuộc họp của Hội đồng TĐG, trong đó có các kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường và phân công cho các đơn vị thực hiện cũng như thời gian hoàn thành để giám sát, đánh giá việc thực hiện khắc phục các tồn tại [H10.10.01.03]. Các kế hoạch hành động đối với các tiêu chuẩn được thể hiện rõ trong báo cáo TĐG, biện pháp cụ thể để khắc phục tồn tại [H10.10.01.03].

Các đơn vị trực thuộc Trường triển khai kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại của Nhà trường được xác định thông qua quá trình TĐG [H10.10.03.01]. Trên cơ sở đó, tại phiên họp kế tiếp của Hội đồng TĐG xem xét, rà soát kết quả cải tiến chất lượng các hoạt động do các đơn vị thực hiện với các minh chứng cụ thể [H10.10.03.02]. Nội dung đánh giá kết quả cải tiến chất lượng và các biện pháp tiếp theo được thể hiện trong kết luận các cuộc họp của Hội đồng TĐG [H10.10.03.02]. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động cải tiến chất lượng ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về chức năng, kết quả hoạt động [H10.10.03.02]. Đặc biệt, công tác lưu trữ minh chứng của Nhà trường được chú trọng và triển khai có hệ thống so với thời điểm bắt đầu thực hiện công tác TĐG [H10.10.03.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Hiện nay, , Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD tiến hành rà soát, đề xuất quy trình TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Bên cạnh đó, Phòng KTĐBCLGD rà soát kế hoạch TĐG CSGD để đề xuất kế hoạch TĐG của Nhà trường cho phù hợp với công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GDĐT [H10.10.01.02].

Căn cứ công văn số 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn TĐG chất lượng giáo dục cơ sở đại học, Phòng KTĐBCLGD đề xuất quy định quy trình TĐG để triển khai Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H10.10.04.01]. Trong quy trình TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Nhà trường ban hành có lưu ý việc gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL, Bộ GD &ĐT trước khi tiến hành thẩm định báo cáo TĐG bởi tổ chức KĐCL giáo dục [H10.10.01.12].

Trong năm 2022, BGH Nhà trường đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD xây dựng kế hoạch tự đánh giá [H10.10.01.03]. Ngoài ra còn tư vấn thành lập Hội đồng TĐG, các nhóm chuyên trách, nhóm thư ký để tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn và hoàn thành bản báo cáo tự đánh giá, bảng danh mục minh chứng [H10.10.01.01], [H10.10.01.03], [H10.10.04.02]. Đồng thời đề xuất quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, [H10.10.01.04].

Căn cứ công văn số 767/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học, Phòng KTĐBCLGD đề xuất quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.04.03]. Nhà trường thông báo quy trình TĐG CSGD và quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT đến Ban Thư ký TĐG, các nhóm chuyên trách và các đơn vị để triển khai thực hiện [H9.09.04.06].

Tại các cuộc họp của các nhóm chuyên trách và cuộc họp của Hội đồng TĐG, Phòng KTĐBCLGD báo cáo, chia sẻ các thực hành tốt trong quá trình thực hiện công tác TĐG để các nhóm chuyên trách rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả công tác TĐG [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, các VC được cử tham gia quan sát viên ĐGN CSGD Trường ĐH Kiên Giang và ĐGN CTĐT Trường ĐH Kiến Trúc TP HCM báo cáo kinh nghiệm để các đơn vị, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách học tập trong quá trình triển khai công tác TĐG và chuẩn ĐGN CSGD [H10.10.01.11]. Nhà trường hoàn thành báo cáo TĐG CSGD và trong quá trình thực hiện báo cáo TĐG đồng thời áp dụng các biện pháp khắc phục các tồn tại được phát hiện để đạt các yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí [H10.10.01.03], [H10.10.03.02].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Năm 2012, Nhà trường đã thực hiện công tác TĐG CSGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT và đến năm 2021, Nhà trường triển khai TĐG CSGD theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT.

- Nhà trường xây dựng và áp dụng quy trình TĐG CSGD, quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD và quy trình TĐG CTĐT, quy trình chuẩn bị ĐGN CSGD.

- Tất cả các thành viên tham gia Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đều tham gia tập huấn về bảo đảm và KĐCL giáo dục. Đến nay, 06 GV của Nhà trường đã hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, ... VC tham gia quan sát viên ĐGN CSGD và ... GV tham gia quan sát viên ĐGN CTĐT.

- Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CSGD, kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD, kế hoạch TĐG CTĐT và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CTĐT.

- Nhà trường thông báo kế hoạch TĐG CSGD và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD, kế hoạch TĐG CTĐT và kế hoạch chuẩn bị ĐGN CTĐT đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài, đồng thời đăng tải trên website của Trường.

- Nhà trường triển khai kế hoạch TĐG CSGD và hoàn thành báo cáo TĐG CSGD tháng 12/2021 và triển khai kế hoạch chuẩn bị ĐGN CSGD, đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCL giáo dục – Đại học Đà Nẵng trong quý 1 năm 2022.

- Nhà trường triển khai kế hoạch TĐG CSGD và chuẩn bị công tác ĐGN theo đúng quy định của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.

- Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký và Hội đồng TĐG thường xuyên họp để xác định điểm mạnh, tồn tại đối với các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ so với yêu cầu của các tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai khắc phục các tồn tại được phát hiện qua quá trình TĐG CSGD đối với lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Các Khoa của Trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm chia sẻ các kinh nghiệm, các thực hành tốt trong công tác phát triển CTĐT, rà soát đề cương môn học, đổi mới PPDH và KTĐG, đẩy mạnh hoạt động NCKH và PVCĐ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí...

- Thông qua công tác TĐG CSGD, Nhà trường thực hiện kế hoạch hành động và cải tiến chất lượng hoạt động của Trường trong ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về chức năng, kết quả hoạt động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do tập trung công tác TĐG và chuẩn bị ĐGN CSGD nên công tác TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng kế hoạch.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tập trung triển khai kế hoạch TĐG và chuẩn bị ĐGN CTĐT để đến cuối năm 2022, hoàn thành báo cáo TĐG và ĐGN 02 CTĐT.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	5
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Đảm bảo chất lượng bên trong nhà Trường là một việc làm rất quan trọng và cần thiết. Do vậy, nhà Trường đã chủ động xây dựng kế hoạch thông tin ĐBCL bên trong nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống ĐBCL [H9.09.01.06], [H11.11.01.01]. Các văn bản pháp quy và các văn bản quản lý được Nhà Trường phổ biến rộng rãi trong toàn trường qua các kênh thông tin: Các cuộc họp giao ban; Hệ thống văn bản hành chính; Website của Nhà Trường; Hệ thống hộp thư điện tử của các đơn vị; Hệ thống email cá nhân, Zalo [H1.01.02.06], [H2.02.01.25].

Nhà Trường có phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong tại Quy định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và vị trí việc làm của Trung tâm TTTV, Phân công nhiệm vụ viên chức của P.KTĐBCLGD [H2.02.03.03], [H9.09.01.02], [H11.11.01.02]. Bên cạnh đó, nhà Trường còn xây dựng sổ tay ĐBCL và thành lập Hội đồng ĐBCL [H5.05.02.02], [H2.02.01.07], [H11.11.01.03]. Theo đó quy trình làm việc của các đơn vị chức năng trong trường được thể hiện trong sổ tay ĐBCL của nhà [H5.05.02.02]. Để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà Trường thiết lập hệ thống các văn bản về đào tạo, NCKH, quản lý SV; xây dựng các quy trình, quy định rõ ràng nhằm hướng dẫn và quản lý người học, thông tin các chủ trương chính sách đến người học, hướng dẫn người học thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian học tập tại trường [H5.05.02.02]. Về công tác giảng dạy, Nhà Trường có quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế chi tiêu nội bộ... [H5.05.02.02]. Về NCKH, Nhà Trường cũng đã xây dựng các quy trình, quy định, biểu mẫu rõ ràng nhằm phát huy kết quả NCKH, phân bổ nguồn kinh phí dành cho NCKH hợp lý, quy định rõ ràng về các quyền lợi và nghĩa vụ của GV và SV khi tham gia NCKH nhằm giúp thúc đẩy hoạt động NCKH của trường [H5.05.02.02]. Các

hoạt động PVCĐ chủ yếu được chuyển tải đến các đối tượng là SV và được Đoàn thanh niên, Phòng CTHSSV phối hợp với Liên chi đoàn các khoa thực hiện qua hệ thống văn bản của Trường [H5.05.02.02]. Bộ phận Văn thư thuộc P.HCTH là đơn vị tiếp nhận thông tin, xử lý và chuyển thông tin đến các bên liên quan trong và ngoài Trường [H2.02.03.03]. Tại các đơn vị, có hệ thống quản lý văn bản đi đến của đơn vị [H1.01.02.06], [H2.02.01.25]. Hàng năm, Phòng CTHSSV và các đơn vị đào tạo tổ chức các loại khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan: Khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát ý kiến SV về chất lượng đào tạo; Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp; Khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT và CĐR [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan này được các đơn vị triển khai thu thập dữ liệu, xử lý, viết báo cáo và chuyển đến các bên liên quan trong Trường thông qua các báo cáo tổng hợp [H1.01.01.04].

Ứng dụng CNTT góp phần rất lớn trong việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà Trường. Nhà Trường đã xây dựng các phương án ứng dụng CNTT để hỗ trợ thu thập, xử lý, lập báo cáo và ra quyết định trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.01.04]. Nhà Trường có hệ thống mạng hiện đại, hạ tầng mạng wifi hiện nay phủ khắp khuôn viên trường. Trang thông tin điện tử của Nhà Trường hoạt động online 24/7, luôn cập nhật thông tin về hoạt động trong Trường, TTTTTV chịu trách nhiệm vận hành kỹ thuật của Trang thông tin điện tử. Hệ thống thông tin của Nhà Trường hiện nay gồm các phân hệ sau: quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý tài chính, quản lý thư viện, ... cổng thông tin điện tử, fanpage của các đơn vị. Tất cả các phân hệ phần mềm trên đều được lập tài liệu mô phỏng chức năng và hướng dẫn sử dụng chi tiết [H11.11.01.05]. Để triển khai phương án này, Nhà Trường giao cho TTTTTV, thực nghiệm, thực hành có trách nhiệm: Hỗ trợ việc quản lý CNTT tại các đơn vị trong Trường; tham mưu về ứng dụng CNTT trong quản lý và đào tạo; giúp quản lý và điều hành các lĩnh vực thuộc CNTT trong Nhà Trường [H11.11.01.06].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hướng đến đạt được mục tiêu, sứ mạng Nhà Trường đã đặt ra, việc ứng dụng CNTT đã được quan tâm và được thực hiện trong hầu hết các hoạt động của Trường và được định hướng kết nối với các đơn vị [H1.01.02.06], [H10.10.01.10], [H2.02.01.25]. Hiện tại hệ thống các ứng dụng CNTT được triển khai và thực hiện tại Trường như sau: Cổng thông tin điện tử Nhà Trường <http://ush.edu.vn/>: cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan về: chiến lược phát triển của Nhà Trường trong từng giai đoạn; cơ cấu tổ chức và nhân lực; cơ sở vật chất; công khai chất lượng; tin tức; thông tin đào tạo; thông tin tuyển sinh các bậc đào tạo, hệ đào tạo; thông tin sinh viên; các quy chế, quy định; hợp tác đào tạo quốc tế... [H1.01.02.06]. Trong lĩnh vực đào tạo và tài chính: Thông qua cổng thông tin sinh viên: sinhvien.ush.edu.vn, người học có thể tiếp nhận các thông tin của Nhà Trường và đồng thời dễ dàng theo dõi các thông tin liên quan cụ thể đến mỗi sinh viên như: tình trạng đóng học phí, theo dõi kết quả học tập từ khi vào trường đến khi kết thúc khóa học... [H1.01.02.06], [H11.11.02.01]. Phần mềm Kế toán MISA được sử dụng để thu học phí và các khoản lệ phí liên quan đến người học [H7.07.03.05]. Phần mềm thi trắc nghiệm phục vụ cho các môn thi trắc nghiệm của Nhà Trường, giảng viên không phải chấm và người học biết kết quả ngay sau khi kết thúc bài thi [H11.11.02.02]. Phần mềm quản lý thư viện giúp quản lý các đầu sách giấy hiện có tại Nhà Trường dễ dàng tìm kiếm và trích xuất khi cần [H11.11.02.03]. Bên cạnh đó, Nhà Trường đã xây dựng hệ thống email nội bộ cho toàn thể các cán bộ, giảng viên trong trường với tên miền@ush.edu.vn [H11.11.02.04].

Các dữ liệu về các hệ thống ĐBCL bên trong đều được Nhà Trường xử lý, phân tích theo từng lĩnh vực cụ thể và đã tăng cường ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp [H1.01.01.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.05]. Để đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu trong hoạt động Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi, Nhà Trường tăng cường ứng dụng CNTT vào các khâu: tổ chức khảo sát, xử lý và phân tích dữ liệu, lập báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến các bên liên quan [H11.11.02.05], [H1.01.01.04]. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, Ban Giám hiệu trường và trưởng các khoa nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR [H1.01.01.08], [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H4.04.03.01], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11], [H5.05.01.12].

Hệ thống ĐBCL bên trong được lưu trữ rất đầy đủ, đa dạng và có hệ thống thông qua các phần mềm quản lý và được trích xuất dễ dàng, thuận lợi khi cần [H1.01.02.06], [H7.07.03.05]. Nhà Trường trích xuất sử dụng các thông tin ĐBCL bên trong để thực hiện các báo cáo Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL và Báo cáo 3 công khai của Trường [H2.02.02.04], [H5.05.01.13]. Tất cả các thông tin về ĐBCL bên trong Nhà Trường đều được ban hành và tổ chức lưu trữ theo đúng các quy định hành chính của Nhà nước, phù hợp, chính xác [H7.07.03.05], [H11.11.02.03], [H2.02.04.07]. Toàn bộ hồ sơ về điểm của người học được lưu 5 năm tại các khoa, bộ môn và Phòng đào tạo [H11.11.02.07]. Bài thi học phần được lưu trong vòng 4 năm tại P.KTĐBCLGD [H11.11.02.08]. Hồ sơ văn bằng sinh viên, thực tập, tốt nghiệp được lập sổ ký nhận, lưu trữ tại bộ phận Đào tạo thuộc P.ĐTQLKHHTQT [H11.11.02.09], [H11.11.02.10].

Để đảm bảo sự thống nhất, an toàn và bảo mật dữ liệu, Nhà Trường có các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong thông qua các quy định sử dụng phần mềm, phân quyền admin, phân cấp quản lý và sử dụng password, sử dụng các phần mềm bảo vệ như: BKAIV, Firewall tích hợp trong window [H11.11.02.11], [H11.11.02.12], [H11.11.02.13]. Ngoài ra, Nhà Trường còn xây dựng hệ thống thông tin dự phòng đáng tin cậy và hiệu quả, để tránh mất mát dữ liệu thông tin, tất cả các đơn vị trong Trường đều phải có cơ chế sao lưu dữ liệu, mỗi đơn vị đều trang bị ít nhất một ổ cứng rời với dung lượng lớn, cập nhật, lưu giữ thông tin để đảm bảo thông tin dữ liệu luôn sẵn sàng để sử dụng [H11.11.02.14]. Các thông tin nội bộ đăng trên website, Nhà Trường cấp tài khoản cho Trưởng đơn vị đăng nhập bổ sung thông tin của đơn vị để đảm bảo thông tin đưa lên website liên tục và cập nhật [H11.11.02.12]. Đối với CBVC, Nhà Trường cung cấp tài khoản để tra cứu các thông tin như văn bản nội bộ, công thông tin...[H11.11.02.13].

Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin luôn là những yêu cầu đặt ra đối với các nhà cung cấp phần mềm, viên chức quản trị (admin) để từ đó thiết lập, phân quyền sử dụng hợp lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ của viên chức, người lao động được quyền truy cập, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu [H11.11.02.12], [H11.11.02.13]. Có nhiều giải pháp, chính sách bảo mật và an toàn thông tin được áp dụng và triển khai tại trường, mặc dù chưa có hệ thống đồng bộ, thống nhất, mỗi chương trình, mỗi hệ thống phần mềm đều có các giải pháp riêng, có các giải pháp thông dụng [H11.11.02.12], [H11.11.02.13], [H11.11.02.15].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Tất cả các hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà Trường được tiến hành rà soát và kiểm tra định kỳ hàng năm dựa trên các kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống thông tin, dữ liệu thông tin hằng năm để đảm bảo thông tin có sự thống nhất, an toàn, bảo mật và sẵn sàng cung cấp kịp thời cho các bên liên quan [H9.09.01.03], [H11.11.03.01]. Việc kiểm soát, kiểm kê, lưu trữ hằng năm theo quy chế công tác văn thư lưu trữ [H9.09.04.01]. Trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, bảo mật và an toàn dữ liệu thông tin và rà soát hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của đơn vị mình [H11.11.03.02]. Ngoài ra, Trường có đơn vị chức năng chịu trách nhiệm trong việc rà soát, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra vận hành hạ tầng CNTT cơ sở hạ tầng CNTT trong Trường [H2.02.03.03], [H11.11.03.02].

Nhà Trường theo định kỳ hằng năm hoặc tùy theo từng điều kiện riêng của từng đơn vị để rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất các thông tin về ĐBCL và làm căn cứ để tính toán, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, hoạt động tuyển sinh của Trường, công tác rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được phân công nhiệm vụ rõ ràng [H11.11.03.03], [H11.11.03.04]. Thông tin ĐBCL của Trường phục vụ công tác tuyển sinh được tổng hợp do một đầu mối với các thông tin chung về số lượng, chất lượng CBVC, thông tin về cơ sở vật chất, số lượng các ngành tuyển sinh, số lượng chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm... đây là những thông tin cốt lõi được điều chỉnh, bổ sung và thống nhất đăng trên website của Trường [H2.02.02.04]. Website của nhà Trường được bảo trì, nâng cấp đáp ứng yêu cầu quản lý [H11.11.03.05], [H11.11.03.06].

Hằng năm, quá trình rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL, Nhà Trường đã lấy ý kiến phản hồi của các Phòng, Khoa chuyên môn, Viện, Trung tâm để bổ sung, điều chỉnh. [H1.01.01.04]. Ngoài ra trong quá trình bổ sung, cập nhật các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà Trường đã triển khai lấy ý kiến sinh viên về mọi mặt như: chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, công tác phục vụ, công tác thư viện... [H1.01.01.04]. Trước khi ban hành quy định về quản lý các lĩnh vực chuyên môn, nhà

Trường luôn gửi dự thảo thông qua hộp thư nội bộ để lấy ý kiến của toàn thể CBVC, giảng viên trong trường [H11.11.03.07].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong Nhà Trường luôn được rà soát và cải tiến nhằm hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của Nhà Trường và trong công tác đào tạo, NCKH và PVCD [H11.11.04.01]. Nhà Trường tiến hành rà soát các quy trình, các thủ tục nội bộ, các biểu mẫu đính kèm cho phù hợp với thực tế công tác quản lý và của các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm trong Trường. Tài liệu mới thay đổi, được ban hành và cập nhật kịp thời trên website; tài liệu hết hiệu lực được thu hồi [H11.11.04.02]. Hệ thống thông tin cũng đã có nhiều cải tiến như: Nâng cấp Website Nhà Trường [H11.11.03.06].

Hàng năm nhà Trường tổ chức các đoàn đánh giá nội bộ các đơn vị, nhằm rà soát những điểm mạnh, điểm tồn tại để các đơn vị cải tiến, khắc phục [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05]. Dựa trên các kết quả đánh giá, Đoàn đánh giá có những tư vấn, đề xuất tới đơn vị để điều chỉnh cải tiến, tư vấn tới BGH những nội dung liên quan đến cấp trường để cải tiến tổng thể đáp ứng được yêu cầu của đơn vị được đánh giá [H11.11.04.05]. Bên cạnh đó, các chính sách về NCKH được điều chỉnh, cập nhật sau khi được rà soát [H5.05.01.09]. Chính sách, chế độ giảng dạy của giảng viên nhà Trường được góp ý, rà soát thông qua hội nghị CBVC hàng năm của nhà Trường [H11.11.04.06], [H3.03.04.01], [H5.05.01.07]. Một số chế độ, chính sách đảm bảo chất lượng được bổ sung, hiệu chỉnh thông qua góp ý của hội nghị CBVC như: Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H2.02.04.06].

Nhà Trường tiến hành Khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, các đơn vị phụ trách công tác này xử lý số liệu, phân tích và tổng hợp báo cáo [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Dựa trên các kết quả khảo sát ý kiến phản hồi, hàng loạt các phần mềm được cải tiến nâng cấp theo hướng hỗ trợ tích cực người dùng và quản lý thông tin hiệu quả: Phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý tài chính, phần mềm quản lý thư viện... thu lại nhiều lợi ích thiết thực như tiết kiệm chi phí, thời gian, thông

tin chính xác, cập nhật thông tin nhanh nhất và được GV, SV đánh giá cao đã hỗ trợ tích cực cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H2.02.04.07], [H7.07.03.05], [H11.11.02.03], [H9.09.04.03], [H11.11.03.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động Đào tạo, NCKH, PVCĐ của Nhà Trường được đề xuất, triển khai thực hiện, báo cáo dựa trên dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H2.02.02.04], [H1.01.03.03].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà Trường đã có hệ thống các văn bản phân công trách nhiệm cho các bộ phận đầu mối, các bộ phận hỗ trợ giúp cho BGH xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL nội bộ của Trường.
- Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong nhà Trường đã được áp dụng theo bộ quy trình ISO 9001:2008.
- Hàng năm, Nhà Trường tổ chức các đoàn đánh giá nội bộ tới tất cả các đơn vị trong trường nhằm rà soát những điểm mạnh, điểm tồn tại để cải tiến chất lượng các đơn vị.
- Trường đã tổ chức có hệ thống các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan. Việc tổ chức khảo sát và sử dụng có hiệu quả các kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng trường đã đi vào nề nếp và tạo thành văn hóa chất lượng trong trường.
- Các hệ thống thông tin phát triển mạnh đã hỗ trợ Trường hiện đại hóa công tác quản lý về mọi mặt.
- Hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của Trường luôn được rà soát, cải tiến về số lượng, chất lượng, sự thống nhất, mỗi lĩnh vực chuyên môn của Trường đều có đơn vị phụ trách, có trách nhiệm lưu trữ bảo mật và an toàn.
- Nhà Trường đầu tư và triển khai các cách thức nhằm nâng cao chất lượng, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.
- Các thông tin ĐBCL nội bộ của Trường được lưu giữ, bảo quản tốt bao gồm cả kết quả phân tích, đánh giá, khảo sát được nhiều đơn vị sử dụng để điều chỉnh các hoạt động đào tạo, phục vụ các hoạt động NCKH và PVCĐ.
- Nhà Trường luôn không ngừng cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong để nâng cao chất lượng về mọi mặt, đưa trường trở thành Trường ĐH đạt chuẩn quốc gia và khu vực

về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực TĐTT.

- Trường có bộ phận chuyên trách hỗ trợ phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm quản lý, sửa chữa phần mềm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hệ thống phần mềm của Nhà Trường chưa được tích hợp trên một hệ thống thông tin tổng thể thống nhất.

3. Kế hoạch cải tiến:

Từ năm học 2020 – 2021, Nhà Trường tiến hành việc phân tích đầy đủ cơ sở dữ liệu về hệ thống ĐBCL bên trong đối với từng lĩnh vực hoạt động, nhằm xác định vấn đề cần cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo. Xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp trên một hệ thống thông tin tổng thể thống nhất, nhằm nâng cao hệ thống ĐBCL bên trong.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 11

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung và biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động nói chung và chủ yếu tập trung nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.01.12]. Trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường có nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và trên cơ sở đó BGH Nhà Trường phân công nhiệm vụ cho các Phòng chức năng tập trung nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể luôn có các nội dung cụ thể nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ, góp phần nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của toàn trường [H1.01.01.13]. Tại các cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai nâng cao chất lượng hoạt động nói chung

và chủ yếu tập trung nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14]. Tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đề CB, GV, NV tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ [H5.05.02.04]. Nhà trường thông báo kế hoạch năm học, trong đó có kế hoạch nâng cao chất lượng đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đề CB, GV, NV biết để thực hiện [H1.01.01.12]. Kế hoạch năm học của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06].

Trong kế hoạch năm học của Nhà Trường luôn có các nội dung cần thực hiện nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ với các mốc thời gian cụ thể, liên tục [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà Trường luôn xác định các chỉ tiêu phấn đấu đối với các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ và thể hiện trong KHCL [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai TĐG CSGD, Nhà trường triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCĐ đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD [H9.09.03.01]. Tại cuộc họp giao ban đầu năm học giữa BGH Nhà Trường với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà Trường phổ biến, triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng đến lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trong đó lưu ý nội dung, tiến độ, kết quả nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H1.01.01.14]. Các đơn vị trực thuộc chủ động triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng theo kế hoạch đã phê duyệt và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Nhà trường, các đơn vị và CB, GV được nhận các hình thức khen thưởng vì đã có thành tích trong hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H1.01.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Mô tả: Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD là đơn vị tham mưu ban hành quy định về so chuẩn và đối sánh của Trường [H2.02.03.03], [H12.12.01.01]. Phòng KTĐBCLGD tham khảo quy định so chuẩn đối sánh với các Trường ĐHTDTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng) để soạn thảo quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về so chuẩn, đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường [H12.12.01.02]. Năm 2021, Nhà trường ban hành và thông báo quy định về so chuẩn, đối sánh đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.04.06]. Trong văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà trường ban hành có nêu rõ tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02].

Trong văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành đồng thời nêu rõ tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.02]. Đối với hoạt động ĐT, Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02]. Đối với hoạt động NCKH, Viện NCKH&CNTT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02]. Đối với hoạt động PVCĐ, Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV và các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh [H12.12.02.02]. Bên cạnh việc so chuẩn, đối sánh với các trường đại học trong nước được xác định, Nhà trường so chuẩn, đối sánh với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD và CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành [H12.12.02.02]. Hoạt động đối sánh đồng thời được thực hiện giữa CTĐT của Nhà trường so với CTĐT tương đương của các trường ĐH uy tín trong nước và nước ngoài [H12.12.02.03].

Trong quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành có hướng dẫn cụ thể sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng đối với từng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.02]. Theo đó, trường ĐH được lựa chọn để Nhà trường đối sánh chất lượng là trường ĐH đã được KĐCL giáo dục và các CTĐT cùng ngành của các trường ĐH uy tín trong nước và các Trường nước ngoài [H12.12.02.03]. Ngoài ra, BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị và xác định đối sánh với Trường ĐHTDTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng). Các Khoa chuyên môn đối sánh CTĐT với các CTĐT của các trường ĐH trong nước: ĐHTDTT Bắc Ninh và ĐHTDTT Đà Nẵng, ĐH TDTT Thượng Hải, ĐH TDTT Buphara Thái Lan [H12.12.02.03]. [H12.12.02.04].

Tự đánh giá: 5 /7

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Mô tả: Căn cứ văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh đã ban hành, Nhà Trường yêu cầu các Phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành so chuẩn, đối sánh trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.01]. Bên cạnh đó, BGH Nhà Trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị và thống nhất lựa chọn trường đại học để Trường đối sánh là Trường ĐHTDTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng) và ĐH TDTT Thượng Hải, ĐH TDTT Buphara Thái Lan [H12.12.02.03]. Trên cơ sở đó, các Phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tiến hành so chuẩn, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.02.01]. Ngoài ra, Phòng KTĐBCLGD tổng hợp kết quả đối sánh thực trạng của Trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT để từ đó áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí [H9.09.03.01].

Các Phòng chức năng phối hợp với các khoa chuyên môn tiến hành đối sánh thực trạng của Nhà Trường về các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ với các Trường được chọn đối sánh [H12.12.02.03], [H12.12.02.04]. Kết quả đối sánh được báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị trực thuộc để xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H12.12.02.04]. Bên cạnh đó, kết quả đối sánh CTĐT với CTĐT cùng chuyên ngành của các trường đại học quốc tế và trong nước có uy tín là cơ sở để các khoa điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H12.12.03.01]. Ngoài ra, kết quả đối sánh thực trạng của Nhà Trường với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành là cơ sở để BGH Trường triển khai cải tiến chất lượng hoạt động nhằm thực hiện KĐCL giáo dục CSGD và CTĐT [H12.12.02.01], [H9.09.03.01].

Đảng ủy, BGH Nhà Trường luôn khuyến khích CB, GV, NV và SV thực hiện đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H12.12.03.02]. Kết quả đối sánh thực trạng NCKH của Trường so với ĐHTDTT Bắc Ninh (Đà Nẵng) cũng như so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD là cơ sở để Nhà Trường ban hành các chính sách động viên, khuyến CB, GV, SV tăng cường NCKH, trong đó chú trọng tính mới, tính sáng tạo của các công trình nghiên cứu [H12.12.03.03]. GV, SV Nhà trường đã thực hiện nhiều công trình NCKH thể hiện rõ về đổi mới, sáng tạo [H12.12.03.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường và GV, SV đã đạt được nhiều giải thưởng tại các hội thi về đổi mới, sáng tạo các cấp [H12.12.03.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Mô tả: Năm 2021, BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD xây dựng quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành [H12.12.02.01]. Trong nội dung văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành có hướng dẫn cụ thể các bước cần thực hiện để lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H12.12.02.02]. Trên cơ sở đó, Phòng KTĐBCLGD thực hiện xây dựng quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H12.12.02.02]. Phòng KTĐBCLGD họp với các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn và trung tâm trực thuộc để xem xét, rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng trong quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà Trường [H12.12.02.01].

Trong quá trình xác định thang đo chuẩn để so chuẩn và đối sánh, Nhà Trường đã tham khảo văn bản về so chuẩn của ĐHTDTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng) [H12.12.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà Trường nghiên cứu, tham khảo các tiêu chí xếp hạng của QS để thực hiện so chuẩn, đối sánh [H12.12.04.02]. Ngoài ra, Nhà Trường tham khảo và sử dụng các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD cũng như tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để lựa chọn, xác định thang đo chuẩn [H12.12.04.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Căn cứ báo cáo rà soát quy định về so chuẩn, đối sánh do Nhà Trường ban hành, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng do Phòng KTĐBCLGD tổng hợp [H12.12.02.02]. Thông qua nội dung thống nhất tại cuộc họp giữa Phòng KTĐBCLGD với các đơn vị trực thuộc để xem xét, rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng trong quy định về so chuẩn, đối sánh của Nhà trường [H12.12.02.01]. Trong năm 2021, Nhà trường ban hành quy định về so chuẩn, đối sánh, vào cuối năm 2021 có điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H12.12.02.02]. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Nhà Trường được điều chỉnh trong đó tập trung ở khâu lựa chọn trường ĐH để đối sánh là trường ĐH thuộc Bộ VH-TT-DL và đã được KĐCLGD [H12.12.02.03]. Nhà trường thông báo quy định về so chuẩn, đối sánh, trong đó có điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng đến các đơn vị để thực hiện [H9.09.04.06], [H1.01.02.06].

Căn cứ kết quả so chuẩn với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, kết quả đối sánh về hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ với Trường ĐHTDTT (Bắc Ninh, Đà Nẵng), Nhà Trường yêu cầu các Phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa, các tổ chức đoàn thể để thực hiện cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H12.12.04.03], [H2.02.03.03]. Theo đó, Phòng ĐTQLKHHTQTNCKH&HTQT chủ trì và phối hợp với các khoa thực hiện điều chỉnh,

cải tiến CTĐT dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh về CTĐT [H12.12.02.04]. Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV và các khoa để tăng cường các hoạt động về PVCD [H2.02.02.06]. Ngoài ra, kết quả đối sánh của Nhà trường đồng thời được gửi đến các khoa để thực hiện cải tiến các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, góp phần nâng cao chất lượng của Trường [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong báo cáo tổng kết năm học và trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm, Nhà Trường luôn đánh giá kết quả cải tiến hoạt động ĐT, NCKH, PVCD dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh [H2.02.02.04], [H1.01.03.03].

Tự đánh giá: 5 /7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà Trườngban hành kế hoạch năm học trong đó có kế hoạch và các nội dung nâng cao chất lượng các hoạt động nói chung và chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD nói riêng.

- Trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc luôn có các nội dung nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD và triển khai thực hiện.

- Nhà trường thông báo và triển khai đến các đơn vị trực thuộc thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD của Trường.

- Nhà trường luôn dành kinh phí cho các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể triển khai nhiều hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, PVCD của Trường.

- Nhà Trườngban hành văn bản quy định về so chuẩn, đối sánh dựa trên cơ sở tham khảo quy định so chuẩn, đối sánh của Trường ĐHTDĐT Bắc Ninh (Đà Nẵng) và phổ biến rộng rãi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện.

- Nhà Trườngxác định và tiến hành so chuẩn với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Nhà trường xác định và đối sánh CSGD với Trường ĐHTDĐT Bắc Ninh (Đà Nẵng), các Khoa chuyên môn đối sánh CTĐT với các CTĐT của các trường ĐH trong nước bao gồm: ĐHTDĐT Bắc Ninh, Đà Nẵng.

- Các Phòng chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công đã phối hợp với các khoa, các trung tâm, các tổ chức đoàn thể tiến hành cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD dựa trên kết quả so chuẩn, đối sánh.

- Năm 2021, Nhà Trườngrà soát, đánh giá để tiến hành điều chỉnh, cải tiến quy định về so chuẩn, đối sánh của Trường, trong đó có quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao chất lượng.

- Kết quả so chuẩn, đối sánh được chia sẻ đến các đơn vị và được Nhà trường sử dụng để áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD.

- Hoạt động NCKH và đổi mới, sáng tạo của GV, SV Nhà Trườngđược tăng cường và cải tiến qua từng năm nhờ hoạt động so chuẩn, đối sánh về NCKH.

- Trong giai đoạn 2019-2023, GV, SV Nhà trường đã thực hiện nhiều công trình NCKH thể hiện rõ về đổi mới, sáng tạo và Nhà trường, GV, SV của Trường đã đạt được nhiều giải thưởng tại các hội thi về đổi mới, sáng tạo các cấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Nhà trường đối sánh còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, các Khoa chuyên môn tăng cường lựa chọn và tiến hành đối sánh với CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cải tiến chất lượng các CTĐT của Nhà trường.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 12

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	5
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	5
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Từ năm 2018 Phòng ĐTQLKHHTQT sát nhập với Phòng HTQT và Khoa SĐH thành Phòng ĐTQLKHHTQT [H2.02.03.03]. Phòng có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, đề xuất chiến lược và giúp Hiệu Trưởng trong thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh [H2.02.03.03]. Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh (HĐTS), trong đó Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị thường trực [H13.13.01.01]. Trong BGH, Nhà trường có phân công 01 Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.01.01]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, CSDL tuyển sinh của các năm học trước, Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với các khoa, Phòng, ban để xây dựng dự thảo Đề án tuyển sinh, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất Đề án tuyển sinh hằng năm [H4.04.03.01], [H13.13.01.02]. Trên cơ sở đó, Hiệu Trưởng ký ban hành Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường [H4.04.03.01]. Trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường thể hiện rõ các nội dung như: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, chế độ ưu tiên, ngưỡng ĐBCL đầu vào, thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường, thời gian nhận hồ sơ, các thủ tục, quy trình đăng ký xét tuyển, ưu tiên xét tuyển nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cụ thể nhất đến thí sinh và phụ huynh [H4.04.03.01].

Căn cứ Đề án tuyển sinh, Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng Kế hoạch tuyển sinh hàng năm, thông qua cuộc họp của HĐTS để thống nhất và trình Hiệu Trưởng ký ban hành Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường [H13.13.01.03]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Nhà trường luôn phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, trong đó Phòng ĐTQLKHHTQT có nhiệm vụ chính trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, các hoạt động truyền thông phù hợp theo phân công của BGH Trường [H13.13.01.03]. Bên cạnh đó, các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp với Phòng ĐTQLKHHTQT tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo phân công của Nhà trường trong kế hoạch tuyển sinh [H13.13.01.03], [H13.13.01.04]. Đội ngũ CB, GV, NV tích cực tham gia công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.01.01]. Trong Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường có nêu rõ các mốc thời gian của công tác tuyển sinh như: thời gian tư vấn, thời gian xét tuyển, thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung để các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn chủ động phối hợp thực hiện [H13.13.01.03].

Thực hiện chỉ đạo của BGH và HĐTS Nhà trường, Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng kế hoạch truyền thông về công tác tuyển sinh của Nhà trường [H13.13.01.03]. Bên cạnh đó, truyền thông về công tác tuyển sinh có trong kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường. [H13.13.01.03]. Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động tư vấn tuyển sinh như: Nhà trường đăng tải đầy đủ đề án tuyển sinh, các thông tin về tuyển sinh trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, mục tuyển sinh Trường trên website của Trường [H13.13.01.05], [H1.01.02.06]. Bên cạnh đó, thông tin về tuyển sinh của Trường còn thể hiện trên Brochure của Trường tuyển sinh [H13.13.01.06]. Ngoài ra, Nhà trường đăng thông tin tuyển sinh trên facebook của Trường [H11.11.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Hàng năm, HĐTS của Trường họp để xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo của toàn Trường [H13.13.01.02], [H13.13.02.03]. Căn cứ các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, báo cáo công tác tuyển sinh của Trường, HĐTS Nhà trường xác định các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, các chính sách ưu tiên tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo và được thể hiện trong Đề án tuyển sinh của Trường [H4.04.03.01]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H13.13.01.03]. Các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh của Trường bên cạnh việc tuân thủ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xác định tiêu chí, điều kiện tuyển sinh cụ thể đối với CTĐT từng ngành của Trường, đồng thời, đăng tải trên website của Trường và thông báo trên các phương tiện truyền thông [H13.13.02.01], [H1.01.02.06]. Trên cơ sở căn cứ năng lực của đội ngũ GV của Trường và của các ngành đào tạo, HĐTS Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh chung của Trường và của từng ngành đào tạo [H4.04.03.01].

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã áp dụng các phương thức xét tuyển đại học cho từng ngành đào tạo với mục tiêu chọn người học phù hợp với từng CTĐT. [H4.04.03.01], [H12.12.03.01]. Nhà trường áp dụng các phương thức xét tuyển bao gồm: (1) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (áp dụng

từ năm 2019 đến nay); (2) Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT theo học bạ (áp dụng từ năm 2017 đến nay); thí sinh phải tốt nghiệp THPT, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, xét điểm trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp [H4.04.03.01]. Nhà trường áp dụng các hình thức xét tuyển phù hợp, đúng quy định với số lượng thí sinh được tuyển, đáp ứng được ngưỡng ĐBCL đầu vào của Trường [H4.04.03.01]. Ngoài ra, Nhà trường phân công Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng, quản lý CSDL về công tác tuyển sinh của Trường [H13.13.02.02].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

BGH Nhà trường và HĐTS phân công Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV có trách nhiệm giám sát về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H13.13.01.01], [H13.13.03.01], [H13.13.03.02]. Nhân sự của Phòng ĐTQLKHHTQT hiện có 10 người, trong đó gồm có 01 Trưởng Phòng, 4 Phó trưởng Phòng, 5 nhân viên [H8.08.03.01]. Phòng CTHSSV hiện có 09 người, trong đó gồm có 01 Trưởng Phòng, 02 Phó trưởng Phòng, 06 nhân viên [H13.13.03.03]. Các nhân sự của Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV được phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H8.08.03.01], [H13.13.03.03]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác tuyển sinh, nhập học của Trường [H3.03.01.04].

Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐTQLKHHTQT, xây dựng dự thảo quy trình công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và trình Hiệu Trưởng ký ban hành [H13.13.03.03], [H13.13.03.04]. Trong quy trình công tác tuyển sinh và nhập học thể hiện rõ các bước cần thực hiện đối với công tác tuyển sinh và nhập học với sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị [H13.13.01.01], [H13.13.01.03], [H13.13.03.01], [H13.13.03.02], [H13.13.03.04], [H13.13.03.05]. Phòng ĐTQLKHHTQT tập trung toàn bộ hồ sơ xét tuyển, lập danh sách tổng hợp, kiểm tra lại các tiêu chí xét tuyển, sau đó HĐTS họp xét duyệt và ra quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và gửi thông báo trúng tuyển cho tất cả thí sinh [H13.13.02.02]. Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng CSDL về công tác tuyển sinh của Trường và thường xuyên báo cáo HĐTS Trường về kết quả nhập học ngay từ khi bắt đầu gửi thông báo trúng tuyển đến thí sinh [H13.13.01.04]. Hàng năm, Phòng ĐTQLKHHTQT thống kê và báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL và HĐTS Trường [H13.13.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

HĐTS Nhà trường quán triệt các đơn vị và triển khai giám sát công tác tuyển sinh theo quy trình công tác tuyển sinh đã được ban hành [H13.13.03.04]. Tại cuộc họp của HĐTS, Nhà trường luôn yêu cầu Phòng ĐTQLKHHTQT thực hiện công tác tuyển sinh đúng theo quy định và đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh đã được phê duyệt [H4.04.03.01]. Phòng ĐTQLKHHTQT báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm của nhà Trường [H13.13.01.04]. Nhà trường sử dụng phần mềm xét tuyển của Bộ GD&ĐT và thông qua cuộc họp với HĐTS để phân tích dữ liệu xét tuyển của Trường, từ đó giám sát mức điểm xét tuyển cho phù hợp và đúng quy định [H13.13.01.05], [H13.13.02.03], [H13.13.04.01]. Phòng CTHSSV tham mưu BGH về kế hoạch nhập học hàng năm [H13.13.03.01], [H13.13.03.05], [H13.13.03.02]. Nhà trường tổ chức họp với

lãnh đạo các đơn vị và phân công trách nhiệm cụ thể để triển khai công tác nhập học cho thí sinh trúng tuyển [H13.13.03.02]. Kết thúc quá trình nhập học, Phòng CTHSSV báo cáo cập nhật BGH Nhà trường về số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học [H13.13.01.04].

Kết thúc tuyển sinh hàng năm, Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp Phòng CTHSSV xây dựng báo cáo công tác tuyển sinh và nhập học để báo cáo Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL theo quy định, đồng thời báo cáo HĐTS Trường [H13.13.01.04]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm, Nhà trường có sự đối sánh kết quả tuyển sinh và nhập học so với chỉ tiêu đã xác định [H13.13.01.04]. Nhà trường sử dụng phần mềm tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, đối sánh mức điểm đầu vào qua từng năm và thông qua việc phân tích các dữ liệu tuyển sinh hàng năm để phân tích kết quả tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.01.05]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá công tác tuyển sinh của Trường và đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh cho năm tiếp theo [H13.13.01.04], [H13.13.04.02]. Dựa trên kết quả tuyển sinh năm trước, Phòng ĐTQLKHHTQT có những phân tích, đánh giá để kịp thời đề xuất những giải pháp, tham mưu BGH Nhà trường áp dụng những thay đổi phù hợp trong công tác tuyển sinh và thể hiện trong đề án tuyển sinh của năm tiếp theo [H4.04.03.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá kết quả đạt được về công tác tuyển sinh và nhập học so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.01.04], [H13.13.04.03]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm của Trường, Nhà trường luôn đề cập đến kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học như: mức điểm, kết quả học tập THPT, tỉnh thành nhiều thí sinh nhất, xuất thân của thí sinh, phương thức xét tuyển được thí sinh chọn nhiều nhất, tổ hợp được thí sinh yêu thích nhất, ngành học được thí sinh chọn nhiều nhất, các kênh truyền thông thí sinh chú ý nhất [H4.04.03.01], [H13.13.01.04], [H13.13.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường xem xét, sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học và kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm để điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của năm tiếp theo [H1.01.01.04]. Tại cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh, Nhà trường tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị, CB, GV, NV tham gia công tác tuyển sinh và nhập học của Trường [H13.13.04.02].

Hàng năm, căn cứ báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả phân tích, đo lường các chỉ số về công tác tuyển sinh và nhập học, kết quả khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học, ý kiến của CB, GV, NV, Phòng ĐTQLKHHTQT tham mưu đề xuất các nội dung cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học, thông qua cuộc họp của HĐTS và áp dụng cho năm học tiếp theo, thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Trường [H1.01.01.04], [H4.04.03.01], [H13.13.01.04], [H13.13.02.03], [H13.13.04.02]. Về phương thức tuyển sinh, Nhà trường giữ ổn định hình thức xét tuyển cơ bản là dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia, Nhà trường bổ sung thêm hình thức tuyển kết quả bậc THPT [H4.04.03.01]. Về học phí, Nhà trường luôn giữ mức học phí theo quy định của Chính phủ, của Bộ VHTTDL với mức học phí bình quân khoảng 4.9 triệu đồng/1 học kỳ nhằm tạo điều kiện cho gia đình khó

khăn có thể an tâm cho con em đến Trường để học và được xã hội đánh giá cao [H13.13.05.01]. Để khuyến khích và tạo điều kiện cho SV học tập tốt, Nhà trường cấp học bổng, khen thưởng các tân SV thủ khoa, các tân SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập [H13.13.05.02]. Nhà trường có những đối sánh về số liệu điểm xét tuyển, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và nhập học hàng năm nhằm đánh giá năng lực cạnh tranh của Trường so với các trường đại học khác trong cùng thứ hạng và thuộc Bộ VH TTDL để có những cải tiến phù hợp nâng cao hiệu quả tuyển sinh [H12.12.02.04].

Tự đánh giá: 5 /7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hàng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường thành lập HĐTS để chỉ đạo, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuyên suốt quá trình tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch tư vấn hướng nghiệp, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và các cá nhân, xác định các mốc thời gian cùng kết quả đạt được trong công tác tuyển sinh.

- Trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường thể hiện đầy đủ, rõ ràng chính sách tuyển sinh và những thông tin cần thiết về tiêu chí, chỉ tiêu xét tuyển cho từng ngành đào tạo phù hợp, đúng theo quy định và được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông.

- Nhà trường xác định các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng, theo quy định cho từng CTĐT và áp dụng các hình thức thi tuyển, xét tuyển phù hợp, theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VH TTDL.

- Nhà trường áp dụng đa dạng các hình thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả, chủ động và hỗ trợ liên tục thí sinh trong công tác tuyển sinh và nhập học, đồng thời áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức tuyển sinh phù hợp.

- Công tác tuyển sinh của Trường luôn nhận được sự quan tâm, tích cực tham gia từ HĐTS, lãnh đạo các đơn vị, CB, GV, NV và SV của Trường.

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy trình tuyển sinh và nhập học với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân thực hiện giám sát công tác tuyển sinh và nhập học đúng theo quy định.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ thí sinh trong quá trình nhập học và học tập tại Trường với mục đích tạo điều kiện tốt nhất và trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường không có sai phạm trong công tác tuyển sinh và nhập học, luôn thực hiện nghiêm túc chính sách tuyển sinh theo hướng dẫn và quy định.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học, trong đó tiến hành phân tích, đo lường kết quả tuyển sinh và nhập học để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường xây dựng CSDL về tuyển sinh và nhập học để có thể trích xuất kịp thời để phục vụ báo cáo khi cần thiết; làm cơ sở để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của tân SV về công tác tuyển sinh và nhập học của Trường, thông báo đến các đơn vị để có thể điều chỉnh theo các ý kiến góp ý của tân SV và áp dụng các biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh của năm tiếp theo.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học của Trường với sự tham gia tích cực, chủ động của các đơn vị,

CB, GV, NV, SV với kết quả hoạt động tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt hiệu quả cao với tổng số thí sinh đăng ký đăng ký xét tuyển và nhập học tăng qua từng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa lấy nhiều ý kiến của các bên liên quan bên ngoài trường về công tác tuyển sinh.

Thông tin khảo sát việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và ý kiến của các bên liên quan chưa được thu thập đầy đủ, thường xuyên và có sự gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh.

Công tác tuyển sinh và nhập học còn kéo dài do một số ngành đào tạo của Trường khó tuyển sinh.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường lấy nhiều ý kiến của các bên liên quan bên ngoài trường như: các Sở VHTTDL, các cơ quan và tổ chức trong lĩnh vực thể thao về công tác tuyển sinh của trường.

Đẩy mạnh truyền thông về Trường và các ngành đào tạo, đưa ra các chính sách học bổng, ưu tiên trong tuyển sinh dành cho các thí sinh có mức điểm cao nhằm thu hút những đối tượng HS giỏi đăng ký xét tuyển vào Trường. Từ đó sẽ làm tăng chất lượng đầu vào.

Tăng cường mối quan hệ giữa Trường với địa phương, tổ chức, các trường phổ thông, có cơ chế để tuyển cộng tác viên cho Trường trong công tác tuyển sinh tại địa phương. Thiết lập mạng lưới tuyển sinh các cấp.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 13

Tiêu chuẩn / Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	5
Tiêu chí 13.5	5

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Mô tả: Nhà trường phân công Phòng ĐT, QLKH&HTQT là đơn vị tham mưu Hiệu trưởng ban hành hệ thống văn bản xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT của Trường

[H1.01.01.08], [H2.02.03.03]. Căn cứ các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H2.02.01.06], [H14.14.01.01], [H14.14.01.02], [H14.14.01.03], [H14.14.01.04]. Phòng ĐT,QLKH&HTQT thông báo dự thảo quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường gửi đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh, bổ sung, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT của Trường và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.04], [H14.14.01.05], [H14.14.01.06], [H14.14.01.07], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04], [H14.14.01.08]. Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường được đăng tải trên Website của Trường, Phòng ĐT,QLKH&HTQT và các Khoa [H2.02.01.25]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường ban hành các CTĐT được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội [H14.14.01.04].

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đồng thời quy định trách nhiệm của Phòng ĐT,QLKH&HTQT, các Khoa chuyên môn trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Theo đó, Phòng ĐT,QLKH&HTQT có trách nhiệm triển khai kế hoạch rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần; các Khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần [H14.14.01.09], [H14.14.01.10], [H14.14.01.11]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập các hội đồng thẩm định CĐR, CTĐT và đề cương học phần và lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT, đề cương học phần [H14.14.01.08].

Phòng ĐT,QLKH&HTQT gửi công văn đến các Khoa và yêu cầu các Khoa phổ biến để GV góp ý dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường [H14.14.01.09]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐT,QLKH&HTQT tiếp thu ý kiến của các Khoa chuyên môn và GV để điều chỉnh, bổ sung dự thảo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần và tiếp tục tiếp thu ý kiến tại cuộc họp thông qua Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường để chỉnh sửa, bổ sung và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.04], [H14.14.01.10]. Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, đề cương học phần của Trường ban hành, khi triển khai xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT đều tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được gửi đến các Khoa chuyên môn để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT, đề cương học phần [H14.14.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Mô tả: Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có quy trình cụ thể về xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT và CĐR học

phần [H14.14.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có quy định cụ thể về trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT và CĐR học phần [H2.02.01.06], [H14.14.01.02]. Theo đó, Phòng ĐT,QLKH&HTQT có trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và CĐR học phần và triển khai thực hiện [H14.14.01.05]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT,QLKH&HTQT có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và thông qua Hội đồng KH&ĐT, trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ban hành quyết định điều chỉnh CĐR của CTĐT và CĐR của học phần [H14.14.01.03], [H14.14.01.04]. Bên cạnh đó, GV của Trường có trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo CĐR của CTĐT, CĐR của học phần được xây dựng hoặc điều chỉnh [H14.14.01.09].

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu phải thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT và đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần [H14.14.01.02], [H1.01.01.04]. Trong kế hoạch khảo sát của Các Khoa chuyên môn lấy ý kiến của GV, SV, cựu SV và các nhà sử dụng lao động, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT và đề cương học phần, trong đó có CĐR của học phần bằng phiếu khảo sát có nội dung khảo sát [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. CĐR của các CTĐT của Trường và CĐR của các học phần được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành [H14.14.01.01], [H14.14.01.02]. Các CĐR của CTĐT của Nhà trường được đăng tải trên Website Trường, Phòng ĐT, QLKH và HTQT, các Khoa chuyên môn và niêm yết trong, Sổ tay SV [H1.01.02.07], [H2.02.01.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Mô tả: Theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có yêu cầu các Khoa và GV triển khai xây dựng đề cương các học phần dựa dựa trên CĐR [H14.14.01.02], [H14.14.01.03], [H14.14.01.04]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa và trong quá trình triển khai xây dựng đề cương các học phần, Ban lãnh đạo các Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV điều chỉnh đề cương học phần phải dựa trên CĐR [H14.14.01.03], [H14.14.01.04], [H14.14.01.11]. Vào đầu mỗi học kỳ, Phòng ĐT,QLKH&HTQT gửi công văn đến các Khoa về việc triển khai để GV kê khai lịch trình giảng dạy [H14.14.03.01], [H14.14.03.02]. Ban lãnh đạo các Khoa triển khai để tất cả GV tham gia giảng dạy tiến hành kê khai lịch trình giảng dạy, kế hoạch giảng dạy [H14.14.03.02]. Nhà trường ban hành quyết định và công bố chính thức tất cả đề cương học phần và lịch trình giảng dạy, trong đó đều dựa trên CĐR của CTĐT và CĐR của học phần ở các CTĐT [H14.14.03.03], [H14.14.03.04].

Trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành có giao trách nhiệm Phòng ĐT, QLKH và HTQT, các Khoa, GV giới thiệu, phổ biến đầy

đủ đề cương các học phần, lịch trình giảng dạy đến người học [H14.14.03.03], [H14.14.03.04]. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường yêu cầu Ban lãnh đạo các Khoa quán triệt GV phổ biến đầy đủ đề cương các học phần đến người học trong buổi học đầu tiên và nội dung quy định đồng thời được thể hiện trong Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H1.01.03.04]. Đề cương học phần, lịch trình giảng dạy được đăng tải trên Website Trường, Phòng ĐT,QLKH&HTQT, các Khoa và niêm yết trong Sổ tay GV, Sổ tay SV [H1.01.02.07]. Ngoài ra, trong nội dung của tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và đầu khóa học, SV được Phòng ĐT,QLKH&HTQT, các Khoa phổ biến đầy đủ về đề cương các học phần, kế hoạch giảng dạy của năm học [H14.14.03.03], [H14.14.03.04].

Tại cuộc họp giao ban đầu năm học, BGH quán triệt và yêu cầu các đơn vị phổ biến đến GV triển khai các hoạt động dạy học và đào tạo theo kế hoạch năm học đã phê duyệt [H1.01.01.14]. Các Khoa và GV Trường triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch năm học và giảng dạy theo thời khóa biểu đã xác định [H14.14.03.05]. Tất cả GV Trường thực hiện hoạt động giảng dạy theo đúng thời khóa biểu và đề cương học phần đã được xác định để đạt CĐR [H14.14.03.05]. Hoạt động dự giờ của các Khoa, kiểm tra thực tế của Phòng ĐT,QLKH&HTQT [H14.14.03.06], [H14.14.03.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Mô tả: Nhà trường phân công Phòng ĐT,QLKH&HTQT là đơn vị rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H8.08.03.01]. Phòng ĐT,QLKH&HTQT gửi công văn đến các Khoa để lấy ý kiến góp ý về quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường [H14.14.01.06], [H14.14.01.09], [H14.14.01.10], [H14.14.01.11]. Ban lãnh đạo các Khoa tổ chức họp khoa để tiếp thu ý kiến góp ý của GV, tổng hợp và gửi về Phòng ĐT,QLKH&HTQT [H14.14.01.09]. Dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa và cập nhật các văn bản của Bộ GD&ĐT, Phòng ĐT,QLKH&HTQT dự thảo điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được quy định trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT tạo của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, Hội đồng KH&ĐT họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.08], [H14.14.01.04]. Năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh, trong đó điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường, thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H14.14.01.02].

Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của Trường và thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTDH đã ban hành [H14.14.01.06]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.04.01], [H1.01.01.04], [H14.14.01.04]. Trong kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan của Trường có nội dung

khảo sát về CDR của CTĐT và đề cương học phần, trong đó có CDR của học phần [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Tất cả CTDH của Trường đều đã tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế khi điều chỉnh CTDH của Trường như: CTĐT ngành GDTC, ngành HLTT, ngành Quản lý TDTT và ngành Y sinh học TDTT của Trường ĐH TDTT Bắc Ninh, Trường ĐH TDTT Đà Nẵng, Trường ĐH SP TDTT Hà Nội, Trường ĐH SP TDTT Tp.HCM, Học viện Thể thao Thượng Hải, Trường ĐH Thể thao Bắc Kinh, Trường ĐH Thể thao Đài Bắc, Trường ĐH Burapa, Trường ĐH Thể thao Quốc gia Hàn Quốc... [H14.14.04.01]. Các CTDH, CDR của CTĐT được đăng trên website Trường, Phòng ĐT và niêm yết trong, Sổ tay SV [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Mô tả: Năm 2021, Nhà trường phân công Phòng ĐT, QLKH&HTQT tiến hành rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường được thể hiện trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành [H14.14.01.02]. Phòng ĐT, QLKH&HTQT dự thảo về việc điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường ban hành dựa trên tiếp thu ý kiến của các Khoa, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh [H14.14.01.02]. Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT đã được điều chỉnh có điều chỉnh quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH [H14.14.01.02]. Nhà trường thông báo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh đến các Khoa để thực hiện và phổ biến đến GV biết để thực hiện [H1.01.02.06], [H2.02.01.25]. Trong quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh thể hiện rõ tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến của các bên liên quan khi xây dựng, điều chỉnh CTDH [H14.14.01.02]. Bên cạnh đó, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình xây dựng, rà soát, ban hành CTDH được điều chỉnh, bổ sung và ban hành đầy đủ kèm theo Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường [H14.14.01.02].

Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh các CTDH, các Khoa chuyên môn và bộ môn luôn chú trọng đến việc đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT, QLKH&HTQT, Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường luôn chú trọng đến yếu tố đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan của các CTDH khi thông qua các CTDH được xây dựng mới hoặc điều chỉnh [H14.14.01.04]. Các Khoa chuyên môn và bộ môn tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH [H14.14.01.09]. Trong giai đoạn 2019-2023, Phòng ĐT, QLKH&HTQT, các Khoa chuyên môn dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan và bổ sung các môn học khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, bổ trợ kỹ năng nghề nghiệp như các kỹ năng sống, kỹ năng mềm... trong các CTDH của Nhà trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát CDR, CTĐT, trong đó thể hiện rõ quy trình xây dựng, rà soát, đánh giá CTDH và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.

- Nhà trường lấy ý kiến và tiếp thu góp ý của các Khoa chuyên môn, GV trong quá trình xây dựng Quy định xây dựng, rà soát CDR, CTĐT.

- Nhà trường thông báo, phổ biến Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT đến các Khoa chuyên môn, GV biết để thực hiện và đăng tải trên Website của Trường.

- Nhà trường triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT theo văn bản của Trường ban hành.

- Các CTDH, CDR, đề cương học phần của Trường được xây dựng và ban hành theo quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường.

- Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH vào năm 2017, 2019, 2021. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành mới ... CTĐT, điều chỉnh ... CTĐT của Trường và ban hành CDR của CTĐT vào năm ..., CDR của học phần vào năm ...

- Tất cả các đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các học phần dựa trên CDR được BGH Nhà trường phê duyệt, ban hành và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV, SV biết để thực hiện thông qua các hình thức đa dạng, hiệu quả.

- Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động dạy và học của GV Nhà trường được triển khai theo đúng kế hoạch, hướng tới đạt CDR.

- Phòng KT&ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về CTDH, CDR, đề cương học phần của các CTĐT.

- Các CTDH, CDR của Trường được xây dựng, điều chỉnh, cải tiến dựa trên sự tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

- Năm 2021, Nhà trường triển khai rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường đã được điều chỉnh và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

- Các CTDH, CDR của CTĐT được rà soát, điều chỉnh đúng theo quy định và được ban hành, phổ biến đến toàn thể GV, SV biết để thực hiện.

- Tại các diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm, SV hài lòng với việc điều chỉnh, cải tiến các CTDH của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng nhà sử dụng lao động tham gia phản hồi về CTDH, CDR của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Nhà trường tăng cường liên hệ các nhà sử dụng sử dụng lao động, đồng thời đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động về CTDH, CĐR của Trường thông qua việc kết hợp khảo sát qua email, khảo sát trực tiếp tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức. Các Khoa chủ động liên hệ, khảo sát ý kiến của nhà sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTDH, CĐR của Khoa quản lý.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 14

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	5
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: TLGD của Trường được Đảng ủy, Hội đồng Trường và BGH Nhà trường xác định dựa trên SM, TN và định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học ... [H15.15.01.01]. Nhà trường ban hành TLGD bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H4.04.01.06]. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên Website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như được in ấn trên các Brochure (ấn phẩm quảng cáo) của Trường, Sổ tay GV, Sổ tay SV [H1.01.02.06], [H3.03.02.02].

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường có yêu cầu các Khoa khi xác định CĐR của CTĐT và GV khi xác định CĐR của học phần phải lưu ý đến sự phù hợp với TLGD của Nhà trường [H14.14.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường có yêu cầu GV khi xác định các hoạt động dạy và học phải lưu ý đến sự phù hợp với TLGD của Nhà trường [H14.14.01.02]. Trên cơ sở đó, GV của Nhà trường xác định, lựa chọn hoạt động dạy học phù hợp với TLGD đã ban hành [H15.15.01.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với TLGD của Nhà trường đã ban hành [H15.15.01.02].

Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường đồng thời yêu cầu GV khi xác định hoạt động dạy học phải đạt được CĐR [H14.14.01.02]. Nhà trường hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR và đề cương

học phần [H14.14.01.03], [H15.15.01.02]. Tại các cuộc họp Khoa, Ban lãnh đạo Khoa yêu cầu GV lưu ý lựa chọn, xác định hoạt động dạy học để đạt được CĐR [H5.05.02.04]. Trên cơ sở đó, GV của Nhà trường xác định, lựa chọn hoạt động dạy học phù hợp với TLGD đã ban hành [H15.15.01.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động dạy học của GV phù hợp với CĐR của CTĐT đã xác định [H15.15.01.02].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Mô tả: Trong Kế hoạch chiến lược (KHCL) phát triển trường trong giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm luôn đề cập đến nội dung phát triển đội ngũ GV của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Dựa trên KHCL phát triển trường giai đoạn 2020-2025, Nhà trường ban hành Kế hoạch về công tác nhân sự giai đoạn 2020-2025 với các mục tiêu, các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính và các biện pháp phát triển đội ngũ GV của Trường [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, trong Nghị quyết của Đảng ủy Nhà trường luôn có các nội dung về chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV của Trường [H1.01.02.03]. Các chính sách thu hút đội ngũ GV của Trường được thể hiện trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy chế chỉ tiêu nội bộ của Trường [H2.02.04.06]. Khi tuyển dụng Nhà Trường sẽ ban hành kế hoạch tuyển dụng GV và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như đăng tải trên Website của Trường [H6.06.02.05], [H1.01.02.06].

Căn cứ kết quả tuyển dụng, Nhà trường ký hợp đồng làm việc, bổ nhiệm chức danh GV cũng như đảm bảo quyền lợi theo quy định của Trường [H6.06.02.06]. Trong Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà trường có nội dung ưu tiên phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H6.06.02.06]. Tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng ĐTQLKHHTQT và Ban lãnh đạo các Khoa phân công nhiệm vụ đối với GV phải dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, các Khoa phân công giảng dạy đối với GV trong từng học kỳ, từng năm học luôn dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm của GV đạt được [H3.03.01.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Trong nội dung kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các nội dung chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định [H14.14.03.01]. Trong đề cương học phần của các CTĐT, GV của Nhà trường luôn xác định các phương pháp dạy học thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức [H14.14.01.11]. Đến nay, Nhà

trường đang thực hiện 06 CTĐT ngành GDTC, HLTT, QL TDTT và YSH TDTT ở trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ ThS ngành Giáo dục học, 01 CTĐT trình độ TS ngành Giáo dục học [H14.14.01.04]. Nhà trường hợp tác với các cơ sở giáo dục - đào tạo, cơ sở huấn luyện thể thao và các cơ sở kinh doanh (đơn vị) có liên quan đến lĩnh vực TDTT trong nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị phù hợp với ngành nghề đào tạo [H14.14.03.01], [H14.14.03.02]. Nhà trường trao đổi SV tham gia học tập tại các quốc gia như: Trường Đại học Thể thao Quốc gia Hàn Quốc, Trường Đại học Burapa, Học viện Thể thao Thượng Hải, Trường Đại học Thể thao Đài Bắc....đồng thời tiếp nhận SV đến từ Trường Đại học Thể thao Quốc gia Hàn Quốc, Trường Đại học Burapa tham gia các hoạt động tình nguyện tại Trường [H8.08.02.08]. Ngoài ra, Nhà trường thành lập câu lạc bộ học thuật như: Câu lạc bộ Tiếng Anh, Câu lạc bộ Tiếng hoa, Câu lạc bộ NCKH trẻ, Câu lạc bộ SV 5 tốt,... nhằm động viên, khuyến khích SV học tập đạt được CĐR [H14.14.03.03].

Trong đề cương học phần của các CTĐT, GV của Nhà trường xác định các hoạt động học tập đa dạng như: giảng dạy dự án, thực hành, bài tập lớn, thực tập tại các cơ sở giáo dục - đào tạo, cơ sở huấn luyện thể thao và các cơ sở kinh doanh (đơn vị) có liên quan đến lĩnh vực TDTT [H14.14.01.04], [H14.14.01.11]. Trên cơ sở đó, GV Nhà trường áp dụng triển khai nhiều hoạt động học tập đa dạng nhằm tạo điều kiện để SV đạt được CĐR như: dạy học theo dự án, hoạt động nhóm hiệu quả,... [H14.14.01.03]. Các học phần được GV triển khai giảng dạy một cách đa dạng, hướng tới đạt CĐR thông qua các hoạt động dạy học đã được xác định trong đề cương học phần [H14.14.01.11]. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo cho toàn khóa và từng học kỳ, trên cơ sở đó Nhà trường ban hành thời khóa biểu, trong đó thể hiện tiến độ đào tạo và các học phần của SV từng khóa học [H14.14.03.01].

Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn đề cập đến nội dung triển khai để GV ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng GV về việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H15.15.03.04]. Bên cạnh đó, GV của Nhà trường tham dự và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học, trong đó có nội dung về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy [H15.15.03.05]. Trong các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu Ban lãnh đạo các Khoa phổ biến, quán triệt GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, Ban lãnh đạo các Khoa phổ biến, triển khai GV tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của tất cả học phần và triển khai đa dạng các ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng [H5.05.02.04]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV thể hiện GV Nhà trường trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Mô tả: Nhiệm vụ giảng dạy và tham gia NCKH của GV được nêu rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của GV [H5.05.01.07]. Nhà trường thông báo, phổ biến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy định chế độ làm việc đối với GV đến các đơn vị để phổ biến GV biết và thực hiện [H5.05.01.08]. Hàng năm, các Khoa thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H14.14.03.06]. Hoạt động học tập và rèn luyện của SV được triển khai ở cấp Trường, trong đó Phòng ĐTQLKHHTQT giám sát về kết quả học tập của SV, Phòng CTHSSV giám sát kết quả rèn luyện của SV [H2.02.03.03]. Các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý [H2.02.03.03].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai đánh giá, xếp loại công chức, viên chức của trường, trong đó có đánh giá đội ngũ GV. Ban lãnh đạo các Khoa phổ biến để GV thực hiện đánh giá, xếp loại theo kế hoạch, thông báo đã được Trường ban hành [H2.02.03.04]. Trên cơ sở đó, GV thực hiện báo cáo tổng kết công tác thi đua của cá nhân và Ban lãnh đạo khoa tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học của GV, gửi về Phòng HCTH tổng hợp, thông qua cuộc họp giữa Đảng ủy với BGH để thống nhất kết quả đánh giá [H2.02.03.05], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.01.04]. Các khoa xử lý dữ liệu và gửi kết quả khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV đến báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến Phòng KTĐBCLGD để lưu trữ [H1.01.01.04].

Nhà trường ban hành Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, gửi đến tất cả các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện [H1.01.04.01]. Nhà trường phân công Phòng KTĐBCLGD là đơn vị chủ trì xây dựng quy định khảo sát và gửi biểu mẫu về các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.04.01]. Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan và triển khai thực hiện [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Trong đó, Phòng ĐTQLKHHTQT, QLKH&ĐT lưu trữ kết quả học tập của sinh viên, Phòng CTHSSV lưu trữ kết quả rèn luyện của sinh viên [H15.15.04.01]. Ngoài ra các khoa và Phòng ĐTQLKHHTQT khảo sát SV năm cuối trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Thư viện Trường tiến hành thống kê tình hình bạn đọc hàng năm của Trường và khảo sát nhu cầu của bạn đọc [H7.07.04.06], [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các đơn vị trực thuộc để đề xuất và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động của Trường [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, Ban lãnh đạo Khoa tổ chức gặp mặt các GV được SV góp ý và yêu cầu thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học [H1.01.01.04]. Thông qua hoạt động dự giờ

cũng như kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học ở học kỳ tiếp theo để Ban lãnh đạo Khoa đánh giá mức độ cải tiến chất lượng của GV [H1.01.01.04], [H14.14.03.06]. Bên cạnh đó, căn cứ ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng các hoạt động của Trường, Nhà trường triển khai cải tiến chất lượng các hoạt động, trong đó tập trung triển khai để GV cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, KTĐG người học [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Nhà trường và của các Khoa luôn có nội dung đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Mô tả: Năm 2021, Nhà trường triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến và ban hành TLGD của Trường [H15.15.01.01]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH xây dựng dự thảo TLGD, gửi đến các đơn vị để lấy ý kiến góp ý và lãnh đạo các đơn vị triển khai lấy ý kiến góp ý của CB, GV, NV, tổng hợp gửi về Phòng HCTH [H15.15.01.01]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị và của CB, GV, NV về TLGD, Phòng HCTH điều chỉnh dự thảo TLGD, thông qua cuộc họp HĐT ra quyết nghị ban hành [H15.15.01.01]. TLGD của Nhà trường “...” được gửi đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV, SV của Trường biết và đăng tải trên Website của Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên các brochure của Trường, Sổ tay GV, Sổ tay SV [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Năm 2021, Nhà trường yêu cầu các Khoa triển khai khảo sát, rà soát, điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với TLGD “...” nhằm đạt CĐR [H1.01.01.04]. Trên cơ sở đó, các Khoa tiến hành họp GV để rà soát, điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và đạt CĐR [H15.15.05.01]. Nhà trường tổ chức các khóa tập huấn cho GV về đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động dạy học theo CĐR [H15.15.03.04], [H15.15.03.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, GV Nhà trường bổ sung, cập nhật, áp dụng nhiều hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và đạt CĐR như: thuyết trình, đồ án, bài tập lớn theo nhóm,... [H14.14.01.11].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường [H6.06.04.05].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường tuyên bố và ban hành TLGD “...” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến TLGD đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường có yêu cầu GV khi xác định các hoạt động dạy và học phải lưu ý đến sự phù hợp với TLGD của Nhà trường, phù hợp với CĐR của CTĐT đã xác định.

- Nhà trường tổ chức tập huấn cho các Khoa và GV về việc xây dựng CĐR và đề cương học phần dựa trên CĐR, trong đó hướng dẫn GV xác định các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR.

- Nhà trường ban hành KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm, trong đó thể hiện rõ nội dung tập trung phát triển đội ngũ GV có chất lượng.

- Nhà trường thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV, đặc biệt là GV có trình độ chuyên môn cao, có học hàm học vị và giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH, cam kết gắn bó lâu dài với Trường.

- Nhà trường thực hiện tốt việc phân công giảng dạy và NCKH cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

- Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo nhằm tạo môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá tri thức.

- GV của Nhà trường được cử và tạo điều kiện tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các học phần.

- Trong giai đoạn 2019-2023, GV Nhà trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV thể hiện GV Nhà trường trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của học phần.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc việc giám sát GV, đánh giá GV hàng năm thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của GV với kết quả hầu hết các ý kiến của SV hài lòng về hoạt động giảng dạy GV của Trường

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của SV năm cuối trước khi tốt nghiệp và khảo sát cựu SV về chất lượng hoạt động của Trường, trên cơ sở đó áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

- Các Khoa chuyên môn và bộ môn của Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật để GV chia sẻ kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học.

- Nhà trường triển khai để các Khoa rà soát, điều chỉnh hoạt động giảng dạy phù hợp với phương châm giáo dục vào năm 2019 và phù hợp với TLGD nhằm đạt CĐR vào năm 2021.

- Trong giai đoạn 2019-2023, GV Nhà trường bổ sung, cập nhật, áp dụng nhiều hoạt động dạy học phù hợp với TLGD và đạt CĐR như: thuyết trình, đồ án, bài tập lớn theo nhóm,....

- Kết quả khảo sát ý kiến của GV, SV thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD và các hoạt động dạy học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng cựu SV và nhà sử dụng lao động đánh giá về TLGD của Trường chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động đánh giá về TLGD thông qua khảo sát qua email, khảo sát trực tiếp tại các hội thảo, hội nghị do Trường tổ chức.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 15

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	5
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Mô tả: Nhà Trường phân công Phòng KTĐBCLGD tham mưu đề xuất quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H2.02.03.03]. Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Phòng KTĐBCLGD đã xây dựng quy trình về việc tổ chức thi kết thúc học phần, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H16.16.01.01]. Nhà Trường đã gửi văn bản về việc tổ chức thi kết thúc học phần đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, NV, SV biết và thực hiện [H9.09.04.06]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần được đăng trên website của Trường. Tại tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Phòng ĐT phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần cho toàn thể SV biết để thực hiện [H1.01.03.04]. Trong quy trình về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường ban hành có về quy trình lập kế hoạch thi, quy trình thi [H16.16.01.01]. Ngoài ra, hình thức thi, KTĐG KQHT của người học được thể hiện rõ trong đề cương học phần và GV có trách nhiệm thông báo đến SV ngay trong buổi học đầu tiên [H14.14.01.11]. Đối các học phần lý thuyết các khoa nộp đề thi hoặc ngân hàng câu hỏi để Phòng KTĐBCLGD tổ chức thi [H16.16.01.02].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H2.02.03.03]. Theo đó, Phòng KTĐBCLGD là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường [H16.16.01.03]. Bên cạnh đó, trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần nêu rõ chậm nhất trước 01 ngày kể từ ngày thi học phần, các khoa, bộ môn, GV phải nộp đủ số lượng đề thi, đáp án, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng KTĐBCLGD theo quy định [H16.16.01.01]. Phòng KTĐBCLGD là đơn vị tổ chức thi, làm phách nhập điểm và quản lý kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử cán bộ coi thi, chấm thi [H16.16.01.01]. Phòng DTQLKHHTQT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H9.09.04.03]. Việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG học phần được thể hiện trong đề cương học phần [H14.14.01.11].

Bên cạnh đó, tại các cuộc họp Khoa và trong quá trình triển khai xây dựng đề cương các học phần, Lãnh đạo các Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H14.14.01.11], [H14.14.01.03]. Trên cơ sở đó, GV Nhà trường xác định các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và được thể hiện trong đề cương học phần đã được phê duyệt [H14.14.01.11]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG KQHT của người học phù hợp và hướng tới đạt CĐR [H16.16.01.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Nhà Trường thông báo Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H16.16.01.01], [H9.09.04.06]. Các Khoa chuyên môn phổ biến Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần đến GV, SV biết để thực hiện đúng quy định [H5.05.01.08], [H16.16.01.01]. Bên cạnh đó, Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần được đăng tải trên website của Trường, của Phòng DTQLKHHTQT, Phòng KTĐBCLGD và các Khoa [H1.01.02.06]. Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, các Khoa và CVHT phổ biến, lưu ý SV thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ban hành [H1.01.03.04]. Phòng KTĐBCLGD là đơn vị xây dựng kế hoạch thi, tổ chức thi lưu trữ kết quả chấm thi và bài thi cho toàn Trường [H16.16.01.01].

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần, Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, các Khoa chuyên môn triển khai xây dựng đề cương học phần, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG tương thích để đạt CĐR [H14.14.01.03], [H14.14.01.11]. Ngay buổi học đầu tiên, GV thông báo đến SV các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong đề cương học phần [H14.14.01.11]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường áp dụng đa dạng các phương pháp KTĐG để đạt CĐR bao gồm: Thi thực hành, thi tự luận, thi trắc nghiệm,... [H14.14.01.11], [H16.16.01.03].

GV Nhà Trường lựa chọn các phương pháp KTĐG tương thích với CĐR và đặc biệt là đo lường được mức độ đạt CĐR của người học [H14.14.01.03], [H14.14.01.11], [H16.16.01.03]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, Phòng KTĐBCLGD phân tích, đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như đánh giá các hình thức đánh giá đối với đặc thù

mỗi loại học phần [H16.16.02.01]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh, Phòng ĐTQLKHHTQT báo cáo tổng kết tuyển sinh, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó có điều chỉnh cho năm tiếp theo [H4.04.03.01], [H13.13.01.04]. Nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác thi, KTĐG KQHT của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng ĐTQLKHHTQT, của Phòng KTĐBCLGD và các Khoa [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Năm 2019-2023, Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KTĐBCLGD triển khai, rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học [H16.16.03.01]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học 2020-2021 của Phòng KTĐBCLGD có nội dung rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học [H1.01.01.13]. Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả phổ điểm, ý kiến phản hồi của GV, SV về thi, KTĐG, Phòng KTĐBCLGD rà soát, đề xuất dự thảo điều chỉnh Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Trường, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H16.16.02.01], [H1.01.01.04], [H16.16.01.01]. Nhà Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến GV, SV biết để thực hiện [H1.01.02.06], [H9.09.04.06].

Kết thúc mỗi học kỳ và mỗi năm học, Phòng KTĐBCLGD tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học [H16.16.02.01]. Bên cạnh đó, hàng năm, Phòng ĐTQLKHHTQT luôn đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó tham mưu BGH Nhà Trường có những điều chỉnh cho năm tiếp theo [H13.13.01.04]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về hoạt động của Nhà Trường hàng năm có nội dung khảo sát về sự phù hợp của các hình thức thi, KTĐG học phần cũng như tác động của các hình thức KTĐG đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn người học của Trường [H1.01.01.04].

Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ban hành, GV công bố điểm quá trình cho SV trong buổi học cuối của học phần [H5.05.01.08], [H16.16.01.01]. Điểm thi kết thúc học phần được công bố cùng với điểm tổng kết của học phần [H16.16.01.01]. Đối với học phần vấn đáp, điểm thi của SV được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm học phần được công bố trên bảng thông tin nhà Trường và Bảng thông tin của các Khoa, Bộ môn [H16.16.03.02]. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, SV nộp đơn phúc khảo về Phòng KTĐBCLGD trong thời gian 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần [H16.16.01.01]. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của SV [H16.16.01.01]. Các Khoa chuyên môn phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu tiên [H16.16.01.01].

Nhà Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai thực hiện, trong đó có khảo sát SV và cựu SV về hoạt động thi, KTĐG KQHT [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Nhà Trường phân công Phòng KTĐBCLGD phối hợp các Khoa chuyên môn thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của SV và cựu SV về hoạt động thi, KTĐG KQHT [H1.01.04.01]. Các nội dung đánh giá về thi, KTĐG người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng KTĐBCLGD, Phòng ĐTQLKHHTQT

[H2.02.02.06]. Các biện pháp cải tiến hoạt động thi, KTĐG người học thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo của Nhà trường, Phòng KTĐBCLGD, Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.01.13].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Mô tả: Căn cứ kết quả nghiên cứu, đánh giá phổ điểm thi của các học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học, kết quả rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học, BGH Nhà Trường hợp với Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng KTĐBCLGD, các Khoa chuyên môn để điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học [H16.16.02.01], [H16.16.01.01], [H16.16.01.03]. Nhà Trường bổ sung áp dụng các loại hình, phương pháp KTĐG KQHT của người học như: thi vấn đáp, tiểu luận, thi trắc nghiệm, bài tập chuyên đề,... [H16.16.01.03]. Bên cạnh đó, Nhà Trường điều chỉnh trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học cho phù hợp, cụ thể điều chỉnh trọng số điểm thi cuối kỳ từ 50% thành 60% [H16.16.04.01]. Đối với công tác tuyển sinh, trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường bổ sung các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển, cụ thể: tăng tổ hợp xét tuyển từ 01 tổ hợp thành 03 tổ hợp cho mỗi ngành; bổ sung hình thức xét tuyển học bạ từ lớp 10, 11, 12 [H4.04.03.01].

Kết thúc mỗi học kỳ và mỗi năm học, Phòng KTĐBCLGD tiến hành đánh giá phổ điểm thi của các học phần cũng như sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học [H16.16.02.01]. Ngoài ra, trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG người học [H1.01.01.04]. Nhà Trường luôn tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của SV về các hình thức, phương pháp thi, KTĐG KQHT của người học [H1.01.01.04].

Nhà Trường gửi Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học đến các Khoa chuyên môn để phổ biến đến GV, SV biết và thực hiện [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín của Trường được đăng tải trên website của Trường, Phòng KTĐBCLGD, Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, các quy trình tổ chức thi, KTĐG người học cũng như quy trình xây dựng, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học được Nhà Trường triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc [H16.16.01.01]. Ngoài ra, công tác thi, KTĐG KQHT người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng KTĐBCLGD, Phòng ĐTQLKHHTQT [H2.02.02.06].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các Phòng chức năng, khoa chuyên môn trong việc giải quyết các khiếu nại, phản ánh của SV về kết quả thi, KTĐG [H16.16.01.01], [H1.01.02.07]. Nhà Trường quy định cụ thể thời gian cho việc giải quyết khiếu nại, phản nản của SV về kết quả thi, KTĐG và triển khai thực hiện [H16.16.01.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường xử lý hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG và không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của người học [H16.16.04.02].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà Trường xây dựng và ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

- Nhà trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ban hành đến các Khoa, GV, SV thực hiện, đồng thời đăng tải trên website Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa, đồng thời niêm yết trong Sổ tay SV.

Các Khoa luôn hướng dẫn, yêu cầu GV xác định các hình thức, tiêu chí, nội dung thi, KTĐG học phần phù hợp và hướng tới đạt CĐR

- Trong giai đoạn 2019-2023, GV của Trường thực hiện nhiều phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR của người học.

- Nhà Trường ban hành quy định xây dựng ngân hàng đề thi và triển khai xây dựng ngân hàng đề thi đối với các học phần. Đến nay, Nhà trường xây dựng ngân hàng đề thi đối với các học phần.

- Phòng KTĐBCLGD tiến hành phân tích phổ điểm thi học phần, sự phù hợp về quy định trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học.

- Kết thúc mỗi kỳ tuyển sinh, Phòng ĐTQLKHHTQT báo cáo tổng kết tuyển sinh, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của phương thức tuyển sinh, các tổ hợp xét tuyển để từ đó có điều chỉnh cho năm tiếp theo.

- Nhà Trường triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp KTĐG người học và trên cơ sở đó tiến hành điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn.

- Phòng ĐBCL&KT kết hợp với các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến của SV, cựu SV về hoạt động của Nhà Trường, trong đó có nội dung khảo sát về hoạt động thi, KTĐG KQHT người học với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà Trường công bố kết quả thi, KTĐG đúng quy định và các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG được giải quyết kịp thời, hợp lý.

- Nhà trường điều chỉnh trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học cho phù hợp, bổ sung các hình thức, tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển sinh.

- Quy trình tổ chức thi, KTĐG người học, quy trình xây dựng và đánh giá các phương pháp KTĐG người học được Nhà trường rà soát, rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn hoạt động đào tạo của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc xây dựng ngân hàng đề thi chưa triển khai cho tất cả các học phần.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà Trường tăng cường đầu tư kinh phí và đẩy mạnh xây dựng ngân hàng đề thi cho tất cả học phần.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 16

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
Tiêu chuẩn 16	5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5

Tiêu chí 16.4	5
---------------	---

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Mô tả: Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có xác định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có phân công đơn vị tham gia phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H17.17.01.01]. Phòng CTHSSV là đơn vị được phân công xây dựng văn bản quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H1.01.01.08]. Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL về việc triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, Phòng CTHSSV xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Nhà trường gửi Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đến các đơn vị để thực hiện và thông báo đến toàn thể CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H2.02.01.25]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách về người học, trong đó có nội dung về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học [H3.03.01.04].

Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung về phục vụ, hỗ trợ người học [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Căn cứ Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học đã được ban hành, trong kế hoạch năm học của Nhà trường có phân công cụ thể cho các đơn vị tham gia việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H5.05.01.12]. Theo đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì và các đơn vị của Trường kể cả các tổ chức đoàn thể đều có trách nhiệm tham gia và tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H5.05.01.12], [H5.05.01.11]. Trên cơ sở đó, trong kế hoạch năm học hàng năm của Phòng CTHSSV và tất cả các đơn vị trực thuộc đều có nội dung cụ thể về phục vụ, hỗ trợ người học [H1.01.01.13].

Theo Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chung giám sát về kết quả học tập của người học; Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chung giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, các Khoa chuyên môn tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa quản lý [H17.17.01.02]. Phòng CTHSSV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H9.09.04.03]. Các Khoa chuyên môn được phân quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa [H9.09.04.03]. Đội ngũ CVHT được cấp quyền trên phần mềm quản lý đào tạo để giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học, đồng thời nhập điểm rèn luyện của người học trong mỗi học kỳ) [H9.09.04.03].

Trong Đề án vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí công việc, Nhà trường luôn thể hiện rõ các tiêu chí, yêu cầu về đánh giá xếp loại công chức, viên chức hàng năm (năng lực của CB, GV, NV nói chung và đội ngũ CB hỗ trợ nói riêng) [H6.06.01.01], [H17.17.01.01]. Tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị sử dụng các tiêu chí, yêu cầu được nêu trong đề án vị trí việc làm, bản mô tả vị trí công việc để đánh giá năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ [H1.01.01.14]. Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá xếp loại công chức, viên chức (CB, GV, NV), trong đó có đánh giá đội ngũ CB hỗ trợ với các tiêu chí đánh giá cụ thể [H6.06.05.04], [H5.05.01.11].

Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ, theo đó hàng năm Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Mô tả: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học của Nhà trường ban hành, Phòng ĐTQLKHHTQT và Phòng CTHSSV là 02 đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ tư vấn, thực hiện các dịch vụ hỗ trợ người học, bên cạnh đó, tất cả các đơn vị trong nhà trường đều có vai trò, trách nhiệm hỗ trợ, phục vụ người học [H1.01.01.08]. Nhân sự của Phòng ĐTQLKHHTQT hiện có 12 người, trong đó gồm có 01 Trưởng Phòng, 04 Phó trưởng Phòng, 07 chuyên viên [H8.08.03.01]. Phòng CTHSSV hiện có 09 người, trong đó gồm có 01 Trưởng Phòng, 02 Phó trưởng Phòng, 03 giảng viên, 02 chuyên viên và 1 nhân viên [H17.17.01.01], [H13.13.03.03]. Các nhân sự thực hiện của Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV tham gia tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học được Nhà trường cử tham gia các khóa tập huấn nhằm cập nhật các quy định về tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học [H17.17.02.01].

Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về phục vụ và hỗ trợ người học, đồng thời Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong cuộc họp giao ban đầu năm học và các cuộc họp giao ban định kỳ với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường triển khai và yêu cầu các đơn vị trực thuộc thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: tham mưu xây dựng các quy trình phục vụ hỗ trợ người học (8 quy trình), tổ chức tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm học, đánh giá kết quả rèn luyện và cấp học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, khen thưởng các sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện đạt loại xuất sắc, sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên đạt thành tích cao trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế, giao lưu sinh viên là người dân tộc thiểu số, tổ chức Hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp; hướng dẫn phương pháp học tập trực tuyến trong thời kỳ mới, các giải thi đấu thể thao nhằm nâng cao năng lực, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài,... [H17.17.02.02]. Bên cạnh đó, các Khoa chuyên môn tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: giao lưu, dã ngoại, Hội trại truyền thống, tham quan thực tế các công trình thi đấu thể thao, sân bãi, dụng cụ tập luyện,... [H17.17.02.02]. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội SV Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: thành lập các CLB, đội, nhóm..., Phong trào sinh viên 5 tốt, Hội thi Tiếng hát sinh viên và tìm kiếm MC, Diễn đàn phát triển Đảng trong sinh viên, Đảng với thanh niên – thanh niên với Đảng, Thanh niên tình nguyện, xuân tình nguyện, tiếp sức mùa thi, chủ nhật xanh, tham gia các giải văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể thao do các đơn vị trên địa bàn thành phố tổ chức... [H2.02.01.19].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả học tập của người học, Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính giám sát về kết quả rèn luyện của người học [H15.15.04.01]. Định kỳ từng học kỳ và cuối năm học, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐTQLKHHTQT thống kê kết quả học tập của người học, đồng thời cảnh báo nhắc nhở người học trong

mọi trường hợp người học có kết quả học tập kém và có khả năng bị cảnh báo học vụ [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, bằng cách sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, Phòng ĐTQLKHHTQT theo dõi tiến trình học tập của người học [H15.15.04.01]. Phòng CTHS,SV sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để giám sát, thống kê kết quả rèn luyện của người học toàn Trường [H15.15.04.01]. Tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT thường xuyên nhắc nhở người học trong học tập và rèn luyện, đặc biệt là quan tâm, động viên, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp người học có khả năng bị cảnh báo học vụ hoặc rèn luyện [H5.05.01.12]. Sổ tay SV, trong đó có đầy đủ các văn bản quy định về quá trình đào tạo và rèn luyện của SV tại Trường [H1.01.02.07].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.01.01.04]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì phối hợp với các Khoa chuyên môn để thực hiện khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.01.04.02]. Ý kiến của SV thể hiện mức độ hài lòng về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H1.01.01.04]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm luôn có nội dung đánh giá về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H2.02.02.04], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Mô tả: Hàng năm, căn cứ kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, ý kiến góp ý của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH Nhà trường với SV cũng như những ý kiến của SV góp ý thông qua email công vụ và hộp thư góp ý, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.01.01.04], [H2.02.02.06], [H5.05.02.03]. Bên cạnh đó, tại cuộc họp của các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H2.02.02.06], [H5.05.02.04]. Chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học đồng thời được thể hiện trong báo cáo kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân [H5.05.02.03]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của các đơn vị luôn có nội dung rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, Nhà trường có biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và được thể hiện trong kết luận cuộc họp cũng như trong kế hoạch năm học tiếp theo của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Ngoài ra, kết quả đánh giá CB, GV, NV hàng năm có nội dung đánh giá viên chức của đội ngũ CB hỗ trợ của Trường [H2.02.03.04], [H2.02.03.06], [H2.02.03.07].

Trong cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học, Nhà trường đồng thời rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, trong đó xác định những tồn tại và những đề vắn đề phát sinh trong quá trình triển khai hệ thống giám sát người học của Trường [H1.01.01.14]. Trên cơ sở đó, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát người học của Trường và được thể hiện trong kết luận cuộc họp cũng như trong kế hoạch năm học tiếp theo của Nhà trường và của các đơn vị

trực thuộc [H1.01.01.14], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học giai đoạn 2015-2020 và xác định các biện pháp cải tiến chất lượng, hiệu quả của hệ thống giám sát người học giai đoạn 2020-2025 [H2.02.02.01]. Kết quả khảo sát ý kiến của SV và các góp ý của SV thể hiện mức độ hài lòng về hệ thống giám sát người học của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Hàng năm, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của năm học so với năm học trước [H2.02.02.06]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học so với các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính đã được xác định trong kế hoạch năm học và đối sánh kết quả thực hiện hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của năm học so với năm học trước [H1.01.01.13]. Trên cơ sở đó, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: tổ chức hội thảo tư vấn việc làm, ngày hội việc làm, tư vấn hướng nghiệp, các diễn đàn phát triển đảng trong sinh viên, các Hội thi, giải thi đấu về các lĩnh vực thể thao, văn hóa văn nghệ, giao lưu với VDV đạt thành tích cao như Hoàng Xuân Vinh, Nguyễn Trần Duy Nhất, Nguyễn Thị Ánh Viên,...tham gia các hoạt động do Thành đoàn thành phố, Đoàn khối cơ sở Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, giao lưu già ngoại, tham quan thực tế các Khu căn cứ cách mạng, nhà tập luyện và thi đấu thể thao,... nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.02.02]. Các Phòng chức năng, khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các CLB SV tổ chức nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Trường như: đánh giá kết quả rèn luyện và cấp học bổng, miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, khen thưởng các sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện đạt loại xuất sắc, sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên đạt thành tích cao trong hệ thống thi đấu quốc gia, quốc tế; giao lưu sinh viên là người dân tộc thiểu số, khen thưởng sinh viên đại học chính quy thủ khoa trong kỳ thi tuyển sinh, tổ chức hội thảo việc làm, tư vấn hướng nghiệp; hướng dẫn phương pháp học tập trực tuyến trong thời kỳ mới, các giải thi đấu thể thao nhằm nâng cao năng lực, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, tổ chức tháng thanh niên, hội trại truyền thống, các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 cho các sinh viên nữ, cuộc thi tiếng hát sinh viên và tìm kiếm MC, Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, các hoạt động tri ân các anh hùng, liệt sĩ và người có công với cách mạng nhân ngày thương binh, liệt sỹ (27/7), xuân tình nguyện, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo; Tọa đàm công tác phát triển Đảng trong sinh viên, diễn đàn Đảng với thanh niên, thanh niên với Đảng, tổ chức cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác – Lênin cấp trường, tuyên dương sinh viên 5 tốt, nhằm kết nạp những đoàn viên ưu tú được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng,...[H17.17.02.02].

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học, Nhà trường đầu tư và ngày càng hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo thông qua hợp đồng, để thiết kế phần mềm quản lý đào tạo với nhiều tính năng ưu việt trong giám sát người học như: đánh giá điểm rèn luyện, kết quả học tập, đăng ký học phân,... [H7.07.03.02],

[H7.07.03.03], [H2.02.04.07]. Phần mềm quản lý đào tạo giúp cho việc lưu trữ CSDL về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhanh chóng, thuận lợi, an toàn [H2.02.04.07], [H9.09.04.03]. Ngoài ra, Nhà trường tăng cường tập huấn, trang bị nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT và biên soạn Sổ tay CVHT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát người học của Trường [H5.05.01.13].

Hàng năm, Nhà trường đã triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, với trên 90% ý kiến SV và trên 85% ý kiến cựu SV hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường [H1.01.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc [H2.02.02.06], [H2.02.02.04], [H1.01.02.04], [H17.17.02.02]. Ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm cũng như ý kiến của SV đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường [H6.06.04.05], [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL về việc triển khai các hoạt động hỗ trợ người học, Nhà trường ban hành Quy định về phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học và thông báo, phổ biến thực hiện trong toàn Trường.

- Trong kế hoạch năm học hàng năm của Trường và các đơn vị trực thuộc luôn có các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học với sự phân công cụ thể cho các đơn vị, cá nhân thực hiện.

- Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chịu trách nhiệm chung giám sát về kết quả học tập của người học; Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chung giám sát về kết quả rèn luyện của người học; các Khoa chuyên môn tham gia hoạt động giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học của Khoa quản lý; đội ngũ CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học thuộc lớp được phân công phụ trách.

- Nhà trường và các đơn vị trực thuộc triển khai đa dạng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học nhằm nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện và nghiên cứu của người học.

- Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống giám sát người học từ cấp trường đến cấp Khoa thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo và hệ thống biểu mẫu để giám sát đối với người học.

- Đội ngũ NV hỗ trợ của Nhà trường đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; được đánh giá theo bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

- Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học.

- Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát đối với người học.

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, với trên 90% ý kiến SV và trên 85% ý kiến cựu SV hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường.

- Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát người học giai đoạn 2015-2020 và xác định các biện pháp cải tiến chất lượng, hiệu quả của hệ thống giám sát người học giai đoạn 2020-2025.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học với ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH Nhà trường với SV đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV có 10% không hài lòng với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học, điều này cần sớm khắc phục trong năm học sau.

- Công tác phối hợp phục vụ hỗ trợ, hệ thống đánh giá năng lực đội ngũ hỗ trợ chưa được ăn ý, đôi khi còn chồng chéo.

- Chưa quy định rõ đơn vị chịu trách nhiệm chính về triển khai rà soát các nội dung liên quan tới người học.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên việc nâng cấp cơ sở vật chất của Nhà trường bị chậm so với tiến độ và ảnh hưởng đến công tác phục vụ, hỗ trợ người học.

3. Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tập trung đẩy nhanh tiến độ nâng cấp cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt công tác phục vụ, hỗ trợ người học.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 17

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H18.18.01.01]. Trong thành phần BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng chỉ đạo trực tiếp việc triển khai công tác quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường nhằm đạt được SM, TN và các mục tiêu chiến lược đã xác định trong kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về hoạt động NCKH [H3.03.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho 01 thành viên của BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Khoa và định kỳ báo cáo Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế về kết quả hoạt động NCKH của Khoa [H18.18.01.02]. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT của Trường bên cạnh chức năng tham mưu ban hành các chính sách, chiến lược hoạt động NCKH của Nhà trường đồng thời giám sát kết quả hoạt động NCKH của Trường [H2.02.01.06]. Mối liên hệ giữa các đơn vị thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu được thể hiện trong Sơ đồ tổ chức các đơn vị và trung tâm nghiên cứu của Nhà trường [H2.02.01.09].

Trong Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành quy định rõ việc triển khai thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Theo đó, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của toàn trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08]. Ở cấp Khoa, BCN nhiệm khoa phân công 01 thành viên phụ trách hoạt động NCKH giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Khoa [H18.18.01.02]. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc triển khai giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.04], [H1.01.02.04], [H1.01.03.03].

Trong Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành có quy định về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu

[H18.18.01.03]. Đầu mỗi năm học, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế thông báo đến các đơn vị trực thuộc và Các đơn vị trực thuộc thông báo đến CB, GV đăng ký đề xuất các đề tài/dự án nghiên cứu, tổng hợp và gửi về Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế [H18.18.01.04]. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp đề xuất các đề tài/dự án nghiên cứu của các đơn vị trực thuộc trình Hiệu trưởng phê duyệt [H18.18.01.05]. Bên cạnh đó, trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành có quy định loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV Nhà trường phải thực hiện [H5.05.01.07]. Ngoài ra Viện NCKH cũng đã ban hành các thông báo và thủ tục quy trình biên soạn giáo trình và đề tài các cấp ... [H18.18.01.04], [H18.18.01.06].

Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành kế hoạch NCKH hàng năm với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đấu chính [H18.18.01.07]. Căn cứ kết quả xét duyệt đề tài NCKH của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định giao thực hiện đề tài trong năm học và tiến hành ký kết các hợp đồng NCKH với các chủ nhiệm đề tài và cấp kinh phí cho các chủ nhiệm đề tài theo định mức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và dự toán kinh phí thực hiện đề tài [H18.18.01.08], [H2.02.04.06]. Mỗi đề tài NCKH cấp trường được cấp kinh phí thực hiện là 10.000.000 [H2.02.04.06]. Kinh phí chi cho hoạt động NCKH hàng năm được xác định trong kế hoạch tài chính của Nhà trường và theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.04.06], [H4.04.02.01].

Trong quá trình CB, GV, SV thực hiện các đề tài NCKH, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị theo dõi tiến độ thực hiện và tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài theo quy định [H18.18.01.05]. Trong kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm của Nhà trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đấu chính và được sử dụng để đánh giá kết quả hoạt động NCKH của Trường vào cuối năm học [H18.18.01.07]. Cuối mỗi năm học, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế cùng Viện NCKH thống kê và phân loại các hoạt động KHCN trong toàn trường và trên cơ sở đó xây dựng CSDL về hoạt động NCKH của Trường [H2.02.02.06]. Báo cáo về số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm và trong báo cáo tổng

kết năm học của Viện NCKH của các Khoa chuyên môn [H2.02.02.04], [H1.01.03.03], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Mô tả: Trong chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2014-2020, và KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch hằng năm và kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có nội dung và hoạt động tìm kiếm và tăng nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN cho Trường [H1.01.01.03], [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Trường, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có nội dung động viên, khuyến khích, khen thưởng các tập thể, CB, GV tìm kiếm và đem lại nguồn thu cho Trường từ hoạt động NCKH và CGCN [H18.18.01.03], [H2.02.04.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, nguồn tài chính của Nhà Trường có sự đóng góp từ nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN [H18.18.02.02].

Nhà trường thông báo Quy định hoạt động nghiên cứu đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H2.02.01.25], [H1.01.02.06]. Ngoài ra Nhà trường thành lập các nhóm nghiên cứu để nghiên cứu các đề tài cấp Thành phố, cấp Bộ [H18.18.02.03]. Các nhóm nghiên cứu hoạt động và triển khai theo quy định hoạt động đã ban hành [H18.18.01.03]. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành có quy định tạo điều kiện cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao theo SM, TN của Trường [H2.02.04.06], [H18.18.01.02].

Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT cùng Viện NCKH và các đơn vị trực thuộc tích cực triển khai các hoạt động hợp tác NCKH và CGCN với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, các trường ĐH trong và ngoài nước [H18.18.02.03]. Nhà trường ký kết nhiều văn bản hợp tác với các đối tác để triển khai các hoạt động NCKH [H18.18.02.04]. Trong giai đoạn 2017 - 2021, CB, GV Nhà trường thực hiện 05 đề tài NCKH cấp Bộ, 01 đề tài NCKH cấp Thành phố [H18.18.02.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường và phục vụ các đề tài NCKH như: Hội nghị, hội thảo ... [H18.18.02.05]. Ngoài ra, Nhà trường giới thiệu các sản phẩm NCKH của GV, SV Nhà trường tại Thư viện Trường và tại Viện NCKH [H18.18.02.06].

Giai đoạn 2019-2023, Nhà trường triển khai các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch hoạt động NCKH đã ban hành [H18.18.01.07], [H2.02.02.06]. Viện NCKH chủ động hỗ trợ Phòng ĐTQLKHHTQT, QLKH, HTQT, phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc triển khai các hoạt động NCKH [H18.18.01.03]. Bên cạnh đó, Phòng HCTH thực hiện đầy đủ việc chi kinh phí cho các hoạt động NCKH theo kế hoạch tài chính đã được phê duyệt [H18.18.01.07], [H18.18.02.01]. Thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm đã được ban hành, Viện NCKH tổ chức xét duyệt, triển khai các đề tài NCKH các cấp, theo dõi tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định Quy định quản lý nhiệm vụ KH-CN của Trường [H18.18.01.07], [H18.18.01.01]. Viện NCKH phối hợp với Phòng HCTH hướng dẫn cụ thể để các chủ nhiệm đề tài NCKH thực hiện quyết toán kinh phí đã được cấp đối với đề tài NCKH cấp trường [H18.18.01.02], [H2.02.04.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Mô tả: Trong chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2014-2020, và KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch hằng năm và kế hoạch năm học của Nhà trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính cụ thể đối với từng lĩnh vực công tác, trong đó có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về số lượng và chất lượng nghiên cứu của Trường [H18.18.01.07]. Bên cạnh đó, trong KHCL giai đoạn 2020-2025 về hoạt động NCKH của Trường, kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm của Trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về số lượng và chất lượng nghiên cứu của Trường [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H18.18.01.07]. Ngoài ra, trong văn bản các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường ban hành năm 2021 có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường trong năm học [H4.04.04.01].

Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với Viện NCKH được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đánh giá kết quả hoạt động NCKH so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH đã xác lập [H18.18.03.01], [H4.04.04.01], [H2.02.02.06]. Cuối mỗi năm học, Phòng ĐTQLKHHTQT và Viện NCKH và các Khoa tổng kết hoạt động NCKH của Trường và

của đơn vị, trong đó đối sánh kết quả hoạt động NCKH so với các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH đã xác định [H2.02.02.04]. Kết quả hoạt động NCKH đồng thời được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.03.03].

Hàng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH đối với các lĩnh vực của Trường, trong đó có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH [H18.18.03.01]. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH của Nhà trường được điều chỉnh qua từng năm và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H18.18.03.01]. Bên cạnh đó, các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH trong KHCL hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2020-2025, được điều chỉnh dựa trên báo cáo tổng kết hoạt động NCKH giai đoạn 2015-2020 [H18.18.01.07], [H2.02.02.06], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu khoa học được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan hàng năm có nội dung khảo sát về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với các Khoa chuyên môn khảo sát ý kiến của GV, cựu SV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.01.04.02].

Kết quả khảo sát ý kiến của GV, cựu SV đánh giá tốt về công tác quản lý NCKH của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý NCKH của Trường [H6.06.04.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường đã đạt nhiều thành tích trong NCKH và được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H12.12.03.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu và triển khai thực hiện, trong đó Phòng DTQLKHHTQT cùng với viện NCKH là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để thực hiện.

- Mỗi liên hệ giữa các đơn vị thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu được thể hiện trong Sơ đồ tổ chức các đơn vị và trung tâm nghiên cứu của Nhà trường.

- Nhà trường ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN, trong đó quy định rõ việc triển khai thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu.

- Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành được gửi đến các đơn vị để thực hiện và thông báo đến CB, GV biết để thực hiện, đồng thời đăng tải trên website của Trường, của Phòng DT, QLKH, HTQT

- Trong chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2014-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có các chỉ tiêu phân đầu chính, các chỉ số thực hiện chính về hoạt động NKCH của Trường.

- Các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động NKCH theo kế hoạch đã ban hành và sử dụng các chỉ tiêu phân đầu chính, các chỉ số thực hiện chính về hoạt động NKCH để đánh giá kết quả thực hiện hoạt động NKCH của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng đề tài NCKH cấp trường tăng dần với tổng số 25. đề tài và nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN.

- Hàng năm, căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, điều chỉnh các KPIs về hoạt động NCKH phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Trường.

- Nhà trường ký kết các văn bản hợp giữa với các trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp và triển khai, tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về NCKH cũng như có các công trình công bố chung.

- Nhà trường chú trọng triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN và đã có được nguồn thu từ hoạt động KHCN.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về công tác quản lý hoạt động NCKH với kết quả đánh giá tốt về công tác quản lý hoạt động NCKH của Trường.

- Nhà trường điều chỉnh các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động NCKH trong KHCL hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2020-2025, kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH của Trường giai đoạn 2021-2023 dựa trên báo cáo tổng kết hoạt động NCKH giai đoạn 2015-2020.

- Trong giai đoạn 2019-2023, nhiều tập thể, cá nhân CB, GV, SV Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã đạt nhiều thành tích trong NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện đề tài NCKH với các đối tác và đem nguồn thu từ NCKH và CGCN cho Trường nhằm tăng nguồn thu của Trường từ hoạt động NCKH và CGCN.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 18

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	5
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Mô tả: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV [H18.18.01.01]. Phòng ĐTQLKHHTQT phân công 01 chuyên viên có nhiệm vụ hỗ trợ CB, GV, SV đăng ký, quản lý và sử dụng tài sản trí tuệ (TSTT) của Nhà trường [H8.08.03.01]. Căn cứ vào các văn bản của Quốc hội, của Chính phủ, của Bộ GDĐT ban hành liên quan đến SHTT nhà

Trường xây dựng Quy chế quản lý SHTT [H19.19.01.01], [H19.19.01.02]. Trong quy định về SHTT do Nhà trường ban hành có quy định về trách nhiệm của các đơn vị, CB, GV, SV trong việc đăng ký, quản lý và sử dụng TSTT của Nhà trường [H19.19.01.02].

Trong Quy chế quản lý SHTT do Nhà trường ban hành có quy định rõ về việc bảo vệ quyền SHTT, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác của CB GV, SV và định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường có nội dung quy định về quản lý hoạt động NCKH của SV [H5.05.01.09]. Nhà trường thông báo Quy chế quản lý SHTT đến các đơn vị để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, SV thực hiện [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Trong Quy chế quản lý SHTT do Nhà trường ban hành, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường có quy định rõ chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu do CB, GV, SV thực hiện [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định rõ mức chi và kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện các đề tài NCKH cũng như công bố các công trình khoa học, các bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước [H2.02.04.06].

Trong Quy chế quản lý SHTT của Nhà trường có quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường có quy định trách nhiệm, quyền lợi của Nhà trường và của CB, GV, SV trong việc khai thác TSTT [H2.02.04.06], [H19.19.01.02]. Trong các hợp đồng xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình của Trường với các nhà xuất bản có điều khoản nêu rõ về bản quyền tác giả và việc phân chia lợi ích từ TSTT là kết quả NCKH cũng được quy định rõ ràng [H18.18.02.03], [H19.19.01.02].

Trong Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H5.05.01.09], [H19.19.01.02]. Các đề tài NCKH của CB, GV, SV Nhà trường sau khi báo cáo và được tổng kết đề tài NCKH được lưu trữ bản cứng, bản mềm ở Phòng ĐTQLKHHTQT và Thư viện Trường [H18.18.02.06]. Hàng năm, Phòng ĐTQLKHHTQT thống kê các đề tài NCKH được nghiệm thu, đồng thời đề xuất các đề tài được đánh giá kết quả tốt để đăng ký quyền SHTT [].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 19.2 Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Mô tả: Trong kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm của Nhà trường đều có nội dung về đăng ký SHTT [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trong Quy chế quản lý SHTT của Trường ban hành nêu rõ yêu cầu các TSTT phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật [H19.19.01.01], [H19.19.01.02]. Trong các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu Phòng ĐTQLKHHTQT chủ trì và phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc phổ biến cụ thể và theo dõi việc thực hiện đăng ký bảo hộ các TSTT theo đúng các quy định của pháp luật [H1.01.01.14]. Nhà trường hiện có một số TSTT đã được cấp Giấy chứng nhận SHTT và một số công trình khoa học đang chờ cấp Giấy chứng nhận SHTT [H19.19.01.03].

Để triển khai thực hiện Quy chế quản lý SHTT, Nhà trường ban hành, hướng dẫn CB, GV, SV các nội dung cụ thể trong văn bản quy định về SHTT của Nhà trường [H19.19.01.02]. Đối với SV, tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, Phòng ĐTQLKHHTQT hướng dẫn SV về Quy chế SHTT của Nhà trường ban hành và tại các buổi sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến đến SV các nội dung cụ thể trong văn bản quy định về SHTT [H1.01.03.04]. Ngoài ra, Quy chế quản lý SHTT của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06].

Phòng ĐTQLKHHTQT thực hiện cập nhật dữ liệu, rà soát các đề tài NCKH theo từng học kỳ [H18.18.02.06]. Bên cạnh đó, Phòng ĐTQLKHHTQT giám sát, hỗ trợ các hợp đồng CGCN và các hợp đồng thương mại hóa TSTT của CB, GV Nhà trường [H19.19.01.03]. Nhà trường thường xuyên yêu cầu và triển khai để CB, GV kê khai giờ khoa học và các công trình khoa học để nhà Trường đánh giá tính giờ hoạt động NCKH [H19.19.01.04]. Trong giai đoạn vừa qua, nhà Trường đã ký kết được hợp đồng thương mại hóa các tài sản trí tuệ với một số đối tác [H18.18.02.03].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Mô tả: Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để thực hiện rà soát công tác quản lý TSTT [H18.18.01.01]. Phòng ĐTQLKHHTQT hợp với các đơn vị trực thuộc, trong đó chủ yếu là các Khoa chuyên môn để rà soát công tác quản lý TSTT của Trường [H18.18.01.07], [H2.02.02.06]. Trên cơ sở đó, năm 2020 và năm 2021, Phòng ĐTQLKHHTQT thực hiện báo cáo rà soát công tác quản lý TSTT của Trường [H19.19.03.01]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc, chủ yếu các Khoa chuyên môn, hàng năm rà soát công tác quản lý TSTT và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa, biên bản họp Khoa [H2.02.02.06], [H5.05.02.04].

Trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hằng năm, Nhà trường luôn đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường [H2.02.02.04]. Bên cạnh đó, đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng ĐTQLKHHTQT và của các Khoa chuyên môn [H2.02.02.06]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐTQLKHHTQT thường xuyên báo cáo kết quả công tác quản lý TSTT của Trường [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, CB, GV, SV Nhà trường không vi phạm quy định về SHTT.

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Mô tả: Căn cứ kết quả rà soát công tác quản lý TSTT, BGH Nhà trường hợp với Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn để xác định các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường [H19.19.03.01]. Các biện pháp cải tiến công tác quản lý

TSTT của Trường được thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện [H2.02.02.06], [H18.18.01.07], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H18.18.01.07]. Các đơn vị trực thuộc triển khai các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường theo kế hoạch đã ban hành [H5.05.02.04].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV hàng năm về hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về công tác quản lý TSTT của Trường với ý kiến của CB, GV Nhà trường thể hiện sự hài lòng về công tác quản lý TSTT của Trường [H1.01.04.03]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện mức độ hài lòng về công tác quản lý TSTT của Trường [H6.06.04.05].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý và bảo hộ SHTT, TSTT nên Nhà trường đã ban hành quy định quản lý hoạt động SHTT trong trường và phân công trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện quy chế SHTT, nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức phổ biến đến CBVC, NV, SV các quy định về SHTT.

- Nhà trường đã quy định cụ thể đối với cá nhân chủ nhiệm đề tài/dự án. Các phát minh, sáng kiến kinh nghiệm, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

- Nhà trường đã được bộ KHCN chứng nhận là đơn vị được quyền tham gia hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đây là một trong những thuận lợi cho CBNV trong việc đăng ký cũng như quản lý SHTT.

- Các sản phẩm khoa học thường xuyên xuất bản để phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và được lưu trữ ở trung tâm thư viện nhà trường.

- Ngoài ý thức tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CBGV và SV của Trường với các sản phẩm SHTT, Trường còn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và chỉ trả xứng đáng khi sử dụng sản phẩm SHTT của cá nhân hoặc tổ chức khác.

- Nhà trường định kỳ tổ chức lớp tập huấn “Bồi dưỡng kiến thức về SHTT cho GV, CBNV” nhằm giúp cho CBGV, NV hiểu sâu hơn giá trị của SHTT.

- Nhằm phát triển NCKH, phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc tham mưu cho Hiệu trưởng những vấn đề liên quan đến công tác NCKH, SHTT, phối hợp với phòng, ban, các khoa liên quan về hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc khai thác TSTT là các phần mềm vẫn còn hạn chế do phạm vi và ứng dụng của nó.
- Các tài sản trí tuệ của Nhà trường chưa được đăng ký SHTT, đánh giá khả năng thương mại các TSTT.

3. Kế hoạch cải tiến:

- Nhà trường sớm rà soát các phần mềm hiện có để tăng cường hiệu quả công tác quản lý, khai thác và sử dụng TSTT.
- Các công trình NCKH của trường sau khi được nghiệm thu sẽ đăng ký quyền SHTT và hợp đồng thương mại hóa các TSTT.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 19

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tư đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	5
Tiêu chí 19.4	5

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Mô tả: Căn cứ văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về quản lý hoạt động đối ngoại, Nhà trường ban hành Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT [H20.20.01.01], [H20.20.01.02]. Trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT của Trường ban hành có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H20.20.01.02]. Nhà trường thông báo Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT của Trường ban hành đến các đơn vị để thực hiện [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Trong chiến của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm có các chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính, các chỉ số thực hiện chính nói chung, trong đó có phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Dựa trên KHCL của Nhà trường giai đoạn 2020-2025, Phong ĐTQLKHHTQT tham mưu Hiệu Trưởng ban hành KHCL hoạt động HTQT hằng năm của Nhà trường, trong đó có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.01.01.13]. Ngoài ra, trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-

2025 có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính phát triển số lượng các đối tác, hợp tác của Trường [H2.02.02.01].

Trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác [H8.08.02.09], [H20.20.01.02]. Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị được giao trách nhiệm chính và phối hợp các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc để phát triển hợp tác và các đối tác của Trường [H18.18.01.01], [H20.20.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường khuyến khích các CB, GV tham gia có trách nhiệm kết nối, giới thiệu về Trường nhằm phát triển các hợp tác, đối tác của Trường và thể hiện rõ trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT [H20.20.01.02]. Các văn bản quy định về hoạt động HTQT được Nhà trường công bố công khai trên website của Trường và phổ biến đến CB, GV, SV trong toàn trường [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc triển khai thực hiện phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu nhằm đạt được các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính đã xác định [H20.20.01.02]. Hàng năm, Phòng ĐTQLKHHTQT rà soát, tổng kết kết quả hoạt động hợp tác, đối tác của Nhà trường nói chung và hợp tác, đối tác trong nghiên cứu nói riêng và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường tích cực phát triển hợp tác, đối tác và ký kết 06 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện [H20.20.01.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Mô tả: Trong đề án phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 kế hoạch năm học hàng năm có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Nhà trường gửi KHCL, kế hoạch năm học đến các đơn vị để thực hiện, trong đó tập trung phát triển các hợp tác, đối tác nói chung và các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu nói riêng [H4.04.01.05], [H1.01.01.12], [H2.02.01.25]. Tại các cuộc họp giao ban với các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai phát triển các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với viện NCKH và các Khoa chuyên môn để thực hiện [H1.01.01.14], [H18.18.01.01]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐTQLKHHTQT, Viện NCKH và các Khoa chuyên môn triển khai nhiều hoạt động với các đối tác, hợp tác đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu, trao đổi SV, trao đổi học thuật - văn hóa, tiếp nhận tình nguyện viên, hợp tác tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề [H20.20.02.01].

Trong nội dung họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, có triển khai việc lựa chọn các đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp với SM, TN của Trường [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường xác định tập trung lựa chọn đối tác và hợp tác nghiên cứu với các trường đại học ở các quốc gia: Nga, Trung Quốc,... [H20.20.01.03]. Nhà trường cử người liên hệ với đối tác nước ngoài để đề xuất hoạt động, cử CB, GV sang thăm và đề xuất hợp tác, đề nghị ký MOU, MOA với Trường

[H8.08.02.09], [H20.20.02.01]. Nhà trường cử nhiều CB, GV, NV tham gia học tập sau đại học ở nước ngoài cũng như tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài như: Nga, Trung Quốc,... [H20.20.02.02]. Nhà trường thường xuyên cử CB, GV tham dự tập huấn nghiệp vụ, chuyên môn [H2.02.04.04]. Trong hoạt động hợp tác đào tạo, Nhà trường cử nhiều CB, GV đi đào tạo ngắn hạn tại Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc [H20.20.02.03].

Trong hoạt động NCKH, Nhà trường ký hợp tác với các địa phương trên cả nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu, bệnh viện để triển khai các đề tài NCKH [H20.20.01.03]. CB, GV Nhà trường hợp tác thực hiện nhiều đề tài với các đối tác [H18.18.02.02], [H18.18.02.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường phối hợp với các đối tác trong nước tổ chức hội nghị, hội thảo, trong đó có các hội nghị, hội thảo toàn quốc [H20.20.02.05]. Nhà trường tích cực hợp tác với các Trường ĐH, các cơ sở đào tạo, các tổ chức quốc tế nhằm triển khai hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực như: hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu, trao đổi SV, trao đổi học thuật, trao đổi văn hóa, tiếp nhận tình nguyện viên, hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề trong và ngoài nước [H20.20.01.03].

Trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường ban hành luôn có quy định về việc dành kinh phí, chi phí cho hoạt động tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến tham quan và làm việc tại Trường [H2.02.04.06]. Việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với Nhà trường luôn thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư 01/2010/TT-BTC ngày 6/1/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam [H20.20.01.01]. Nhà trường luôn dành kinh phí và áp dụng các chế độ hỗ trợ CB, GV, SV tham dự hội thảo, các cuộc thi, khóa tập huấn ngắn hạn ở nước ngoài nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển các hợp tác, đối tác nghiên cứu [H20.20.02.05]. Ngoài ra, Nhà trường bố trí nhân sự chuyên trách về HTQT của Phòng ĐTQLKHHTQT [H18.18.01.01].

Nhà trường chủ động mời các chuyên gia nước ngoài đến trường làm việc, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học do Trường tổ chức hoặc đồng tổ chức [H8.08.02.09]. Thông qua hội thảo, GV Nhà trường có cơ hội tiếp xúc với các GV, giáo sư các trường ĐH trong nước và ngoài nước để trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm, tìm kiếm học bổng và cơ hội hợp tác nghiên cứu [H20.20.01.03]. CB, GV của Trường tích cực trong các hoạt động NCKH và nhiều bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học quốc tế [H20.20.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức hội nghị, hội thảo, trong đó có các hội nghị, hội thảo quốc tế [H20.20.02.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Mô tả: Trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có quy định về quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác nghiên cứu [H20.20.01.02]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Trường; kiểm tra, giám sát tiến độ các đề tài, dự án NCKH, đặc biệt đối với các dự án có sự hợp tác với các đối tác trong nước và ngoài nước [H18.18.01.01]. Phòng ĐTQLKHHTQT phân công 01 chuyên viên của Phòng giám sát, báo cáo hoạt động hợp tác trong nghiên cứu của toàn trường

[H18.18.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho 01 thành viên BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH chịu trách nhiệm rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Khoa [H18.18.01.01].

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT có nội dung rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể của Trường làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Trên cơ sở đó, cuối mỗi năm học, Phòng ĐTQLKHHTQT rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu, các công trình khoa học đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường [H2.02.02.06]. Kết quả rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng và của các Khoa chuyên môn [H2.02.02.04]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn báo cáo hiệu quả của các hợp tác về tài chính, cơ sở vật chất, rà soát về số lượng hợp tác, số hội thảo, số đoàn vào, đoàn ra, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước [H1.01.01.14].

Hàng năm, BGH Nhà trường chỉ đạo Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với các đơn vị trực thuộc triển khai rà soát hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác chiến lược của Trường [H1.01.01.14]. Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với các Khoa chuyên môn thống kê hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm, Nhà trường luôn đánh giá về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác chiến lược của Trường [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá về hoạt động hợp tác của Trường và kết quả đạt được về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH [H2.02.02.01]. Ngoài ra, ý kiến khảo sát CB, GV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Mô tả: Trên cơ sở thực tiễn hợp tác với các đối tác và định hướng trong công tác ĐT, NCKH, nhà trường có kế hoạch triển khai với các đối tác cụ thể như: Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, ... [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H4.04.01.05]. BGH Nhà trường hợp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để xác định các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối [H1.01.01.14]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến các mối quan hệ trong nghiên cứu để nâng cao hiệu quả đạt được từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác và phân công trách nhiệm cho các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa có các nội dung phát triển hợp tác, phát triển đối tác trong nghiên cứu [H1.01.01.13].

Các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc có trách nhiệm phát triển hợp tác, phát triển đối tác trong nghiên cứu của Nhà trường, trong đó

Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai phát triển đối tác và nâng cao hiệu quả hợp tác trong NCKH của Nhà trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H18.18.01.01]. trong những năm vừa qua Nhà trường ký kết văn bản hợp tác với một số Trường ĐH, các doanh nghiệp trong nước và ký kết văn bản hợp tác với các trường ĐH, học viện, các doanh nghiệp ngoài nước [H20.20.01.03].

Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. CB, GV của Nhà trường đã thực hiện nhiều đề tài NCKH trong đó có sự tham gia, hợp tác của các đối tác bên ngoài Trường [H12.12.03.03]. Bên cạnh đó, CB, GV của Nhà trường đã công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và ngoài nước, xuất bản nhiều sách và giáo trình với sự hợp tác, tham gia của các đối tác bên ngoài Trường [H8.08.02.16]. Nhà trường đã phối hợp với các trường ĐH, các doanh nghiệp tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học các cấp, trong đó có hội nghị, hội thảo quốc tế [H20.20.02.04].

Thông qua các hoạt động hợp tác, trong giai đoạn 2019-2023 có nhiều lượt CB, GV Nhà trường đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước, trong đó có CB, GV đạt được học vị TS và CB, GV đạt được học vị ThS ở nước ngoài [H2.02.04.04], [H8.08.02.08]. Bên cạnh đó, nhiều SV của Nhà trường được cử tham dự các khóa tập huấn trong và ngoài nước [H8.08.02.08]. Nhà trường đón tiếp nhiều đoàn khách quốc đến tham quan và làm việc tại Trường [H8.08.02.09]. Nhà trường có nhiều SV được nhận học bổng tài trợ bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước [H13.13.05.02]. Kết quả hoạt động hợp tác và đối tác của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm, báo cáo Hội nghị CB, CC, VC hàng năm của Trường, của Đoàn Thanh niên, [H2.02.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.03.03].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn về đối ngoại và HTQT của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, UBND TPHCM, Nhà trường ban hành Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT, trong đó có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

- Trong quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường ban hành có quy định về lựa chọn đối tác hợp tác, trong đó thể hiện các bước cụ thể từ khâu tìm kiếm thông tin về các đối tác, hợp lựa chọn đối tác, tiến hành liên hệ, ký kết hợp tác với các đối tác.

- Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm có các chỉ tiêu phấn đấu chính, các chỉ số thực hiện chính nói chung, trong đó có phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu.

- Trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT do Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác.

- Nhà trường khuyến khích các CB, GV tham gia có trách nhiệm kết nối, giới thiệu về trường nhằm phát triển các hợp tác, đối tác của Trường và thể hiện rõ trong Quy định quản lý công tác đối ngoại và HTQT, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ban hành.

- Các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc của Nhà trường tích cực phối hợp và triển khai phát triển hợp tác, đối tác trong nghiên cứu với kết quả trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường ký kết ... bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài và triển khai thực hiện.

- Hàng năm, Nhà trường rà soát, tổng kết kết quả hoạt động hợp tác, đối tác của Trường nói chung và hợp tác, đối tác trong nghiên cứu nói riêng.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến, tăng cường hoạt động hợp tác, đối tác trong nghiên cứu, đặc biệt là với các đối tác nước ngoài.

- Số lượng các hợp tác, đối tác trong nghiên cứu của Nhà trường tăng qua từng năm và đến nay, Nhà trường đã ký kết ... văn bản hợp tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp của ... quốc gia, đó là Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan.

- Trong giai đoạn 2019-2023, hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động nghiên cứu đã đạt được các kết quả đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đề ra và mang lại nguồn thu cho Trường thông qua hoạt động hợp tác, đối tác.

- Ý kiến khảo sát của CB, GV thể hiện sự hài lòng về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH và từ các đối tác của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa phát huy hết nguồn nhân lực tham gia hoạt động HTQT ở các đơn vị trực thuộc trường.

Trong quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Trường ban hành quy định về lựa chọn đối tác hợp tác trong HTQT, NCKH cần cụ thể hóa.

CSVN, trang thiết bị, kinh phí phục vụ cho HTQT, NCKH còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tăng cường tổ chức các khóa BD ngoại ngữ, trong đó chú trọng phát triển kỹ năng tiếng Anh cho CB, GV thực hiện hoạt động HTQT ở các đơn vị trực thuộc, đồng thời phát huy năng lực HTQT của CB, GV đã hoàn thành đào tạo sau đại học ở nước ngoài.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 20

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn sứ mạng của cơ sở giáo dục

Mô tả: Trong nội dung Nghị quyết của Đảng ủy, hàng năm luôn có nội dung chỉ đạo BGH Nhà trường và các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.02.03], [H1.01.01.14], [H2.02.02.01], [H2.02.02.04]. Trong Đề án phát triển Trường giai đoạn 2014-2020, và KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm luôn có chính sách và tập trung triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H1.01.02.03], [H4.04.01.05]. Căn cứ kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường, các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể xác định các nội dung về kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và thể hiện trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.01.01.13]. Ngoài ra, các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể xây dựng các kế hoạch cụ thể để triển khai các hoạt động kết nối kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H1.01.01.13].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Nhà trường ban hành Quy định quản lý các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Trong quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, trong đó BGH Nhà trường quản lý chung về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường, các đơn vị trực thuộc triển khai và tự quản lý các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, Ban Thanh tra Nhân dân, giám sát việc thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường và các đơn vị trực thuộc [H5.05.01.01]. Nhà trường thông báo quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường ban hành đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến CB, GV, NV, SV thực hiện [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó có thực hiện xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, trong Quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong việc xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H5.05.01.12]. Theo đó, Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H17.17.01.01], [H5.05.01.12]. Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các khoa chuyên môn để triển khai các hoạt động ĐT đối với cộng đồng và phối hợp với các khoa để triển khai các hoạt động nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp, các địa phương, các tổ chức xã hội,... [H18.18.01.01], [H5.05.01.12]. Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì và phối hợp và với các đơn vị, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV để triển khai các hoạt động cộng đồng [H17.17.01.01], [H5.05.01.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Mô tả: Nhà trường thông báo Đề án phát triển Trường giai đoạn 2014-2020 và KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm, trong đó có kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ, quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện và phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV và SV thực hiện [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Tại các cuộc họp giao ban với các đơn vị, BGH Nhà trường phổ biến, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc triển khai kế hoạch, chính sách kết nối và PVCĐ đã xác định [H1.01.01.14]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCĐ cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động kết nối và PVCĐ [H4.04.02.01], [H7.07.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiều chính sách kết nối và PVCĐ như: liên kết giảng dạy GDTC với các trường Đại học: Đại học Quốc tế, Đại học Công nghệ thông tin, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, nâng cao trình độ huấn luyện viên hạng 2, 3, giảng dạy trường PTNK Olympic,... [H7.07.01.06]. CB, GV Nhà trường thực hiện các đề tài NCKH và các dự án cho các địa phương, sở, ban, ngành, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phục vụ xã hội [H12.12.03.03]. CB, GV Nhà Trường Là HLV các đội tuyển, các CLB chuyên nghiệp và tham gia lực lượng trọng tài quốc gia [H21.21.02.01]. Công đoàn Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, quỹ vì người nghèo, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, kế hoạch tặng quà Tết cho người nghèo, trẻ em mồ côi [H21.21.02.02]. Đoàn TN và Hội SV Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động PVCĐ như: Chiến dịch mùa hè xanh, xuân tình nguyện, tiếp sức mùa thi, tổ chức các ngày Lễ cho các em thiếu nhi, giúp đỡ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Ngày hội hiến máu nhân đạo,... [H21.21.02.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, tổng thu từ các hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường góp phần không nhỏ vào nguồn thu của nhà Trường [H7.07.01.04].

Trong quá trình xây dựng văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, Nhà trường tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL và các văn bản khác của pháp luật, đồng thời tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc [H5.05.01.12], [H1.01.01.04]. Tại cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để thông qua văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, các thành viên dự họp chú trọng và xem xét sự tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và CB, GV, NV, SV trong giai đoạn 2019-2023 đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động kết nối và PVCĐ như: Cờ thi đua, bằng khen, giấy chứng nhận, ... [H1.01.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Mô tả: Trong Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ [H5.05.01.12]. Bên cạnh đó, trong Đề án phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và KHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động kết nối và

PVCĐ [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Trong văn bản ban hành các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường có các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.13]. Tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ nhằm đạt được các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính về hoạt động kết nối và PVCĐ, đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng HCTH sử dụng các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường hàng năm [H1.01.01.14], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Phòng CTHS,SV là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL cấp trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng [H17.17.01.01]. Phòng CTHS,SV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật CSDL của toàn trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng [H17.17.01.01]. CSDL của Nhà trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: kế hoạch, các bên tham gia, các đóng góp cho xã hội, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao,... thông qua các hoạt động PVCĐ [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc tham gia thực hiện các hoạt động PVCĐ đồng thời lưu trữ dữ liệu về kết quả thực hiện và cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học gửi dữ liệu về Phòng CTHS,SV để cập nhật CSDL của Nhà trường và xét khen thưởng [H15.15.04.01].

Phòng CTHSSV, Ban Thanh tra nhân dân, được phân công trách nhiệm giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường [H2.02.02.06], [H5.05.03.02]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng CTHSSV và của Ban TT nhân dân Nhà trường, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.06], [H5.05.03.02]. Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban, lãnh đạo các đơn vị báo cáo BGH Nhà trường kết quả thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để lãnh đạo Trường theo dõi, giám sát [H1.01.01.14].

Kết thúc năm học, các đơn vị trực thuộc triển khai đánh giá kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ do đơn vị thực hiện và gửi về Phòng CTHSSV để tổng hợp [H2.02.02.06]. Phòng CTHSSV đối sánh kết quả các hoạt động kết nối và PVCĐ so với chỉ số đánh giá các hoạt động kết nối và PVCĐ trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành [H2.02.02.06]. Kết quả và hiệu quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của Phòng CTHSSV và của các đơn vị trực thuộc cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.06], [H2.02.02.06]. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 có đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ giai đoạn 2015-2020 và xác định các biện pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ giai đoạn 2020-2025 [H2.02.02.01]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường chi kinh phí cho các hoạt động kết nối và PVCĐ là rất lớn và tổng thu từ các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường cũng góp phần không nhỏ vào ngân sách của Trường [H4.04.02.01], [H7.07.01.04]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.02.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mô tả: Trong Đề án phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020 và CHCL giai đoạn 2020-2025, kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường thể hiện rõ kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, kế hoạch cung cấp các hoạt động kết nối và PVCĐ thể hiện trong kế hoạch năm học của các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể [H1.01.01.13]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho việc triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H4.04.02.01]. Trong quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường và quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng [H1.01.01.08].

Kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.03.03], [H2.02.02.04]. Tại các cuộc họp giao ban với các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng theo kế hoạch [H1.01.01.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng như: tăng cường đầu tư CSVC và trang thiết bị phục vụ tốt việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ; tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn về TDTT, tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ cho các cơ quan, cá nhân,... [H7.07.01.06], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03]. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 có đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ giai đoạn 2015-2020 và xác định các biện pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ giai đoạn 2020-2025 [H2.02.02.01].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm có khảo sát CB, GV về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường với trên 80% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện sự hài lòng đối với kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H6.06.04.05]. Ngoài ra, ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21*****1. Tóm tắt các điểm mạnh***

- Trong Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT hàng năm luôn có nội dung chỉ đạo BGH Nhà trường và các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động kết nối và PVCD.

- Các kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường được thể hiện trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm.

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Nhà trường ban hành Quy định quản lý các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, cụ thể BGH Nhà trường quản lý chung về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường, các đơn vị trực thuộc triển khai và tự quản lý các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Các đơn vị trực thuộc Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để góp phần đạt được sứ mạng, tầm nhìn đã xác định.

- Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động kết nối và PVCD cũng như đầu tư CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động kết nối và PVCD với kinh phí trong giai đoạn 2019-2023 là 850.000.000 đồng.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường và các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiều chính sách kết nối và PVCD và tổng thu từ các hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường là 300.000.000 đồng.

- Trong quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường ban hành có các chỉ số để đo lường hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD.

- Nhà trường sử dụng các chỉ số đo lường hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Trường và của các đơn vị trực thuộc.

- Kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm.

- CSDL của Nhà trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: kế hoạch, các bên tham gia, các đóng góp cho xã hội, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao,... thông qua các hoạt động PVCD được xây dựng, cập nhật thường xuyên.

- Trong giai đoạn 2019-2023, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng của Nhà trường thực hiện luôn đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và CB, GV, NV, SV trong giai đoạn 2019-2023 đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng trong hoạt động kết nối và PVCD.

- Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 có đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD giai đoạn 2015-2020 và xác định các biện pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD giai đoạn 2020-2025.

- Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng với trên 80% ý kiến hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

- Nhà trường triển khai lấy ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức với kết quả thể hiện sự hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nguồn thu từ hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường chưa tương xứng với nguồn lực của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường đa dạng hóa các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD nhằm tăng cường nguồn thu từ hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 21

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22 Kết quả đào tạo

TC 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/ học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Phòng ĐT là đơn vị xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H1.01.01.08], [H2.02.03.03]. Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Phòng ĐT đang triển khai phần mềm quản lý ĐT để thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của SV toàn trường và của từng CTĐT [H2.02.04.07], [H9.09.04.03]. Phòng ĐT gửi báo cáo BGH Nhà trường kết quả tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của năm học trước và gửi đến các Khoa chuyên môn để tham khảo và xác định tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của SV các lớp chuyên ngành do Khoa đang quản lý [H2.02.02.06], [H15.15.04.01], [H22.22.01.01]. Thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học của tất cả các CTĐT [H14.14.03.01]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa chuyên môn thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H2.02.01.25]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.02.06].

Phòng ĐT báo cáo BGH tiến trình học tập của SV bao gồm thông tin người học, kết quả học tập, thời khóa biểu, đăng ký học phần, SV đủ điều kiện tốt nghiệp, SV bị cảnh báo học vụ [H2.02.02.06]. Ngoài ra, Phòng ĐTQLKHHTQT theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại, ... [H15.15.04.01]. Định kỳ từng học kỳ, Phòng ĐT báo cáo số liệu về kết quả học tập của SV toàn trường đến BGH và gửi thông báo đến các đơn vị trực thuộc [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, Phòng ĐT triển khai phần mềm quản lý đào tạo để giám sát quá trình quản lý đào tạo [H9.09.04.03], Phòng CTHSSV triển khai để các Khoa chấm điểm rèn luyện của SV và trên cơ sở đó chấm kết quả rèn luyện của SV toàn Trường [H15.15.04.01]. Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của các CTĐT do Khoa quản lý để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học [H2.02.02.06].

Kết thúc mỗi học kỳ và mỗi năm học, Các Khoa chuyên môn tiến hành đối sánh tỷ lệ SV (Chính quy) tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học của Khoa [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, Phòng ĐTQLKHHTQT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần thực tế so với tỷ lệ của năm học trước [H2.02.02.06]. Ngoài ra, Phòng ĐTQLKHHTQT còn đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của các CTĐT tương ứng của Trường ĐHTDTT TPHCM và giữa các CTĐT của Nhà trường [H22.22.01.01], [H22.22.01.02]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn để có các biện pháp cải tiến chất lượng [H22.22.01.03].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường, Phòng ĐTQLKHHTQT chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H2.02.02.06], [H22.22.01.01]. Các biện pháp cải tiến chất lượng được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng ĐT, của các Khoa chuyên môn và các đơn vị luôn có các biện pháp nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại học phần [H1.01.01.13]. Nhà trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Nhà trường [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường xây dựng và ban hành các CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường [H14.14.01.02], [H14.14.01.04]. Trong nội dung các CTĐT đã được phê duyệt và ban hành đều thể hiện thời gian tốt nghiệp trung bình của người học là 4 năm và tối đa là 8 năm (Đối với VDV có quyết định chế độ học 8 năm) [H14.14.01.04]. Các CTĐT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường, của Phòng ĐT và gửi đến các Khoa để thông báo, phổ biến đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H1.01.02.06], [H2.02.01.25]. Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị thuộc và trực thuộc để theo dõi và thực hiện [H14.14.03.01], [H1.01.01.13]. Phòng ĐT tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT và thể hiện trong phụ lục kế hoạch đào tạo năm học, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình của SV của tất cả các CTĐT [H2.02.02.06], [H1.01.01.13]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa chuyên môn thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện [H2.02.01.25]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.02.06].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTHSSV, các Khoa chuyên môn theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ở các CTĐT của Nhà trường [H15.15.04.01]. Trong BGH Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng quản lý công tác đào tạo, trong đó chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H3.03.01.04]. Phòng ĐTQLKHHTQT phân công nhiệm vụ cho 01 chuyên viên theo dõi một Khóa, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo kết quả giám sát định kỳ từng học kỳ, từng năm học [H8.08.01.02]. Kết quả theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn để từ đó có các biện pháp cải tiến chất lượng nhằm giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H2.02.02.06], [H15.15.04.01], [H2.02.01.25].

Kết thúc từng học kỳ, Phòng ĐTQLKHHTQT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, Phòng ĐTQLKHHTQT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước [H22.22.01.01]. Ngoài ra ĐTQLKHHTQT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của Trường ĐHTDTT TP HCM và giữa các CTĐT của Nhà trường [H22.22.01.01]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn để có các biện pháp cải tiến chất lượng [H22.22.01.02], [H22.22.01.02], [H2.02.02.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, thời gian tốt nghiệp trung bình các CTĐT trình độ Đại học chính quy là 4,5 năm [H2.02.02.06], [H22.22.01.02], [H22.22.01.02].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của Nhà trường, Phòng ĐTQLKHHTQT chủ trì và phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của các đơn vị trực thuộc [H1.01.01.13].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo của Nhà trường [H1.01.01.08] [H2.02.03.03], [H18.18.01.01]. Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện [H1.01.01.13], [H14.14.03.01]. Phòng CTHSSV thống kê tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở các CTĐT [H22.22.01.01], [H22.22.03.01]. Phòng CTHSSV gửi báo cáo BGH Nhà trường kết quả tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở các CTĐT của năm học trước và gửi đến các Khoa chuyên môn để tham khảo và xác định tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở các CTĐT do Khoa đang quản lý [H2.02.01.25]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐTQLKHHTQT tổng hợp tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở các CTĐT và thể hiện trong phụ lục kế hoạch đào tạo năm học, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng ĐTQLKHHTQT trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó có dự đoán tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ở các CTĐT [H1.01.01.13], [H22.22.03.01]. Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và các Khoa chuyên môn thông báo đến CB, GV, SV, Học viên, NCS biết để thực hiện [H2.02.01.25]. Ngoài ra, kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn [H1.01.02.06].

Phòng CTHSSV là đơn vị được BGH Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H1.01.01.08], [H2.02.03.03], [H17.17.01.01]. Phòng CTHSSV phân công 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H17.17.01.01]. Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn, đồng thời được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06].

Trong giai đoạn 2019-2023, tỷ lệ có việc làm sau 1 năm của SV tốt nghiệp các CTĐT của Nhà trường là ...% []. Trong đó, tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo sau 1 năm của SV tốt nghiệp các CTĐT của Nhà trường là ...% []. Các CTĐT có SV tốt nghiệp có việc làm chiếm tỷ lệ cao là: HLTT, GDTC, QLTT []. Bên cạnh đó, tỷ lệ có việc làm sau 3 năm của SV tốt nghiệp các CTĐT của Nhà trường là ...% []. Trong đó, tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo sau 3 năm của SV tốt nghiệp các CTĐT của Nhà trường là ...% [].

Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTHSSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H1.01.01.13], [H1.01.01.04].

Bên cạnh đó, Phòng CTHSSV tiến hành đối sánh tỷ lệ tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT tương ứng của Trường ĐHTDTT TPHCM và giữa các CTĐT của Nhà trường [H1.01.01.04]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Nhà trường được báo cáo BGH Nhà trường và gửi đến các Khoa chuyên môn để có các biện pháp cải tiến chất lượng [H2.02.01.25].

Phòng CTHSSV và Khoa có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện [H2.02.02.06], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, các nội dung hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng CTHSSV và của các Khoa chuyên môn [H1.01.01.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H2.02.04.04], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí: 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Theo Quy định về việc khảo sát các bên liên quan của nhà Trường đã được ban hành, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan đến từng đối tượng khảo sát để xây dựng kế hoạch và phối hợp các Phòng chức năng, khoa chuyên môn triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H1.01.04.01], [H1.01.04.02].

Phòng CTHSSV là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu các khoa chuyên môn đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT do khoa quản lý [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các đơn vị trực thuộc tiến hành báo cáo thông tin phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường [H1.01.01.14]. Phòng CTHSSV tổng hợp báo cáo của các đơn vị trực thuộc và kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, gửi báo cáo BGH Nhà trường và thông báo đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến đến CB, GV, NV và SV [H1.01.01.04], [H2.02.01.25].

Căn cứ kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường, Phòng KTĐBCLGD phối hợp với các Khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của cựu SV và đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường kết hợp khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát trực tuyến

[H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể của Trường thường xuyên thu thập, tổng hợp các tin bài đánh giá về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H22.22.04.01].

Trong kế hoạch hằng năm của các Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng HCTH, Phòng CTHSSV và các khoa có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.01.01.13], [H1.01.04.01]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị có liên quan, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị CB, CV, VC hàng năm [H1.01.01.04], [H2.02.02.04], [H1.01.03.03]. Tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các Khoa chuyên môn báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H1.01.01.14].

Các Phòng, Khoa liên quan đến các đối tượng khảo sát chịu trách nhiệm đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp giữa các CTĐT của Nhà trường [H22.22.04.02]. Các khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H22.22.04.02].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường, Phòng CTHSSV phối hợp với các Khoa chuyên môn đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H1.01.01.04], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14], [H22.22.04.02]. Bên cạnh đó, các nội dung cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường được thể hiện trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng CTHSSV và của các Khoa chuyên môn [H1.01.01.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp tiến để nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường như: tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,.. [H2.02.04.04], [H7.07.03.02], [H7.07.03.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện sự hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường triển khai để các đơn vị thuộc, trực thuộc, chủ yếu là các Khoa chuyên môn phối hợp để phân tích, dự đoán tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo năm học, trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và

mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Nhà trường gửi kế hoạch đào tạo năm học đến các đơn vị để thực hiện và thông báo đến CB, GV, SV biết để thực hiện, đồng thời kế hoạch đào tạo năm học được đăng tải công khai trên website của Trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và các Khoa chuyên môn.

- Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể, ban hành các văn bản quy định và triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan về tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp cũng như thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả CTĐT của Trường.

- Hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Trường và thông báo kết quả khảo sát đến các đơn vị trực thuộc để từ đó áp dụng các biện pháp cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhà trường triển khai theo dõi, giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Nhà trường thường xuyên thu thập, tổng hợp các tin bài đánh giá về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan, Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Các biện pháp cải tiến đã góp phần tích cực nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học, rút ngắn thời gian trung bình để tốt nghiệp, tăng cường sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường.

- Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp các CTĐT của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên thời gian tốt nghiệp trung bình cao hơn so với thời gian dự kiến.

Việc khảo sát ý kiến cựu SV và NTD được thực hiện chưa đồng bộ; số phiếu thu về còn thấp. Việc khảo sát, thu thập dữ liệu ý kiến đánh giá của cựu SV, NTD về CTĐT và CDR đã được triển khai trong vài năm trở lại đây, tuy nhiên kết quả thu lại được còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT để tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng nhằm rút ngắn thời gian trung bình tốt nghiệp, đồng thời chủ động các biện pháp quản lý đào tạo theo hình thức trực tuyến SV có thể tốt nghiệp đúng hạn.

Xây dựng đội ngũ tư vấn viên hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.

Tổ chức các buổi gặp mặt cựu SV, NTD các tỉnh trên toàn quốc nhằm xây dựng chặt chẽ mạng lưới cựu SV, NTD của Trường, đây là cơ sở triển khai nhanh chóng và hiệu quả công tác điều tra cựu SV và DN về CDR của CTĐT

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 22

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	5
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm, khâu then chốt của toàn bộ chiến lược phát triển Trường Đại học TDTT TPHCM. Để xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng sứ mạng phát triển của Nhà trường, Trường Đại học TDTT TPHCM đã xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường đến 2020 và tầm nhìn đến 2025 [H1.01.01.03], [H4.04.01.05]. Nhà trường có cơ chế khuyến khích và bắt buộc cán bộ giảng dạy tham gia công tác NCKH thể hiện trong Quy định chế độ làm việc đối với GV do Nhà trường ban hành năm 2019 và chỉnh sửa bổ sung năm 2021 bao gồm nhiệm vụ của CB, GV, thời gian giảng dạy, thời gian cho hoạt động NCKH và các hoạt động khác có liên quan [H5.05.01.07], [H5.05.01.09]. Trong quy định chế độ làm việc đối với GV của Nhà trường có nêu cụ thể về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của GV trong Trường như: (i) Biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo; (ii) Bài báo, báo cáo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; (iii) Đề tài NCKH các cấp; (iv) Hướng dẫn SV NCKH các cấp; hướng dẫn SV làm luận văn tốt nghiệp [H5.05.01.07], [H5.05.01.09]. Các hoạt động NCKH của GV được quy định, đánh giá thông qua việc quy đổi thành giờ chuẩn và giám sát, đánh giá hàng năm [H19.19.01.04]. Nhà trường thông báo Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định về tổ chức và quản lý công tác NCKH cho cán bộ - giảng viên đến các đơn vị để phổ biến CB, GV thực hiện [H2.02.01.25]. Đồng thời, Quy định chế độ làm việc đối với GV được đăng tải trên website của Trường [H1.01.02.06].

Nhà trường phân công Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của CB, GV, NV [H2.02.03.03],

[H1.01.01.08], [H18.18.01.01]. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV toàn trường [H18.18.01.01]. Chuyên viên của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp kết quả NCKH của GV toàn trường dựa trên báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc và xây dựng CSDL về kết quả NCKH của GV toàn trường [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, các Khoa chuyên môn đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV của Khoa. Cuối mỗi năm học, các Khoa chuyên môn báo cáo kết quả thực hiện NCKH của đội ngũ GV về Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế để cập nhật CSDL cấp trường [H19.19.01.04]. Trong giai đoạn vừa qua, GV Nhà trường thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp được đánh giá cao [H8.08.02.16], [H19.19.01.03], [H18.18.01.05].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường [H18.18.01.01], [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng NCKH của GV Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Cuối năm học, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế đánh giá và thực hiện đối sánh kết quả NCKH của từng GV Nhà trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV phải thực hiện [H19.19.01.04]. Trong trường hợp GV không đảm bảo về số giờ NCKH sau khi quy đổi phải đạt được theo loại hình, số lượng và chất lượng NCKH đã được Nhà trường quy định thì sẽ bị xử lý về thi đua khen thưởng [H5.05.01.07], [H5.05.01.09]. Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế tiến hành đối sánh kết quả NCKH của GV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.12], [H19.19.01.04].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của GV Nhà trường đạt được, BGH Nhà trường sẽ họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H1.01.01.12], [H2.02.02.06], [H19.19.01.04]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và của các Khoa chuyên môn có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV [H1.01.01.12]. Nhà trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV [H2.02.04.06]. Nhiều GV của Nhà trường được nhận hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động NCKH [H12.12.03.04].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Tham gia NCKH là một trong những nhiệm vụ và quyền lợi của sinh viên Trường Đại học TDTT TDTTTPHCM [H23.23.02.01]. Nhà trường xác định một trong những giải pháp cần thực hiện để đảm bảo chất lượng đào tạo là có quy định, cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sớm được tham gia vào công tác nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cụ thể như Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV [H1.01.01.13], [H23.23.02.02], [H23.23.02.03]. Các hình thức NCKH của sinh viên được thể hiện qua việc tham gia Khoá luận tốt nghiệp, thực hiện đề tài NCKH sinh viên, viết bài đăng trên các ấn phẩm NCKH, tham gia câu lạc bộ NCKH sinh viên, thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học các cấp và các hoạt động KHCN khác trong nước, tham gia các giải thưởng, cuộc thi dành cho sinh viên các trường chuyên ngành TDTT hàng năm [H23.23.02.04], [H23.23.02.05], [H23.23.02.06]. Trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H23.23.02.02]. Ngoài ra, trong tiêu chuẩn của “Sinh viên 5 tốt” có quy định về việc tham gia NCKH của SV [H23.23.02.03].

Từ năm 2017-2020, bộ phận QLKH ở Viện NCKH & CNTT có kế hoạch triển khai các NCKH sinh viên và Phòng Đào tạo triển khai kế hoạch KLTN cho các sinh viên theo quy trình cụ thể đối với từng loại hình [H1.01.01.13]. Đối với học viên sau đại học, việc thực hiện các hoạt động NCKH để hoàn thành luận văn tốt nghiệp là bắt buộc [H14.14.01.04]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng ban hành Quy trình đánh giá luận văn thạc sĩ với các hướng dẫn, biểu mẫu rõ ràng [H23.23.02.07]. Các đề tài NCKH của học viên sau đại học được bộ phận SDH chủ trì xét duyệt, thành lập hội đồng đánh giá và lưu trữ hồ sơ [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H2.02.04.01]. Các khoá luận của sinh viên đại học được lưu trữ hồ sơ tại các Khoa [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H2.02.04.01]. Từ 2021, Nhà trường phân công Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của người học trong Nhà trường [H1.01.01.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, sv nhà trường thực hiện nhiều đề tài NCKH được đánh giá cao như: khảo sát sự hài lòng của nữ khách hàng về chất lượng dịch vụ tại CLB bơi lội đại Đồng quận Bình Thạnh Thành Phố Hồ Chí Minh; Nghiên cứu đánh giá hiệu quả việc ứng dụng phần mềm chessbase 13 trong huấn luyện trực tuyến giai đoạn tàn cuộc cho vận động viên năng khiếu cờ vua lứa tuổi 10 – 11; Nghiên cứu hiệu quả của bài tập yoga đến một số chỉ tiêu chức năng sinh lý sau 3 tháng tập luyện của nữ học viên yoga tại câu lạc bộ September yoga studio quận Gò Vấp .. [H23.23.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT, QLKH&QHQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về chất lượng NCKH của SV Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Cuối năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, SV về chất lượng NCKH của SV của Trường [H1.01.01.04]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng nghiên cứu của SV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Phòng ĐTQLKHHTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH của SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của Khoa [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Nhà trường đạt được năm học, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV được thể hiện ở kế hoạch của năm sau [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và của các Khoa chuyên môn có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Nhà trường trích kinh phí hàng năm dành cho hoạt động NCKH nói chung và hoạt động NCKH của SV nói riêng [H4.04.02.01], [H2.02.04.06]. Trong giai đoạn 2019-2023, kết quả hoạt động NCKH của SV Nhà trường cải thiện về loại hình, chất lượng nghiên cứu. Nhiều SV của Nhà trường được nhận hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động NCKH [H23.23.02.06], [H12.12.03.04].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành Phố Hồ Chí Minh, trong đó có quy định cụ thể về các loại hình NCKH [H5.05.01.07]. Hàng năm trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường luôn có chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích các công bố khoa học [H2.02.04.06]. Các nội dung quy định về loại hình, số lượng các công bố khoa học được Nhà trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến đến CB, GV, NV biết để thực hiện [H5.05.01.09], [H2.02.01.25], [H1.01.02.06].

Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường [H2.02.03.03], [H1.01.01.08], [H2.02.04.01]. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV Nhà trường [H18.18.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công ở mỗi Khoa chuyên môn có 01 thành viên của BCN Khoa phụ trách hoạt động NCKH [H2.02.04.01]. Các Khoa chuyên môn theo dõi, giám sát và xây dựng CSDL về kết quả loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV của Khoa [H2.02.02.06]. Cuối mỗi năm học, các Khoa chuyên môn triển khai để GV kê khai kết quả NCKH của cá nhân đã đạt được trong năm học cùng với minh chứng,

tổng hợp và gửi về Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế để đánh giá so với quy định [H19.19.01.04].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV Nhà trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn của đội ngũ GV Nhà trường [H1.01.04.03]. Cuối năm, Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan, trong đó có khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn của đội ngũ GV Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát các bên liên quan đánh giá về loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các công bố khoa học GV Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06], [H19.19.01.04]. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH GV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của GV được xác định trong kế hoạch năm học của Khoa [H1.01.01.13], [H2.02.02.06], [H19.19.01.04].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả về loại hình và số lượng các công bố khoa học Nhà trường đạt được năm học 2019-2020, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng các công bố khoa học của GV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.01.01.13], [H2.02.02.06], [H19.19.01.04]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học 2020 – 2021 của Nhà trường, của Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và của các Khoa chuyên môn có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn [H1.01.01.13]. Bên cạnh đó, Tạp chí khoa học đào tạo và huấn luyện thể thao của Nhà trường được thành lập và xuất bản theo quyết định cho phép của Bộ Thông tin truyền thông, với mã số ISSN:1859-4417, và được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm tạp chí [H23.23.03.01], [H23.23.03.02], [H23.23.03.03]. Nhà trường cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học [H2.02.04.06], [H19.19.01.04].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mô tả: Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nhà trường ban hành văn bản Quy định quản lý sở hữu trí tuệ và thông báo đến các đơn vị thực hiện cũng như phổ biến đến CB, GV, SV [H19.19.01.01], [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, trong văn bản Quy định về khai thác thương mại các tài sản trí tuệ của GV của Nhà trường ban hành đồng thời có quy định các nội dung liên quan trực tiếp đến quản lý SHTT, theo đó *Tài sản trí tuệ* trong Trường ĐH TDTT TP. HCM là quyền SHTT, là những sáng kiến (đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo khoa học, giáo trình, sách tham khảo, chương trình học....) hay các giải pháp hợp lý hóa trong quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học [H19.19.01.02].

Việc theo dõi giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được thực hiện bởi Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế [H1.01.01.08], [H18.18.01.01]. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế phân công 01 chuyên viên theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường với hệ thống các văn bản liên quan bao gồm: Kế hoạch NCKH năm học, thủ tục quy trình đăng ký đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp thành phố; Thủ tục quy trình tổ chức thực hiện biên soạn giáo trình; Thủ tục qui trình tổ chức thực hiện công tác NCKH hàng năm của Trường; hợp đồng thực hiện đề tài cấp bộ, Quy định công tác biên soạn giáo trình, thủ tục quy trình quản lý KLTN, quy trình quản lý luận văn cao học; quy trình quản lý luận án...[H5.05.01.09], [H18.18.01.07], [H19.19.01.01], [H19.19.01.02].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.01.04.01]. Phòng ĐTQLKHHTQT xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, trong đó có nội dung khảo sát về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Phòng ĐTQLKHHTQT thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06], [H18.18.01.07]. Bên cạnh đó, các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV của Khoa đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của CB, GV Nhà trường đạt được, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và số lượng tài sản trí tuệ và xác định các biện pháp cải tiến số lượng tài sản trí tuệ của Trường [H1.01.01.14]. Nhà trường có các điều chỉnh cải tiến chất lượng tài sản trí tuệ và công tác quản lý tài sản trí tuệ, và đã được triển khai bằng các biện pháp cụ thể:

Ban hành quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định có liên quan đến SHTT năm 2021; thông báo rà soát công tác biên soạn giáo trình để định hướng công tác biên soạn trong những năm tới; gửi Thông báo đến các đơn vị có chức năng đào tạo trong Nhà trường về việc triển khai cho sinh viên lựa chọn đề tài NCKH SV và khóa luận tốt nghiệp;... [H19.19.01.02], [H18.18.01.04].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Mô tả: Căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL và các văn bản của Nhà nước về hoạt động KHCN ở trường ĐH, năm 2021 Nhà trường ban hành Quy định về Chế độ tài chính cho hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường, trong đó có quy định định mức cho các công trình NCKH [H19.19.01.01], [H19.19.01.02]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường đồng thời quy định rõ về các mức chi cụ thể cho đề tài NCKH các cấp cũng như các công bố khoa học [H2.02.04.06]. Hàng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho hoạt động KHCN [H4.04.02.01]. Hàng năm, căn cứ kết quả trích lập Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp năm trước để lập kế hoạch tài chính về NCKH cho năm sau [H4.04.02.01], [H7.07.01.04].

Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập hệ thống thông tin phản hồi của CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu [H2.02.04.06], [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV hàng năm có nội dung khảo sát về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Ban Thanh tra nhân dân của Nhà trường giám sát mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H5.05.03.02]. Ngoài ra, tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV về ngân quỹ của Trường cho hoạt động NCKH [H6.06.04.05].

Phòng HCTH – bộ phận Tài Vụ và Ban Thanh tra nhân dân là những đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát việc phân bổ kinh phí hàng năm của Nhà trường, trong đó có kinh phí phân bổ cho hoạt động nghiên cứu [H2.02.02.06], [H2.02.04.01]. Hàng năm, Phòng HCTH – bộ phận Tài Vụ báo cáo việc phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu đơn vị [H4.04.02.01], [H7.07.01.04]. Bên cạnh đó, việc phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường được báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị CB, CC, VC của Nhà trường hàng năm [H1.01.03.03]. Trong giai đoạn 2019-2023, kết quả kiểm toán cho thấy Nhà trường thực hiện công tác tài chính đúng theo quy định của pháp luật [H7.07.01.07].

Phòng HCTH – bộ phận Tài Vụ tiến hành đối sánh thực tế ngân quỹ chi cho hoạt động nghiên cứu so với dự toán kinh phí đã xác định từ đầu năm, đồng thời đối sánh nguồn chi so với nguồn thu từ hoạt động KHCN cũng như đối sánh năm này so với năm

trước đó [H7.07.01.04]. Căn cứ kết quả đối sánh, Phòng HCTH đề xuất điều chỉnh, cải tiến mức đầu tư cho hoạt động nghiên cứu của Nhà trường [H4.04.02.01]. Tuy nhiên so với nhiều Trường đại học trong nước khác, mức kinh phí đầu tư cho NCKH còn thấp [H4.04.02.01], [H7.07.01.04].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm: công bố khoa học, đăng ký SHTT, đăng ký quyền tác giả, và các giải thưởng quốc gia, quốc tế và các máy móc phục vụ NCKH và thành lập Viện NCKH [H12.12.03.03], [H8.08.02.16], [H12.12.03.02]. Trong quy định NCKH có nội dung quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H5.05.01.09]. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu kết quả nghiên cứu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng [H5.05.01.09], [H19.19.01.01], [H19.19.01.02]. Trong kế hoạch KH&CN năm học của Nhà trường luôn có nội dung về kết quả nghiên cứu và sáng tạo và được thông báo đến các đơn vị trực thuộc để thực hiện cũng như phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H1.01.01.13], [H1.01.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV hàng năm có khảo sát về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Nhà trường thường xuyên thực hiện các đề tài KH&CN với doanh nghiệp và địa phương [H12.12.03.03]. Bên cạnh đó, CB, giảng viên đăng ký các thực hiện các đề tài cấp Bộ [H12.12.03.03], [H19.19.01.04]. Gần đây Nhà trường đã triển khai các dự án với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường – Bộ VHTTDL về xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam [H23.23.06.01]. Việc thử nghiệm và công bố 07 Tiêu chuẩn về thiết bị thể dục góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam [H23.23.06.01].

Phòng ĐTQLKHHTQT thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả nghiên cứu, sáng tạo đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Căn cứ kết quả đối sánh kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát hoạt động nghiên cứu và sáng tạo và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động nghiên cứu và sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các nghiên cứu và sáng tạo [H1.01.01.14]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động nghiên cứu và sáng tạo và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và của các Khoa chuyên môn có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH nhằm nâng cao số lượng và chất lượng hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của Trường [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong Quy định chế độ làm việc đối với GV, Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN của Nhà trường ban hành có quy định về loại hình, số lượng NCKH mà GV phải thực hiện.
- Nhà trường triển khai thực hiện quy định định về loại hình, số lượng NCKH mà GV phải thực hiện đối với GV toàn trường.
- Loại hình, số lượng NCKH của SV được thể hiện trong các văn bản quy định về NCKH của SV do Nhà trường ban hành.
- Nhà trường triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để GV, SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định.
- Hàng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của GV cũng như của SV, loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ.
- Nhà trường triển khai rà soát, khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của GV và của SV, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai cải tiến để tăng số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của GV và của SV Trường.
- Nhà trường xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của GV và của SV, loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ.
- Hằng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí chi cho hoạt động NCKH
- Việc thu chi ngân quỹ dành cho hoạt động KHCN của Nhà trường được giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch và không có vi phạm trong giai đoạn đánh giá.

- Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của GV, SV, tăng cường loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ của Trường.

- Trong giai đoạn 2019-2023, kết quả hoạt động NCKH của đội ngũ GV, SV Nhà trường cải thiện qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu.

- Nhiều GV, SV của Nhà trường được nhận hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích trong hoạt động NCKH.

- Trong giai đoạn 2019-2023, chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học của Nhà trường tăng lên qua từng năm [].

- Nhà trường luôn chú trọng về kết quả nghiên cứu, sáng tạo và áp dụng nhiều biện pháp để nâng cao kết quả nghiên cứu, sáng tạo của Trường với kết quả hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của Nhà trường được cải thiện qua từng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng các tài sản trí tuệ của Nhà trường còn hạn chế so với tiềm lực NCKH của CB, GV, SV Trường.

Nguồn kinh phí dành cho NCKH còn eo hẹp

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tích cực hỗ trợ, tăng cường động viên khuyến khích để CB, GV, SV Trường đăng ký Giấy chứng SHTT đối với các công trình NCKH đã thực hiện.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 23

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	5
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	5

Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ VHTTDL, Nhà trường ban hành Quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội để phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H2.02.01.25]. Bên cạnh đó, trong KHCL của Nhà trường

giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc đồng thời có nội dung về các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội mà đơn vị cần thực hiện [H1.01.01.13]. Đối với SV, trong Quy chế công tác SV, quy định xét điểm rèn luyện do Nhà trường ban hành và Đoàn Thanh niên Trường ban hành có loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H5.05.01.11].

Phòng CTHSSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H17.17.01.01]. Trong kế hoạch công tác hàng năm của Phòng CTHSSV có nội dung giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.01.13]. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện trong báo cáo giám sát của Phòng CTHSSV, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Theo đó, Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động ĐT [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Viện NCKH&CNTT báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động NCKH [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Phòng CTHSSV báo cáo kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ trong hoạt động cộng đồng [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Hàng năm, Phòng CTHSSV thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H17.17.01.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm có khảo sát CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện sự hài lòng về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H6.06.04.05].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường, hàng năm, Phòng CTHSSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất [H1.01.01.04], [H1.01.01.14], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H1.01.01.13]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện và được thể hiện trong kế hoạch năm của các đơn vị [H1.01.01.14], [H1.01.01.13]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H4.04.01.05]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.13]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường trong từng năm học [H1.01.01.13], [H17.17.01.01], [H2.02.02.06]. Nhà Trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV khảo sát ý kiến của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được lãnh đạo các đơn vị báo cáo tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Nhà trường với các đơn vị trực thuộc [H1.01.01.04], [H1.01.01.14].

Phòng CTHSSV được BGH Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H17.17.01.01]. Kết quả kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Trường và Phòng CTHSSV, cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.14], [H2.02.02.06]. Theo đó, Phòng Đào tạo, QLKH&HTQTT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động Đào tạo [H2.02.02.06]. Viện NCKH&CNTT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động NCKH [H2.02.02.06]. Phòng CTHSSV báo cáo kết quả kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động cộng đồng [H2.02.02.06].

Hàng năm, Phòng CTHSSV thực hiện đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết

quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm có khảo sát CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường, hàng năm, Phòng CTHSSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch năm sau, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất [H1.01.01.04], [H1.01.01.14], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H1.01.01.13]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể có các nội dung, biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể luôn có nội dung triển khai đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.13]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường trong từng năm học [H17.17.01.01], [H2.02.02.06]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường trong từng năm học [H1.01.01.13], [H17.17.01.01], [H2.02.02.06]. Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV,

NV của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.03.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Phòng CTHSSV được BGH Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H17.17.01.01]. Kết quả kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết của Phòng CTHSSV, cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.02.02.06], [H1.01.03.03]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.14], [H2.02.02.06]. Theo đó, Phòng ĐT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động ĐT đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H2.02.02.06]. Viện NCKH&CNTT báo cáo kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động NCKH đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H2.02.02.06]. Phòng CTHSSV báo cáo kết quả kết quả giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội trong hoạt động cộng đồng đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H2.02.02.06].

Hàng năm, Phòng CTHSSV thực hiện đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường so với các chỉ tiêu về kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H2.02.02.06]. Các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.01.04.01], [H1.01.04.02]. Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm có khảo sát CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm thể hiện sự hài lòng về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H6.06.04.05].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường, hàng năm, Phòng CTHSSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất [H1.01.01.04], [H1.01.01.14], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H1.01.01.13]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà

trường, của các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể có các nội dung, biện pháp cải tiến tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTHSSV là đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm và triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H17.17.01.01], [H1.01.04.01]. Phòng CTHSSV xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội hàng năm của Nhà trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Theo đó, Phòng CTHSSV phối hợp với các Khoa chuyên môn khảo sát ý kiến của GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H2.02.02.06].

Phòng CTHSSV là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu mỗi đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ do đơn vị triển khai thực hiện [H1.01.04.01], [H1.01.04.02], [H1.01.04.03], [H1.01.01.04]. Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc báo cáo thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.14]. Ngoài ra, ý kiến của CB, GV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm và ý kiến của các đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H6.06.04.05].

Phòng CTHSSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H1.01.04.01]. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo giám sát của Phòng CTHSSV, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.01.04], [H2.02.02.06], [H1.01.03.03]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được yêu cầu tự giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của đơn vị và tại các cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H1.01.01.04], [H1.01.01.14].

Hàng năm, Phòng CTHSSV thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học học và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.04], [H1.01.01.12], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, các Khoa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị và kết quả đạt được trong năm học so với năm học trước [H1.01.01.04], [H1.01.01.13], [H2.02.02.06].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hàng năm, Phòng CTHSSV đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội, trong đó có nội dung nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất [H1.01.01.04], [H1.01.01.13], [H2.02.02.06], [H1.01.01.14]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của các Phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm trực thuộc, các tổ chức đoàn thể có các nội dung, biện pháp cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.01].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, trong đó có xác định loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.

- Các nội dung về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội; đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm.

- Nhà trường dành nguồn lực và phân công các trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc tham gia thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội; đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV; khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường.

- Các đơn vị trực thuộc tích cực triển khai nhiều hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng nhằm nâng cao tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường cũng như tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với

người học và đội ngũ CB, GV, NV và mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường.

- Nhà trường triển khai hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình, khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD; tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường triển khai giám sát, đối sánh tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và đối với SV, CB, GV, NV cũng như sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện nhiều biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội; cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích CB, GV, SV tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

- Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội do Nhà trường triển khai thực hiện.

- Nhà trường và các đơn vị trực thuộc, các cá nhân CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [].

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Kinh phí chi cho hoạt động kết nối và PVCD còn hạn chế, chủ yếu từ nguồn ngân sách.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường xã hội hóa các hoạt động kết nối và PVCD nhằm tăng nguồn kinh phí cũng như đa dạng các loại hình kết nối và PVCD của Trường.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 24

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	5
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	5

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số

16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 71/2006/TT-BTC [H25.25.01.01]. Năm 2013, Nhà trường xây dựng Đề án tự chủ tài chính và được Bộ VHTTDL phê duyệt, trong đó có quy định định rõ từng mục lục ngân sách chi cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.02], [H25.25.01.03], [H25.25.01.04]. Hiện nay, Nhà trường thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên theo sự cho phép của được Bộ VHTTDL [H25.25.01.02]. Trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2014-2020, KHCL giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch năm học hàng năm có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.03], [H4.04.01.05], [H1.01.01.12]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của Phòng HCTH có các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.13].

Hàng năm, bộ phận Tài vụ thuộc Phòng HCTH xây dựng kế hoạch dự toán thu chi tài chính, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H4.04.02.01], [H4.04.02.01]. Bộ phận tài vụ thuộc Phòng HCTH được giao nhiệm vụ giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H2.02.04.01], [H1.01.01.08]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được phân công để góp phần đạt được kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường đã xác định [H2.02.04.01], [H1.01.01.08]. Báo cáo kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và báo cáo công khai tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H1.01.03.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06].

Hàng năm, bộ phận Tài vụ thuộc Phòng HCTH thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Trên cơ sở đó, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc để rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.01.01.13]. Ngoài ra, trong văn kiện Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 đã đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ mà Nhà trường đạt được trong giai đoạn 2015-2020 và xác định các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường giai đoạn 2020-2025 [H2.02.02.01].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng HCTH phối hợp với Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV, NV hàng năm có nội dung khảo sát về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường để điều chỉnh quy định về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ phù hợp với điều kiện của Nhà trường [H4.04.02.01], [H6.06.04.05].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV, NV về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, bộ phận Tài vụ thuộc Phòng HCTH đề xuất các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.04], [H4.04.02.01], [H1.01.01.13], [H2.02.02.06]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị trực thuộc thực hiện [H2.02.02.06], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng HCTH và của các đơn vị trực thuộc có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Phòng HCTH là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H2.02.04.01]. Phòng HCTH phân công 01 viên chức quản lý CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H2.02.04.01]. Phòng HCTH tổng hợp và lưu trữ CSDL về kết quả hoạt động tài chính, kết quả thực hiện đối sánh về công tác tài chính của Trường [H2.02.02.06]. Phòng HCTH sử dụng phần mềm MISA Mimosa để lưu trữ CSDL, theo dõi và quản lý hoạt động tài chính của Trường [H7.07.03.05]. Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H1.01.01.04], [H6.06.04.05].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mô tả: Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về KĐCL giáo dục đại học, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H1.01.01.03], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13] [H4.04.01.05], [H10.10.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường xác định chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong Đề án phát triển Trường giai đoạn 2014-2020 và KHCL 2020-2025, đồng thời cũng được thể hiện qua chu kỳ kiểm định đánh giá ngoài 2019-2023 [H1.01.01.03], [H4.04.01.05].

Nhà trường phân công Phòng ĐTQLKHHTQT, Phòng HCTH, Phòng CTHSSV giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.13], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06], [H2.02.04.01], [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc tham gia các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ có trách nhiệm tự giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ do đơn vị thực hiện [H1.01.01.13], [H2.02.02.04]. Kết quả giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường, báo cáo tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm và trong văn kiện Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2019-2023 [H2.02.02.01], [H2.02.02.04], [H1.01.03.03].

Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với Phòng HCTH, Phòng CTHSSV thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và

PVCĐ của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H2.02.02.06]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được so với các tiêu chí về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc để rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo [H1.01.01.12].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng ĐTQLKHHTQT phối hợp với Phòng HCTH, Phòng CTHSSV là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.04.01]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của CB, GV, NV hàng năm có nội dung khảo sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.04.02], [H1.01.04.03]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV đánh giá kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường ở mức độ Khá [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp thu ý kiến của lãnh đạo các đơn vị tại các cuộc họp giao ban, ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị CB, CC, VC hàng năm về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường để điều chỉnh quy định về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ phù hợp với điều kiện của Nhà trường [H1.01.01.14], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, Phòng ĐTQLKHHTQT đề xuất các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH Nhà trường với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.04], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H2.02.02.04], [H2.02.02.06]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường, của Phòng ĐTQLKHHTQT và của các đơn vị trực thuộc có các nội dung, biện pháp cải tiến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Phòng ĐTQLKHHTQT là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H2.02.02.06]. Phòng ĐTQLKHHTQT phân công 01 chuyên viên quản lý CSDL đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H18.18.01.01]. Trên cơ sở đó, Phòng ĐTQLKHHTQT tổng hợp và lưu trữ CSDL về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H2.02.02.06]. Cơ sở dữ liệu về kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường do Phòng ĐTQLKHHTQT lưu trữ [H1.01.01.04]. Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H1.01.01.04].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và thể hiện trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2023, kế hoạch năm học hàng năm.

- Nhà trường xác định chỉ số cạnh tranh của Trường so với các trường đại học trên địa bàn TP HCM và các trường đại học thuộc Bộ VHTTDL dựa trên dữ liệu tuyển sinh hằng năm của Bộ GD&ĐT, báo cáo 3 công khai của các trường đại học.

- Các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các hoạt động nhằm đạt được kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của trường cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà trường quy định trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Hàng năm, Nhà trường đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, NV về kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

- Nhà trường tiến hành điều chỉnh quy định về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ dựa trên đối sánh kết quả thực hiện so với các chỉ số đã xác định.

- Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả và các chỉ số tài chính, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ và rõ ràng.

- Nhà trường và các đơn vị trực thuộc áp dụng nhiều biện pháp để đạt được kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đã xác định.

- Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường cơ bản đạt được kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Trong giai đoạn 2019-2023, ý kiến của CB, GV, NV hài lòng về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của trường cũng như kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa xác định chỉ số cạnh tranh so với các trường đại học khác trên cả nước.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022, định kỳ hằng năm, Nhà trường tiến hành xác định chỉ số cạnh tranh của Trường so với các trường đại học khác trên cả nước.

4. Mức đánh giá tiêu chuẩn 25

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG 26. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (Mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	5	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	5	
1	1.1	5	
2	1.2	5	
3	1.3	5	
4	1.4	5	
5	1.5	5	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quảng trị</i>	5	
6	2.1	5	
7	2.2	5	
8	2.3	5	
9	2.4	5	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	5	
10	3.1	5	
11	3.2	5	
12	3.3	5	
13	3.4	5	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	5	
14	4.1	5	
15	4.2	5	
16	4.3	5	
17	4.4	5	

I.5	<i>Tiêu chuẩn 5 các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	5	
18	5.1	5	
19	5.2	5	
20	5.3	5	
21	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	5	
22	6.1	5	
23	6.2	5	
24	6.3	5	
25	6.4	5	
26	6.5	5	
27	6.6	5	
28	6.7	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	5	
29	7.1	5	
30	7.2	5	
31	7.3	5	
32	7.4	5	
33	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	5	
34	8.1	5	
35	8.2	5	

36	8.3	5	
37	8.4	5	
II	<i>ĐBCL về hệ thống</i>	5	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	5	
38	9.1	5	
39	9.2	5	
40	9.3	5	
41	9.4	5	
42	9.5	5	
43	9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	5	
44	10.1	5	
45	10.2	5	
46	10.3	5	
47	10.4	5	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	5	
48	11.1	5	
49	11.2	5	
50	11.3	5	
51	11.4	5	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	5	
52	12.1	5	
53	12.2	5	
54	12.3	5	

55	12.4	5	
56	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	5	
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5	
57	13.1	5	
58	13.2	5	
59	13.3	5	
60	13.4	5	
61	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5	
62	14.1	5	
63	14.2	5	
64	14.3	5	
65	14.4	5	
66	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5	
67	15.1	5	
68	15.2	5	
69	15.3	5	
70	15.4	5	
71	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5	
72	16.1	5	
73	16.2	5	

74	16.3	5	
75	16.4	5	
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	5	
76	17.1	5	
77	17.2	5	
78	17.3	5	
79	17.4	5	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</i>	5	
80	18.1	5	
81	18.2	5	
82	18.3	5	
83	18.4	5	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	5	
84	19.1	5	
85	19.2	5	
86	19.3	5	
87	19.4	5	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	5	
88	20.1	5	
89	20.2	5	
90	20.3	5	
91	20.4	5	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	5	

92	21.1	5	
93	21.2	5	
94	21.3	5	
95	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	5	
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5	
96	22.1	5	
97	22.2	5	
98	22.3	5	
99	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	5	
100	23.1	5	
101	23.2	5	
102	23.3	5	
103	23.4	5	
104	23.5	5	
105	23.6	5	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	5	
106	24.1	5	
107	24.2	5	
108	24.3	5	
109	24.3	5	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	5	

110	25.1	5	
111	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm (tiêu chí: 1.1);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 5 điểm (tiêu chí: 12);
- Số tiêu chí đạt từ 4 trở lên 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2.00 điểm: 0/25 (0%).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2023

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC



TS. Võ Quốc Thắng

PHỤ LỤC 1

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh
Tiếng Anh: University of Sport Ho Chi Minh City
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:
Tiếng Việt: USH
Tiếng Anh: USH
3. Tên trước đây (nếu có): - Trường Cán bộ Thể dục thể thao miền nam;
- Trường Đại học Thể dục Thể thao TW2;
- Trường Đại học Thể dục Thể thao II
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5. Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.28.38960322 Số fax: 84.28.38960319
E-mail hcqt@ush.edu.vn. Website: www.ush.edu.vn
7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 28/1/1976
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....
11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		
12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc/ Hiệu trưởng				
Ban Giám hiệu	Võ Quốc Thắng	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0914217639	voquochang797979@gmail.com
2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng (liệt kê từng người)				
Ban Giám hiệu	Nguyễn Thanh Bình	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0966663179	tbinhush@gmail.com
Ban Giám hiệu	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giảng viên cao cấp, PGS Tiến sĩ	0902310178	mylinhhus@gmail.com
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, CĐ,... (liệt kê)				
Đảng bộ Trường	Nguyễn Thanh Bình	Giảng viên, Tiến sĩ, Phó Bí thư Đảng ủy	0966663179	tbinhush@gmail.com
Đảng bộ Trường	Nguyễn Bảo Ninh	Giảng viên, Thạc sĩ, Ủy viên BCH, Phụ trách văn phòng Đảng ủy	0908243234	baoninhhus@gmail.com
Đảng bộ Trường	Vũ Việt Bảo	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Ủy viên BCH Đảng ủy	0903886764	vuvietbao@gmail.com
Đảng bộ Trường	Hồ Hải	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Ủy viên BCH Đảng ủy	0903913091	hohaidhtdt2@gmail.com
Đảng bộ Trường	Lý Vĩnh Trường	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Ủy viên BCH Đảng ủy	0909001212	truongmap@gmail.com
Đảng bộ Trường	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giảng viên CC PGS Tiến sĩ, Ủy viên BCH Đảng ủy	0902310178	mylinhhus@gmail.com
Công đoàn Trường	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Giảng viên CC, PGS Tiến sĩ, Ủy viên BCH Đảng ủy	0902310178	mylinhhus@gmail.com
Đoàn Thanh niên	Lê Việt Anh	Giảng viên, Thạc sĩ, Bí thư ĐTN	0972253363	vietanhtdt@gmail.com
Phòng Hành chính Tổng hợp	Hồ Hải	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0903913091	hohaidhtdt2@gmail.com
Phòng Hành chính Tổng hợp	Bà Lỗ Thị Thảo	Chuyên viên, Thạc sĩ, kế toán trưởng, Phó	0975339210	lthaokt012@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
		Trưởng phòng		
Phòng Hành chính Tổng hợp	Bà Hà Thị Kim Dung	Giảng viên, Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng	0917692679	hdungk3768@gmail.com
Phòng Hành chính Tổng hợp	Ông Vũ Đình Mai	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Phó Trưởng phòng	0918090080	vudinhmaiupes2@yahoo.com
Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Lưu Thiên Sương	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng phòng	0932709758	luuthiensuong76@gmail.com
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ngô Xuân Tăng	Giảng viên, Thạc sĩ, Trưởng phòng	0938555548	ngoxuantang@gmail.com
Phòng Công tác học sinh sinh viên	Nguyễn Bảo Ninh	Giảng viên, Thạc sĩ, Trưởng phòng	0908243234	baoninhhus@gmail.com
Phòng Công tác học sinh sinh viên	Lê Văn Hưng	Giảng viên, Thạc sĩ, Phó Trưởng phòng	0908167156	lehung03070@yahoo.com
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc (liệt kê)				
Trung tâm Thông tin, Thư viện	Nguyễn Công Quân	Giảng viên, Thạc sĩ, Giám đốc	0918357731	trungtamthongtintdt@gmail.com
Viện NCKH&CNTT	Lê Thị Mỹ Hạnh	Giảng viên, Tiến sĩ, Phó Giám đốc, Phụ trách Viện	0907110118	myhanh120983@gmail.com
TT Tư vấn & Dịch vụ	Võ Quốc Thắng	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0914217639	voquocthang797979@gmail.com
Trường phổ thông năng khiếu Olympic	Hoàng Tuấn Anh	Chuyên viên, Thạc sĩ, Phó Hiệu trưởng, Phụ trách	0913640315	hoanganh1971@gmail.com
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ (liệt kê)				
Khoa Huấn luyện Thể thao	Lý Vĩnh Trường	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa	0909001212	truongmap@gmail.com
Khoa Huấn luyện Thể thao	Nguyễn Thành Ngọc	Giảng viên chính, Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn	0919388745	thanhngoc.vnuk@gmail.com

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
		Võ Vật		
Khoa Huấn luyện Thể thao	Nguyễn Thị Hoàng Dung	Giảng viên chính, Tiến sỹ, Phó Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn Điền Kinh	0913838180	nguyendunghus70@gmail.com
Khoa Huấn luyện Thể thao	Dương Thanh Bình	Giảng viên chính, Tiến sỹ, Phó Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn Cờ Vua	0903314831	duongthanhbinh_upes2@yahoo.com
Khoa Giáo dục Thể chất	Tạ Hoàng Thiện	Giảng viên, Tiến sỹ, Trưởng Khoa GDTC	0985556142	hoangthienhus@gmail.com
Khoa Giáo dục Thể chất	Nguyễn Trung Kiên	Giảng viên, Tiến sỹ, Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng Khoa	0903033477	ntkien.hus@gmail.com
Khoa Giáo dục Thể chất	Phạm Hùng Việt	Giảng viên, Tiến sỹ, Phó Trưởng Khoa,	0918690833	phamviet.tthcm@gmail.com
Khoa Quản lý Thể thao	Chu Thị Bích Vân	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sỹ, Phó Trưởng khoa	0983420133	tien_ong2000@yahoo.com
Khoa Y Sinh học thể thao	Nguyễn Đăng Chiêu	Giảng viên cao cấp, Phó giáo sư, Tiến sỹ, Phó Trưởng khoa	0982726979	tsndchieu@yahoo.com.vn

13. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

STT	Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
		Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
1	Khoa Huấn Luyện Thể thao	1	1931 (+133)				
2	Khoa Giáo dục thể chất	1	2176 (+79)				
3	Khoa Quản lý Thể thao	1	885				
4	Khoa Y sinh học Thể thao	1	380				
5	Khoa Kiến thức Cơ bản và Cơ sở ngành						
6	Phòng đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế						
	- Tiến sĩ			1	19		
	- Thạc sĩ			1	273		
	- Vừa làm vừa học						

Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Viện NCKH&CNTT	21/04/2015	Nghiên cứu khoa học	1	9
2	Trung tâm Thông tin, Thư viện				9
3	Trường Phổ thông năng khiếu Olympic	03/06/2014	Đào tạo, bồi dưỡng tuyển chọn năng khiếu TDTT		1

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên¹, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

14. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng LĐ / thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	170	25	52	0
Nghiên cứu viên	4	0	3	0
Tổng	174	25	55	0

¹Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Năm 2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng LĐ / thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	146	43	27	0
Nghiên cứu viên	3	0	1	0
Tổng	149	43	28	0

Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng LĐ / thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	135	39	10	0
Nghiên cứu viên	3	0	1	0
Tổng	138	39	10	0

Tháng 12/2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng LĐ/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	131	38	4	0
Nghiên cứu viên	3	0	0	0
Tổng	134	38	4	0

Năm 12/2022

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng LĐ /thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	175	40	51	0
Nghiên cứu viên	4	0	0	0
Tổng	179	40	51	0

15. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên**Năm 2018**

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng LĐ	Tổng số
Cán bộ quản lý	66	0	66
Nhân viên	30	24	54
Tổng cộng	96	24	120

Năm 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng LĐ	Tổng số
Cán bộ quản lý	62	0	62
Nhân viên	32	11	43
Tổng cộng	94	11	105

Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng LĐ	Tổng số
Cán bộ quản lý	39	0	39
Nhân viên	35	4	39
Tổng cộng	74	4	78

Tháng 12/2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng LĐ	Tổng số
Cán bộ quản lý	38	0	38
Nhân viên	18	3	21
Tổng cộng	56	3	59

Tháng 12/2022

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng LĐ	Tổng số
Cán bộ quản lý	38	0	38
Nhân viên	18	3	21
Tổng cộng	56	3	59

16. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

Năm 2018

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	124	59	183
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	57	21	78
I.3	Cán bộ hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	0	0	0
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng			
	Tổng cộng	181	80	261

Năm 2019

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý	120	56	176

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	2	1	3
I.3	Cán bộ hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	28	13	41
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng			
	Tổng cộng	150	70	220

Năm 2020

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	118	56	174
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	2	1	3
I.3	Cán bộ hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	8	8	16
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng			
	Tổng cộng	128	65	193

Tháng 12/2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	103	54	157
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	13	7	20
I.3	Cán bộ hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	2	1	3
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng			
	Tổng cộng	118	62	180

Tháng 12/2022 đến nay

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu			

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	<i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	95	52	147
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	12	3	15
I.3	Cán bộ hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở xuống	1	2	3
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	03	0	3
	Tổng cộng	118	59	168

17. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

Năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	1	0	0	1
2	Phó Giáo sư	2	0	7	0	0	9
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	8	0	23	0	0	31
5	Thạc sĩ	16	54	35	0	0	105
6	Đại học	16	35	4	0	0	54
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	42	88	70	0	0	200

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu²: 200 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 66.44%

² Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	1	0	0	1
2	Phó Giáo sư	3	0	12	0		15
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	8	0	17	0	0	42
5	Thạc sỹ	72	20	29	0	0	150
6	Đại học	6	17	0	0	0	23
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	89	37	59	0	0	215

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu³: 185 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 85.64%

Năm 2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	3	0	10	0	0	13

³ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	0	9	0	0	29
5	Thạc sĩ	72	13	27	0	0	112
6	Đại học	9	14	0	0	0	23
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	95	27	46	0	0	178

(**Khi** tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁴: 178 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 80.90%

Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	3	0	9	0	0	12
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	0	14	0	0	26
5	Thạc sĩ	80	8	11	0	0	99
6	Đại học	5	2	0	0	0	7
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	101	10	25	0	0	145

⁴ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁵: 145 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 75.12%

18. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm 2018

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.5	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	15	8.1	12	3	0	0	6	6	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	26	13.1	21	5		12	11	3	0
5	Thạc sỹ	148	64.5	105	45	43	80	21	6	0
6	Đại học	46	10.9	28	18	25	15	3	3	0
7	Cao đẳng	3	4.2	0	3	2	1	0	0	0
8	Trung cấp	4	4.2	1	3	0	1	3	0	0
9	Trình độ khác	18	0.5	15	3	0	1	6	11	0
	Tổng cộng	263		183	80	70	110	50	29	4

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 19.53 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 69.76%

Năm 2019

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.5	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	13	8.1	11	2	0	0	6	3	4
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	29	13.1	27	2	0	12	6	5	2
5	Thạc sỹ	130	64.5	89	41	11	20	80	19	0

⁵ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
6	Đại học	38	10.9	21	17	17	14	2	1	0
7	Cao đẳng	2	4.2	0	2	1	1	0	0	0
8	Trung cấp	4	4.2	1	3	0	1	3	0	0
9	Trình độ khác	12	0.5	11	1	0	0	5	8	0
	Tổng cộng	229		161	68	29	55	101	36	8

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 24.15%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 62.92%

Năm 2020

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.5	1	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	12	5.7	10	2	0	0	5	4	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	26	15.3	19	7		9	13	3	1
5	Thạc sỹ	114	61.4	75	39	10	75	21	8	0
6	Đại học	22	7.9	10	12	4	11	4	2	1
7	Cao đẳng	1	0.5	0	1	0	1	0	0	0
8	Trung cấp	4	1.5	1	3	0	0	3	1	0
9	Trình độ khác	13	11.3	12	1	0	0	5	8	0
	Tổng cộng	193		128	65	14	96	51	26	5

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 26.89 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 62.27%

Tháng 12/2021

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.56	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	10	5.56	8	2	0	0	5	3	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	27	15.00	20	7		8	14	4	1
5	Thạc sỹ	108	60.00	69	44	4	73	22	9	0
6	Đại học	19	10.56	9	5	2	10	4	2	1
7	Cao đẳng	1	0.56	0	1	0	0	1	0	0
8	Trung cấp	2	1.11	0	2	0	0	1	1	0
9	Trình độ khác	12	6.67	6	6	0	0	5	7	0
	Tổng cộng	180	100	113	67	6	91	52	26	5

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 24.83%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 70.58 %

Tháng 12/2022 đến nay

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.621	1	0	0	0	0	0	1
2	Phó Giáo sư	9	5.55	6	3	0	0	5	3	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	28	17.39	21	7		8	14	4	1
5	Thạc sỹ	100	62,11	61	35	4	73	22	9	0
6	Đại học	12	7.453	6	6	2	10	4	2	1
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	1	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	1	1	0
9	Trình độ khác	11	6.832	11	1	0	0	5	7	0
	Tổng cộng	161	100	106	55	4	86	48	20	3

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 24.83%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sỹ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 70.58 %

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

Năm 2018

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	40	60
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35	35
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

Năm 2019

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	40	60
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35	35
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

Năm 2020

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	45	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35	15

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	15	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

Tháng 12/2021

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	45	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	15	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

Tháng 12/2022 đến nay

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	45	80
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	15	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm

gần đây **hệ chính quy**:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	4	16	9	5	12	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	118	96	105	92	93	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học						
Trong đó:						
Hệ chính quy	764	315	225	210	209	122
Hệ không chính quy	58	89	24	86	40	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0	0

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2018	69	67	97.1%	67	0	0	0
2019	154	143	92.86%	143	0	0	0
2020	205	201	98.05%	201	0	0	0
2021	152	131	86.18%	131	0	0	0
2022	108	103	95.37%	93	0	0	0

22. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5m x 9m x 50 =2250m ²	5m x 9m x 50 =2250m ²	5m x 9m x 25 =1250m ²	5m x 9m x 25 =1250m ²	5m x 9m x 25 =1250m ²
Số lượng sinh viên	235	137	116	144	142
Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	235	137	116	144	142
Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	235	137	116	144	142
Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	235	137	116	144	142

23. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học: (Có thể lấy ở SV làm khóa luận không?)

	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng (người)	4	2	3	0	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	153	157	107	125	76

24. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	396	315	225	210	122
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	61.56	53.57	45.91	52.63	34,17
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					73%
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	-	-	-	-	28.4%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	-	-	-	-	11.7%
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	-	-	-	3.4%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	-	-	-	-	-
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	-	-	-	-	8.72%
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-	-	81.4%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	-	-	-	-	16.9%
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-	-	0%

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

25. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	0	0	0	0	0
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	0	0	0	0	0
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	0	0	0	0	0
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0	0	0	0	0
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	0	0	0	0	0
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	0	0	0	0	0
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	0	0	0	0	0
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0	0	0	0	0

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

26. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	4	0	4	3	4	19
3	Đề tài cấp Thành phố, tỉnh	1	0	1	0	0	2
4	Đề tài cấp trường	7	4	5	2	2	20
	Tổng cộng	12	4	10	5	2	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,213.

27. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
----	-----	--	--	--

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

28. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	20	16	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	22	16	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

29. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2018-2019	2019-20	2020-21	2021-22	2022-23	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	0	0	1	0	1	2
2	Sách giáo trình	0	1	0	2	0	3
3	Sách tham khảo	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	1	1	2	1	5

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,097

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách
---------------	---

	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	16	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	16	0	0

31. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:						
	Danh mục ISI	1		1	1	1	4
	Danh mục Scopus	0	0	0	0	1	1
	Khác	5	3	1	12	12	33
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	26	14	0	0	0	40
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	28	24	35	29	24	139
	Tổng cộng	32	17	2	13	14	

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: %

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	6	30	6
Từ 6 đến 10 bài báo	6	8	4
Từ 11 đến 15 bài báo	0	6	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	44	0

33. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số

1	Hội thảo quốc tế	3	5	0	0	0	6
2	Hội thảo trong nước	4	0	0	3	3	2
3	Hội thảo của trường	1	3	3	0	3	4
	Tổng cộng	8	8	3	3	6	

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: %

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	8	3
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

35. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018	- 2018-525, Sở khoa học và công nghệ TPHCM, Trung tâm thông tin và thống kê Khoa học và Công nghệ. Chủ nhiệm: PGS.TS Bùi Trọng Toại
2019	- 2019-98-911/KQNC, Bộ khoa học và công nghệ, Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Chủ nhiệm: PGS.TS Vũ Việt Bảo - 2019-98-975/KQNC, Bộ khoa học và công nghệ, Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Chủ nhiệm: GS.TS Lê Quý Phụng. - 2019-98-880/KQNC, Bộ khoa học và công nghệ, Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Chủ nhiệm: PGS.TS Bùi Trọng Toại.

2020	0
2021	0
2022	0

36. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	4	2	3	0	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

37. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích(m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	121396	121396	0	0

TT	Nội dung	Diện tích(m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	80570	80570	0	0
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	22687	22687	0	0
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	3570	3570	0	0
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	54313	54313	0	0

38. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Ngành Huấn luyện TDTT	49	543
Ngành Giáo dục thể chất	57	620
Ngành Y sinh học TDTT	57	37
Ngành Quản lý TDTT	54	305
Các môn chung	470	11982
Tổng	687	13757

Dữ liệu điện tử:

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Ngành Huấn luyện TDTT	10	1
Ngành Giáo dục thể chất	10	1
Ngành Y sinh học TDTT	10	1
Ngành Quản lý TDTT	10	1
Luận văn, luận án	500	1
Các môn chung	460	1
Tổng	1000	5

39. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng học lý thuyết A10...	2	Bảng, bàn, ghế sinh viên, máy chiếu, thiết bị âm thanh, máy lạnh	Sinh viên	2380	x		
2	Phòng học lý thuyết A201, ...	3	Bàn ghế hội trường, thiết bị âm thanh, máy lạnh, máy chiếu	Sinh viên	2380	x		
3	Phòng học lý thuyết A301, ...	5	Bảng, bàn liền ghế sinh viên, máy chiếu, thiết bị âm thanh, máy lạnh	Sinh viên	2380	x		
4	Hội trường B1	1	Bảng, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, đèn, máy lạnh	Học viên cao học	2108	x		
5	Phòng học Khoa Y sinh	1	Bảng, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, đèn, máy lạnh	Sinh viên	220			
6	Phòng Báo cáo luận án Nghiên cứu sinh Tiến sĩ	1	Bảng, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, đèn, máy chiếu, máy lạnh	Nghiên cứu sinh	80	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
7	Hội trường nhà đa năng	2	Băng, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, đèn, máy chiếu, máy lạnh	Học viên cao học, Nghiên cứu sinh	1500	x		
8	Nhà tập luyện Bóng Chuyền, Bóng Rổ	2	3 Sân Bóng chuyền, 2 Bóng rổ, đèn, kháng đài	Sinh viên, VĐV	2100	x		
9	Nhà tập Cầu lông	1	4 sân Cầu long, thiết bị âm thanh, đèn	Sinh viên, VĐV	500	x		
10	Nhà tập luyện Bóng bàn	1	6 Bàn Bóng Bàn, bàn, thiết bị âm thanh, đèn	Sinh viên, VĐV	400	x		
11	Nhà tập luyện Thể dục dụng cụ	1	Thảm tập thể dục, dụng cụ tập các môn thể dục dụng cụ, đèn, quạt	Sinh viên, VĐV	1105	x		
12	Nhà tập Võ	2	Thảm tập võ, Võ đài và dụng cụ tập võ, đèn, máy lạnh	Sinh viên, VĐV tập luyện	4000	x		
13	Nhà tập bắn súng	2	Bàn, ghế, Súng, bia, hệ thống điều khiển duy chuyển bia	Sinh viên, VĐV tập	3214	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
				luyện				
14	Sân tập Bóng chuyền ngoài trời	2	Sân Bóng chuyền và dụng cụ tập	Sinh viên	320			
15	Sân Bóng rổ ngoài trời	2	Sân Bóng rổ, dụng cụ tập	Sinh viên	1000			
16	Sân Bóng đá	2	Sân Bóng đá, dụng cụ tập	Sinh viên, VĐV	15490			
17	Sân Điền Kinh	1	Đường pic, Niệm và dụng cụ nhảy cao, Hồ nhảy xa, sân đẩy tạ và các dụng cụ tập	Sinh viên, VĐV	18050			
18	Phòng Tập gym tập thể lực và thể hình	2	Bàn, ghế, máy vi tính, máy chiếu, Dụng cụ học cờ, thiết bị âm thanh, thiết bị mạng	Sinh viên, VĐV	2000	x		
19	Hồ bơi	2	Bàn, ghế, máy vi tính, máy chiếu, thiết bị âm thanh, thiết bị mạng, 2 hồ Bơi	Sinh viên, VĐV	2800	x		
20	Sân tennis	3	Bàn, ghế, thiết bị âm thanh, ánh sáng	Sinh viên, VĐV	3500	x		
21	Phòng máy vi tính A401/2	1	Bàn, ghế, máy vi tính,	Sinh viên	100	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			máy chiếu, thiết bị âm thanh, thiết bị mạng, máy lạnh					

40. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

Năm 2018: 48.754.408.767 đồng.

Năm 2019: 53.703.000.000 đồng.

Năm 2020: 46.920.716.919 đồng.

Năm 2021: 48.898.000.000 đồng.

Năm 2022: 54.182.000.000 đồng.

41. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

Năm 2018: 18.578.000.000 đồng.

Năm 2019: 13.080.000.000 đồng.

Năm 2020: 17.625.000.000 đồng.

Năm 2021: 10.588.000.000 đồng.

Năm 2022: 19.512.000.000 đồng.

42. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Năm 2018: 3.882.200.000 đồng.

Năm 2019: 2.371.187.500 đồng.

Năm 2020: 2.199.758.500 đồng.

Năm 2021: 1.934.320.000 đồng.

Năm 2022: 1.375.000.000 đồng.

43. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

Năm 2018: 5.597.000.000 đồng.

Năm 2019: 3.244.188.500 đồng.

Năm 2020: 2.586.188.500 đồng.

Năm 2021: 2.462.000.000 đồng.

Năm 2022: 1.594.000.000 đồng.

44. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

Năm 2018: 10.992.000.000 đồng.

Năm 2019: 10.094.000.000 đồng.

Năm 2020: 8.574.000.000 đồng.

Năm 2021: 8.715.000.000 đồng.

Năm 2022: 9.969.000.000 đồng.

45. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

Năm 2018: 134.898.000 đồng.

Năm 2019: 244.600.000 đồng.

Năm 2020: 155.891.000 đồng.

Năm 2021: 137.000.000 đồng.

Năm 2022: 89.140.000 đồng.

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

Năm 2018: 368.559.530 đồng.

Năm 2019: 209.067.000 đồng.

Năm 2020: 63.500.000 đồng.

Năm 2021: 91.314.065 đồng.

Năm 2022: 43.900.000 đồng.

PHỤ LỤC 2

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /QĐ-TDTTHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
cơ sở giáo dục Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT, ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-TDTTHCM ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-TDTTHCM ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ phiếu trình phối hợp giải quyết công việc ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học về việc thay đổi thành viên Hội đồng tự đánh giá và Thư ký, Ủy viên nhóm chuyên trách;

Xét đề nghị của Trường phòng Hành chính, Tổng hợp và Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh *(có danh sách kèm theo)*. Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

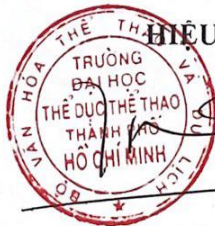
Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có Hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 220/QĐ-TDTTHCM ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Quyết định số 285/QĐ-TDTTHCM ngày 04 tháng 11 năm 2022.

Điều 4. Trường phòng Hành chính, Tổng hợp, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, các đơn vị, tổ chức trực thuộc Trường và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, HCTH, V(20).



HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Quốc Thắng



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Kiểm theo Quyết định số 85/QĐ-TĐTTHCM ngày 18/5/20223
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Võ Quốc Thắng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thanh Bình	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch thường trực
3	Vũ Việt Bảo	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5	Ngô Xuân Tăng	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Trường phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Thư ký
6	Hồ Hải	Chủ tịch công đoàn. Trường phòng HCTH	Ủy viên
7	Nguyễn Bảo Ninh	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Trường phòng Công tác HSSV	Ủy viên
8	Nguyễn Công Quân	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Ủy viên
9	Lê Thị Mỹ Hạnh	Phó Viện trưởng phụ trách Viện NCKH&CNTT	Ủy viên
10	Nguyễn Đăng Chiêu	Giao quản lý, điều hành Khoa Y sinh học Thể dục Thể thao	Ủy viên
11	Lý Vĩnh Trường	Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa Huấn luyện Thể thao	Ủy viên
12	Chu Thị Bích Vân	Phó Trưởng khoa Quản lý Thể dục Thể thao	Ủy viên
13	Tạ Hoàng Thiện	Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa Giáo dục thể chất	Ủy viên
14	Lỗ Thị Thảo	Kế toán trưởng	Ủy viên
15	Ngô Hồng Việt	Giảng viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên
16	Lê Việt Anh	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Ánh Viên	Sinh viên Khóa 42, Khoa Huấn luyện Thể thao	Ủy viên

Tổng cộng 17 người. 

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-TĐT-THCM, ngày 18/5/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Nhóm	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
01	Nhóm 1 Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 6, 7, 25	Hồ Hải	Trưởng phòng Phòng HCTH	Trưởng nhóm
02		Ninh Bá Vinh	Giảng viên Phòng HCTH	Thư ký
03		Vũ Đình Mai	Phó trưởng phòng Phòng HCTH	Ủy Viên
04		Hà Thị Kim Dung	Phó trưởng phòng Phòng HCTH	Ủy Viên
05		Lỗ Thị Thảo	Kế toán trưởng.	Ủy Viên
06		Nguyễn Ngọc Hùng	Kế toán viên phòng HCTH	Ủy Viên
07		Lê Thị Mộng Hà	Nhân viên phòng HCTH	Ủy Viên
08		Lê Việt Anh	Bí thư Đoàn Thanh niên	
09	Nhóm 2 Phụ trách tiêu chuẩn 5, 8, 13, 18, 20, 22	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Hiệu trưởng	Trưởng nhóm
10		Hoàng Mạnh Hùng	Chuyên viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Thư ký
11		Lưu Thiên Sương	Phó trưởng phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
12		Mai Thị Hồng Hạnh	Giảng viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
13		Phạm Thị Phương Loan	Giảng viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
14		Nguyễn Thị Minh Thủy	Giảng viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
15		Trần Minh Hiếu	Giảng viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
16		Nguyễn Tấn Minh Thanh	Chuyên viên phòng ĐT, QLKH & HTQT	Ủy viên
17	Nhóm 3 Phụ trách tiêu chuẩn 11	Nguyễn Công Quân	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Trưởng nhóm
18		Nguyễn Ngọc Tuấn	Giảng viên Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thư ký
19		Lê Thị Hoài Phương	Nhân viên Trung tâm thông tin, Thư viện	Ủy viên
20	Nhóm 4	Ngô Xuân Tăng	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Trưởng phòng	Trưởng nhóm

	Phụ trách tiêu chuẩn		Khảo thí và ĐBCLGD	
21	9,10,12,16	Ngô Hồng Việt	Giảng viên Phòng KT&ĐBCLGD	Thư ký
22		Dương Thị Thùy Linh	Giảng viên Phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
23		Đặng Thị Xuân Dịu	Giảng viên Phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
24		Lương Thị Hồng Gấm	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
25	Nhóm 5	Lê Thị Mỹ Hạnh	Phó Viện trưởng Viện NCKH&CNTT	Trưởng nhóm
26	Phụ trách tiêu chuẩn 19, 23	Nguyễn Thị Thúy Nga	Kế toán viên Viện NCKH&CNTT	Thư ký
27	Nhóm 6	Nguyễn Bảo Ninh	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Trưởng phòng Công tác HSSV	Trưởng nhóm
28		Thông Hùng Chính	Giảng viên phòng Công tác HSSV	Thư ký
29		Lê Văn Hưng	Phó trưởng phòng Công tác HSSV	Ủy viên
30		Nguyễn Công Út	Giảng viên phòng Công tác HSSV	Ủy viên
31		Nguyễn Mộng Toàn	Giảng viên phòng Công tác HSSV	Ủy viên
32		Nguyễn Phi Hùng	Chuyên viên phòng Công tác HSSV	Ủy viên
33	Nhóm 7	Tạ Hoàng Thiện	Phó trưởng Khoa, phụ trách khoa GDTC	Trưởng nhóm
34		Nguyễn Thanh Tùng	Phó Trưởng Khoa KTCB - CSN	Thư ký
35		Nguyễn Đăng Chiêu	Giao quản lý, điều hành Khoa Y sinh học Thể dục Thể thao	Ủy viên
36		Lý Vĩnh Trường	Phó trưởng Khoa, phụ trách khoa HLTT	Ủy viên
37		Đỗ Thị Huệ	Giảng viên Khoa KTCB - CSN	Ủy viên
38		Chu Thị Bích Vân	Phó trưởng khoa Khoa Quản lý TĐTT	Ủy viên

Tổng cộng: 38 người./.

PHỤ LỤC 3

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Số 05/KH-TDTTHCM

KẾ HOẠCH

Triển khai tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục
theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mục đích tự đánh giá:

Giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng, triển khai kế hoạch nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường với đơn vị có thẩm quyền.

2. Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá các hoạt động của nhà trường trong giai đoạn 2015 - 2019 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá:

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn.

4. Hội đồng tự đánh giá:

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá:

Gồm Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 63 ngày 04 tháng 04 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT TP HCM (danh sách kèm theo).

4.2. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên:

- Chủ tịch Hội đồng: Chịu trách nhiệm chung trước Bộ GD & ĐT về hoạt động tự đánh giá và bản báo cáo tự đánh giá cuối cùng của trường, đồng thời chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động tự đánh giá, điều động nhân sự, tài chính và tổ chức các cuộc họp hội đồng tự đánh giá.

- Phó chủ tịch hội đồng: Giúp Chủ tịch hội đồng quản lý công việc khi Chủ tịch hội đồng vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

- Ủy viên: Góp ý và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

- Ban thư ký: Trưởng Ban thư ký chịu trách nhiệm điều hành chung về viết báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng. Thư ký tổng hợp giúp Trưởng ban thư ký quản lý công việc khi Trưởng ban thư ký vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

4.3. Nguyên tắc thực hiện công việc:

- Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phân công nhiệm vụ cho từng nhóm chuyên trách, các chức danh nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

- Định kỳ Hội đồng tự đánh giá sẽ giao ban hoạt động tự đánh giá trường. Nội dung giao ban do Phòng KT & ĐBCLGD chuẩn bị.

- Quá trình tự đánh giá cần tập hợp được nhiều cán bộ quản lý các Khoa, Bộ môn, trung tâm, Viện, Hội đồng khoa học và đào tạo, Phòng ban chức năng tham gia góp ý kiến, tìm minh chứng. Một mặt sẽ hình thành ở cán bộ quản lý có năng lực tổ chức, nắm vững nghiệp vụ, qua đó giúp hình thành ý thức thực hiện công việc một cách khoa học.

- Cán bộ quản lý các Khoa, Bộ môn, Trung tâm, Viện, Phòng, Ban thuộc trường thực hiện:

+ Triển khai lại chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của trường đến từng giảng viên, cán bộ viên chức và người lao động thuộc đơn vị.

+ Phối hợp và thực hiện tốt các yêu cầu của các nhóm chuyên trách, của ban thư ký tự đánh giá nhằm giúp cho việc tự đánh giá của trường thực hiện kịp tiến độ theo yêu cầu.

4.4. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chuyên trách	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1 (5TC), 2 (4TC), 3 (4TC), 4 (4TC), 5 (4TC)	Nhóm 1: Chiến lược.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa; Quản trị; Lãnh đạo và quản lý; Quản trị chiến lược; Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.
2	6 (7TC), 7 (5TC), 25 (2TC)	Nhóm 2: Quản lý.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Quản lý nguồn nhân lực; Quản lý tài chính và cơ sở vật chất; Kết quả tài chính và thị trường.
3	13 (5TC), 16 (4TC), 22 (4TC)	Nhóm 3: Đào tạo.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Tuyển sinh và nhập học; Đánh giá người học; Kết quả đào tạo;
4	14 (5TC), 15 (5TC),	Nhóm 4: Giảng dạy.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Thiết kế và rà soát chương trình dạy học; Giảng dạy và học tập;
5	9 (6TC), 10 (4TC), 11 (4TC), 12 (5TC)	Nhóm 5: Hệ thống đảm bảo chất lượng.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; Tự đánh giá và đánh giá ngoài; Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; Nâng cao chất lượng;
6	8 (4TC), 18 (4TC), 19 (4TC), 20 (4TC), 23 (6TC)	Nhóm 6: Nghiên cứu khoa học và quan hệ đối ngoại.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại; Quản lý nghiên cứu khoa học; Quản lý tài sản trí tuệ; Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học; Kết quả nghiên cứu khoa học;
7	17 (4TC), 21 (4TC), 24 (4TC)	Nhóm 7: Người học.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; Kết nối và phục vụ cộng đồng; Kết quả phục vụ cộng đồng;

4.5 Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong nhóm:

- Nhóm trưởng: điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức về các tiêu chuẩn của nhóm, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn, tiến hành rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo Kế hoạch tự đánh giá của trường.

- Thư ký nhóm: giúp nhóm trưởng và quản lý công việc khi nhóm trưởng vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí.

- Thành viên: tìm minh chứng, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

5.1 Nguồn nhân lực:

- Các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách.

- Cán bộ lãnh đạo các đơn vị trong trường.

- Cán bộ và giảng viên các Phòng Hành chính, Tổng hợp; Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT; Hội đồng khoa học và đào tạo, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD; Khoa Huấn luyện TDTT, Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Y sinh học TDTT, Khoa Quản lý TDTT, Khoa Kiến thức cơ sở ngành, Khoa Kiến thức cơ bản; Viện NCKH&CNTT, Trường PTNK Olympic, Trung tâm TT, TV TDTT, Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm TV&DV TT, Trạm y tế...

5.2 Phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động tự đánh giá:

TT	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Các hoạt động
1	Phòng làm việc	Họp, thảo luận
2	Cặp hồ sơ, tài liệu	Lưu trữ minh chứng
3	Máy tính, projector, máy scan.	Đánh máy, quét tài liệu, photo tài liệu.
4	Văn phòng phẩm	In ấn tài liệu, viết báo cáo.

5.3 Hoạt động của các nguồn nhân lực:

Nhóm	Tiêu chuẩn	Các Hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1 (5TC) 2 (4TC) 3 (4TC) 4 (4TC) 5 (4TC)	Tổ chức hội thảo (3 lần); Lấy ý kiến từ CB quản lý, chuyên gia	- Ban Giám hiệu - Phòng Hành chính, Tổng hợp. - Phòng ĐT, QLKH & HTQT. - Phòng công tác học sinh, sinh viên - Các Khoa - Viện NCKH & CNTT	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa; Quản trị; Lãnh đạo và quản lý; Quản trị chiến lược; Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Nhóm	Tiêu chuẩn	Các Hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
2	6 (7TC) 7 (5TC) 25 (2TC)	Lấy ý kiến từ công chức, viên chức và người lao động	- Phòng Hành chính, Tổng hợp	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Quản lý nguồn nhân lực; Quản lý tài chính và cơ sở vật chất; Kết quả tài chính và thị trường.
3	13 (5TC) 16 (4TC) 22 (4TC)	Hợp HĐ Khoa học và đào tạo (3 lần); Lấy ý kiến từ người học, GV, cơ quan tuyển dụng	-HĐKH&ĐT; P.ĐT, QLKH & HTQT; các Khoa; TT Ngoại ngữ; Trường PTNK Olympic, P.KT&ĐBCLGD, NCS, HV, SV.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Tuyển sinh và nhập học; Đánh giá người học; Kết quả đào tạo;
4	14 (5TC) 15 (5TC)	Hợp HĐ Khoa học và đào tạo (3 lần); Lấy ý kiến từ người học, GV, cơ quan tuyển dụng	HĐKH&ĐT; P.ĐT, QLKH & HTQT; các Khoa; TT Ngoại ngữ; Trường PTNK Olympic, NCS, HV, SV.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Thiết kế và rà soát chương trình dạy học; Giảng dạy và học tập;
5	9 (6TC) 10 (4TC) 11 (4TC) 12 (5TC)	-Lấy ý kiến từ người học, GV, cơ quan tuyển dụng.	-Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục - Trung tâm Thông tin, Thư viện TĐTT	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; Tự đánh giá và đánh giá ngoài; Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; Nâng cao chất lượng;
6	8 (4TC) 18 (4TC) 19 (4TC) 20 (4TC) 23 (6TC)	Tổ chức hội thảo cấp Trường; Lấy ý kiến từ cơ quan ngoài trường, sở, ban, ngành, chính quyền, đoàn thể có liên quan	- Viện Nghiên cứu khoa học và công nghệ thể thao. - Phòng Hành chính, Tổng hợp. - P.ĐT, QLKH & HTQT. - Các Khoa.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Quản lý nghiên cứu khoa học; Quản lý tài sản trí tuệ; Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học; Kết quả nghiên cứu khoa học.

Nhóm	Tiêu chuẩn	Các Hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
7	17 (4TC) 21 (4TC) 24 (4TC)	Lấy ý kiến từ người học, GV.	- Phòng CTHS, SV. - TT TV & DV TT. - TT TT, TV TDTT. - Trạm y tế.	Từ 01/05/2019 đến 30/09/2019	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; Kết nối và phục vụ cộng đồng; Kết quả phục vụ cộng đồng.

6. Xác định các thông tin và minh chứng cần thu thập:

6.1 Các thông tin minh chứng bên trong trường:

Các văn bản pháp quy và văn bản có liên quan đến kiểm định của Nhà trường ở các đơn vị từ năm 2015 – 2019 để minh chứng.

6.2 Các thông tin minh chứng bên ngoài:

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

STT	Thông tin cần thu thập	Nguồn cung cấp	Thời gian thu thập	Kinh phí
1	Nơi công tác của sinh viên tốt nghiệp	Các cơ quan nơi sinh viên làm việc.	6 tuần	
2	Khảo sát lãnh đạo các cơ quan nơi có sinh viên tốt nghiệp làm việc.	Lãnh đạo các cơ quan	6 tuần	
3	Khảo sát sinh viên tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp	6 tuần	

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài:

- Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Nhà trường đã hợp đồng mời chuyên gia tư vấn từ Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo, Đại học quốc gia TP HCM, gồm có 02 chuyên gia và 02 thư ký hỗ trợ. Lĩnh vực cần thuê chuyên gia tư vấn cụ thể:

- Tập huấn tổng quan cho Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách 02 buổi vào tuần 1, 2 của tháng 04/ 2019.

- Tập huấn chuyên sâu cho Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách 02 buổi vào tuần 3, 4 của tháng 04/ 2019.

- Tư vấn thu thập và phân tích minh chứng theo Master plan vào tháng 05 và đầu tháng 06/2019.

- Tư vấn xây dựng hệ thống minh chứng từ tháng 07/2019 – 09/2019

- Tư vấn xây dựng báo cáo tự đánh giá từ tháng 10/2019 – 02/2020.

- Tư vấn xây dựng kế hoạch kiểm định từ tháng 11/2019 – 12/2019.

carve

8. Kinh phí:

- Kinh phí chi trả cho hoạt động được tính theo mức đóng góp của mỗi thành viên tham gia, dựa trên khối lượng công việc mà từng thành viên đã làm (Tham dự cuộc họp, phản biện, thu thập dữ liệu, Viết báo cáo...). Một số công việc phải thực hiện thường xuyên và khó tính kết quả cụ thể sẽ được tính theo chi phí quản lý hàng tháng như Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên và các thành viên trong ban thư ký.

- Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với phòng Hành chính, tổng hợp (bộ phận tài vụ) về việc xin kinh phí để Hiệu trưởng phê duyệt cho công tác tự đánh giá.

9. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện công tác tự đánh giá là 12 tháng, từ 11/03/2019 đến ~~20~~02/2020, được thực hiện theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Từ (11/03/2019- 24/03/2019)	1. Hội đồng Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. 2. Dự kiến thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách theo các tiêu chuẩn. 3. Dự thảo kế hoạch tự đánh giá 4. Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
Từ (25/03/2019- 31/03/2019)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan; 2. Hội đồng tự đánh giá để thông qua: • Kế hoạch tự đánh giá; • Phân công cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng. 3. Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá.
Từ (01/04/2019- 14/04/2019)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá. 2. Công bố quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá. 3. Chuyên gia tư vấn tập huấn tổng quan.
Từ (15/04/2019- 28/04/2019)	1. Chuyên gia tư vấn tập huấn chuyên sâu. 2. Các nhóm chuyên trách thảo luận về phân tích nội hàm tiêu chí, cách thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo TĐG. Xây dựng Master plan cho từng tiêu chí theo mẫu.
Từ (29/04/2019- 27/10/2019)	1. Các nhóm chuyên trách thực hiện phân tích danh mục minh chứng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Phân loại và mã hóa các thông tin minh chứng thu được. 4. Các nhóm chuyên trách viết báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 5. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 6. Các nhóm gửi dự thảo báo cáo qua bên tư vấn góp ý chỉnh sửa (Lần 1)
Từ (28/10/2019- 10/11/2019)	1. Các nhóm chuyên trách chỉnh sửa dự thảo báo cáo theo góp ý của Tư vấn góp ý. 2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
Từ (11/11/2019- 24/11/2019)	Hội đồng tự đánh giá: 1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 3. Nhóm chuyên trách rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá chéo giữa các tiêu chuẩn, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Từ (25/11/2019- 08/12/2019)	1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ nhà trường. 2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Gửi báo cáo dự thảo đã được chỉnh sửa qua bên tư vấn góp ý (Lần 2)
Từ (08/12/2019- 20/12/2019)	1. Các nhóm chuyên trách rà soát, chỉnh sửa dự thảo báo cáo theo góp ý của chuyên gia. 2. Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 3. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 4. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá. 5. Nhà trường công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 6. Đăng ký với tổ chức KĐCLGD để đánh giá ngoài.
Từ (20/12/2019- 20/02/2020)	1. Kế hoạch chuẩn bị cho công tác ĐGN (kế hoạch chi tiết đón đoàn, hồ sơ MC, kế hoạch cải thiện,...) – 2. Chuyên gia tư vấn: có góp ý, chỉnh sửa kế hoạch chuẩn bị cho công tác ĐGN, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức đón đoàn ĐGN, chuẩn bị hồ sơ MC..)

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐG, Các nhóm chuyên trách,
- Ban thư ký;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD, TL 100.



PGS. TS ĐẶNG HÀ VIỆT